

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY - TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH

KỶ YẾU HỘI THẢO
BẢO TỒN VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH



Hà Giang, tháng 6 năm 2023

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY - TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH

**KỶ YẾU HỘI THẢO
BẢO TỒN VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

Hà Giang, tháng 6 năm 2023

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|-------|
| 1. Phát huy vai trò Hội nghệ nhân dân gian trong giữ gìn, bảo tồn các giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang | 5 |
| 2. Về cơ chế, chính sách đặc thù nhằm giữ gìn, khôi phục các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc trên địa bàn tỉnh | 11 |
| 3. Vai trò của di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang | 15 |
| 4. Giải pháp phát triển du lịch theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh | 20 |
| 5. Việc bài trừ xóa bỏ hủ tục lạc hậu, đưa văn hóa truyền thống vào giảng dạy trong các trường học phổ thông trên địa bàn tỉnh | 26 |
| 6. Phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh | 30 |
| 7. Bảo tồn, phát huy làng văn hóa du lịch cộng đồng với giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp và giải quyết việc làm tại địa phương | 35 |
| 8. Vai trò của khoa học công nghệ trong việc bảo tồn văn hoá gắn với phát triển du lịch Hà Giang | 39 |
| 9. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh | 46 |
| 10. Phát triển kinh tế xanh gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang | 50 |
| 11. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là kinh tế du lịch | 60 |
| 12. Kết quả và giải pháp đẩy mạnh công tác thông tin, quảng bá các điểm du lịch, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh đến với khách du lịch trong và ngoài nước | 71 |
| 13. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh | 75 |
| 14. Đội ngũ trí thức văn hoá cùng với sự phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh | 84 |
| 15. Giải pháp bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mông gắn với phát triển du lịch 4 huyện vùng cao nguyên đá Đồng Văn | 88 |
| 16. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng phát triển các loại dịch vụ du lịch trên địa bàn huyện Mèo Vạc | 93 |

17. Về những giải pháp cơ bản để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trên Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn gắn với phát triển du lịch 97
18. Phát triển làng văn hóa du lịch cộng đồng gắn với phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Hà Giang 105
19. Công tác tuyên truyền bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện 110
20. Bảo tồn văn hóa người Dao trong hội nhập và phát triển du lịch 117
21. Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống dân tộc Mông gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh 121
22. Bảo tồn văn hóa dân tộc Tày gắn với phát triển du lịch tỉnh Hà Giang 126
23. Phát huy những giá trị văn hoá đặc sắc của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang trong phát triển du lịch 130
24. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Cờ Lao gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang 132
25. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Giáy gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh 135

THAM LUẬN

Phát huy vai trò “Hội nghệ nhân dân gian” trong giữ gìn, bảo tồn các giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Ban Dân vận Tỉnh ủy

Hà Giang là tỉnh vùng cao, biên giới, phía Đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía Tây giáp tỉnh Yên Bái và Lào Cai, phía Nam giáp tỉnh Tuyên Quang, phía Bắc tiếp giáp Trung Quốc, với đường biên giới dài 277,556 km. Diện tích tự nhiên của tỉnh là 7.929,48 km²; có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, 193 xã, phường, thị trấn. Toàn tỉnh có trên 89 vạn người, dân tộc thiểu số chiếm trên 87,70%, trong đó: Dân tộc Mông chiếm 34,45%, Tày 22,43%, Dao 14,82%, Kinh 13,3%, Nùng 9,53%, La Chí 1,61%... còn lại là các dân tộc khác; có 09 dân tộc còn gặp khó khăn gồm: Mông, Tày, Nùng, Dao, La Chí, Phù Lá, Mường, Sán Chay, Giáy; 05 dân tộc khó khăn đặc thù gồm: Pà Thẻn, Lô Lô, Bố Y, Pu Péo, Cờ Lao.

Trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền tỉnh Hà Giang đã làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Qua đó, đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền các cấp. Nhiều nét đẹp văn hóa, tín ngưỡng truyền thống trong đời sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh được bảo tồn và phát huy.

Nhằm giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc, Tỉnh ủy đã ban hành nhiều nghị quyết, đề án, chỉ thị, kế hoạch tổ chức thực hiện, điển hình như: Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 06/01/2016 về việc đưa kỹ năng sống và văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số giảng dạy trong các trường học trên địa bàn tỉnh; Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 24/01/2017 về “Bảo tồn, khôi phục, phát huy giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030”; Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 11/8/2016 về “Nâng cao chất lượng hoạt động mô hình hoạt động “Hội nghệ nhân dân gian”, giai đoạn 2016 - 2020”; Đề án thí điểm phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân dân gian” thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, dân gian trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang (*đã phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân dân gian” cấp tỉnh cho 22 nghệ nhân*); Kế hoạch số 79-KH/TU, ngày 04/5/2021 về tiếp tục triển khai thực hiện mô hình “Hội nghệ nhân dân gian” giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 27-NQ/TU, ngày 01/5/2022 về thực hiện xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 09-CT/TU, ngày 10/5/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng bài

trừ các hủ tục lạc hậu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 174-KH/UBND, ngày 09/6/2021 về tiếp tục thực hiện mô hình “Hội nghệ nhân dân gian”; Quyết định số 45/2021-QĐ-UBND ngày 19/11/2021 về ban hành quy chế xét tặng danh hiệu nghệ nhân trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh... Có thể thấy qua những kết quả vai trò của mô hình hoạt động “Hội nghệ nhân dân gian” Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã rất quan tâm chỉ đạo và định hướng hoạt động, ban hành cơ chế hỗ trợ để mô hình “Hội nghệ nhân dân gian” (*Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành cơ chế hỗ trợ 10 triệu đồng/ hội/năm*) ngày càng phát huy hiệu quả nhất là trong giai đoạn hiện nay.

Mô hình hoạt động "Hội nghệ nhân dân gian" đầu tiên được thành lập tại xã Hồ Thầu huyện Hoàng Su Phì năm 2006, là bước khởi đầu trong việc phát huy vai trò của các nghệ nhân dân gian, đã tạo dựng được những nét đẹp văn hóa dân tộc, thông qua các nghệ nhân, qua tín ngưỡng tâm linh dân gian để bài trừ hủ tục lạc hậu, tạo sự hòa thuận giữa các dân tộc, vận động nhân dân thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, ổn định an ninh chính trị trên địa bàn.

Xác định rõ vai trò của các nghệ nhân trong việc bảo tồn và phát huy các vốn văn hóa dân gian các dân tộc, từ thực tế hoạt động của các "Hội nghệ nhân dân gian" của Huyện Hoàng Su Phì, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Kết luận số 28-KL/TU ngày 28 tháng 3 năm 2011 cho chủ trương triển khai nhân rộng mô hình hoạt động "Hội nghệ nhân dân gian" trong toàn tỉnh.

Sau Hội nghị tổng kết đánh giá 1 năm hoạt động mô hình "Hội nghệ nhân dân gian" tại huyện Hoàng Su Phì ngày 03/01/2012, cấp ủy, chính quyền các cấp đã thực sự nhận thức được sự cần thiết của mô hình hội, vai trò, tầm quan trọng của các nghệ nhân dân gian trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc, nghề truyền thống của các dân tộc trong tỉnh và tiếp tục quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo, tạo điều kiện cho Hội hoạt động.

Ngày 11/8/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Đề án số 05-ĐA/TU về nâng cao chất lượng mô hình Hội nghệ nhân dân gian, giai đoạn 2016-2020; sau sơ kết 5 năm thực hiện Đề án, ngày 04/5/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 79-KH/TU về tiếp tục triển khai thực hiện mô hình “Hội nghệ nhân dân gian” giai đoạn 2021 – 2025.

Đến nay trên toàn tỉnh có 188 tổ chức hội /193 cấp xã phường thị trấn có “Hội nghệ nhân dân gian” với 9.088 hội viên hoạt động trên 3 lĩnh vực: Lĩnh vực tín ngưỡng dân gian; lĩnh vực phát huy, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; lĩnh vực truyền, dạy, làm nghề truyền thống.

- *Lĩnh vực tín ngưỡng dân gian*: Toàn tỉnh có 3.528 hội viên, chiếm 38,82% tổng số hội viên của “Hội Nghệ nhân dân gian”. Đa số các hội viên lĩnh vực này là thầy cúng, thầy mo, thầy tạo... Đó là những người có uy tín, có tiếng nói trong cộng

đồng dân cư, vì vậy, đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân xóa bỏ mê tín dị đoan và các phong tục, tập quán lạc hậu, xóa bỏ tình trạng ma chay kéo dài ngày, cúng khi ốm đau, ép duyên, hôn nhân cận huyết thống, tảo hôn, thách cưới... qua đó giúp nhân dân giải tỏa về mặt tư tưởng, giảm gánh nặng về kinh tế, được thực hiện các hoạt động tín ngưỡng, tâm linh trong khuôn khổ của pháp luật.

- *Lĩnh vực phát huy giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc*: Toàn tỉnh có 3.356 hội viên, chiếm 36,92% hội viên của Hội. Đây là lực lượng nòng cốt trong việc tham mưu, đề xuất với chính quyền địa phương trong việc khai thác, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của từng dân tộc. Thông qua hoạt động của các hội viên lĩnh vực này đã góp phần làm cho các hoạt động văn hóa dân gian truyền thống các dân tộc ở địa phương ngày càng được khai thác, phát huy hiệu quả hơn. Các hội viên "Hội nghệ nhân dân gian" còn tham gia thành lập các câu lạc bộ, các lớp dạy chữ nho, sáng tác thơ, nhạc, các lớp truyền dạy văn hóa dân gian cho thế hệ trẻ. Đặc biệt, các hội viên đã tích cực tham gia đưa kỹ năng sống và văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số vào giảng dạy trong các trường học trên địa bàn tỉnh. Hàng năm, các tổ chức Hội đã mở các lớp truyền dạy về làn điệu dân ca, dân vũ, nhạc cụ và các nghi lễ truyền thống của các dân tộc, vận động đồng bào giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số, đặc biệt bản sắc văn hóa của các dân tộc có nguy cơ bị mai một.

- *Lĩnh vực làm và dạy nghề truyền thống*: Có 2.204 hội viên, chiếm 24,25% tổng số hội viên toàn tỉnh. Thông qua "Hội nghệ nhân dân gian" các hội viên lĩnh vực này đã trao đổi, đề xuất với chính quyền tôn tạo, khôi phục, truyền dạy một số nghề thủ công truyền thống để tăng thu nhập cho đồng bào gắn với phát triển du lịch, dịch vụ - thương mại như nghề thuốc đông y, nghề thủ công chạm khắc bạc, nghề rèn, nghề làm khèn Mông, nghề đan lát quấy tấu và đồ dùng sinh hoạt, nghề thêu thổ cẩm.. các hội viên còn tham gia tích cực vào hoạt động và xây dựng các làng nghề truyền thống...

Đặc biệt hiện nay, đội ngũ nghệ nhân dân gian trên địa bàn tỉnh đang đóng góp tích cực vào việc tuyên truyền xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong đồng bào các dân tộc tỉnh Hà Giang theo Chỉ thị số 09-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 27-NQ/TU của Ban Chấp hành Tỉnh ủy.

Sau 1 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TU của Ban Chấp hành Tỉnh ủy và 02 năm thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu đã dần được xóa bỏ, cụ thể:

* *Trong việc cưới, hỏi* các hội viên "Hội nghệ nhân dân gian" đã tuyên truyền vận động các đám cưới thực hiện theo nếp sống văn minh, các nghi lễ đã được đơn giản hóa, gọn nhẹ, không phô trương hình thức, không rườm rà, không nặng về lễ vật, cơ bản phù hợp với văn hóa truyền thống của từng dân tộc và điều kiện, hoàn cảnh

kinh tế của từng gia đình; phù hợp với thuần phong mỹ tục của từng dân tộc; các tiệc cưới được tổ chức gọn nhẹ trong phạm vi gia đình, dòng họ và thời gian tổ chức trong ngày...; tuyên truyền vận động, can thiệp hoãn hôn lễ được 330 cặp. Đến nay, việc tảo hôn, kết hôn cận huyết thống đã giảm nhiều so với trước đây; đặc biệt, nhiều thôn bản đã xóa bỏ được hủ tục này. Tuy nhiên, cả tỉnh vẫn còn 197 cặp tảo hôn, 05 cặp hôn nhân cận huyết thống.

* *Trong việc tang lễ* trong các dân tộc đã có sự chuyển biến khá rõ nét như: Đơn giản, tiết kiệm, phù hợp với tập quán, truyền thống văn hóa của từng dân tộc, dòng họ và hoàn cảnh của gia đình. Việc phúng viếng đảm bảo trang trọng; thời gian tổ chức tang lễ cơ bản đúng quy định. Các hủ tục trong đám tang đã dần được loại bỏ, không còn hiện tượng mời thầy cúng yểm bùa, trừ tà, lặn đường, khóc mướn và thực hiện các thủ tục rườm rà khác; bài cúng của thầy mo, thầy tạo đã được rút ngắn, những yếu tố mê tín dị đoan dần được loại bỏ; hạn chế việc giết mổ nhiều gia súc trâu, bò, rượu chè linh đình trong nhiều ngày...

Đa số các đám tang, thời gian tổ chức tang lễ không quá 48 giờ, thi hài người chết được chôn cất chu đáo, đảm bảo vệ sinh, một số gia đình đã thực hiện đưa người chết đi điện táng giảm thiểu được tác hại tới môi trường; việc cúng, giỗ đã được tổ chức đơn giản, gọn nhẹ. Qua 01 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TU và 02 năm thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU tổng số người chết trong nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh là 5.572 người (riêng Dân tộc Mông là 2.089 người, trong đó số người chết đưa vào áo quan khi làm tang ma là 1.033 người, chiếm tỷ lệ 49,5%, chưa đưa vào áo quan là 1.056 người chiếm 50,5%).

* *Trong tổ chức lễ hội* nhìn chung các lễ hội được tổ chức đúng quy định, đảm bảo trang trọng, đúng nghi thức dân gian truyền thống, nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian được phục dựng tại lễ hội nhằm thu hút người dân và du khách tham gia như: Lễ hội gầu tào, khèn Mông; thi bắn nỏ, đánh yến, tung còn, leo dây, đi cà kheo...đáp ứng đời sống văn hóa tinh thần cũng như nhu cầu sinh hoạt tâm linh của nhân dân, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Hoạt động tại các đền, chùa, miếu, nhà thờ và các điểm sinh hoạt tín ngưỡng trên địa bàn từng bước đi vào nề nếp. Quy mô phần hội được mở rộng, đa dạng hóa về hình thức, đổi mới về nội dung, vừa phát huy được lễ hội truyền thống, tạo không khí phấn khởi trong nhân dân. Tuy nhiên, việc tổ chức lễ hội truyền thống ở một số địa phương còn lúng túng, chưa thành nề nếp, có lễ hội còn mang tính tự phát, chưa có sự chỉ đạo, quản lý chặt chẽ.

* *Trong đời sống sinh hoạt* các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã tập trung lãnh chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền, vận động nhân dân tập trung vào các nhiệm vụ chính, như: Cải tạo, thay đổi các tập quán lạc hậu trong đời sống sinh hoạt, trong lao động sản xuất, giữ gìn vệ sinh môi trường, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xóa đói, giảm nghèo bền vững; thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 01/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ để tạo sinh kế

cho người dân, giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công, cựu chiến binh nghèo và hộ nghèo; không thả rông gia súc, chủ động thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi diện tích canh tác kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, cây dược liệu, cây rau, quả trái vụ để tăng thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác; vận động nhân dân chấm dứt việc sử dụng thuốc diệt cỏ, thuốc bảo vệ thực vật không đúng quy trình để tránh ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, di dời chuồng trại ra xa nhà, xây dựng hố chứa chất thải chăn nuôi, lò đốt rác; không xả rác, chất thải, nước thải chưa qua xử lý trực tiếp ra đường, hệ thống cống rãnh ở khu đô thị và khu dân cư.

Ngoài ra các “Hội nghệ nhân dân gian” cùng với cấp ủy, chính quyền còn làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân theo đạo trái pháp luật, đạo lạ quay lại tín ngưỡng truyền thống dân gian...

Có thể nói, đạt được kết quả nêu trên là có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia, đồng tình hưởng ứng của nhân dân, đặc biệt là sự tham gia, đóng góp của đội ngũ nghệ nhân dân gian toàn tỉnh.

Xác định trong thời gian tới nhiệm vụ quan trọng là tiếp tục, quyết liệt làm tốt việc giữ gìn, bảo tồn các giá trị văn hóa và thực hiện xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân các dân tộc của tỉnh là góp phần nâng cao đời sống mọi mặt cho nhân dân, cùng với đó sẽ là điều kiện thuận lợi để Hà Giang phát triển mạnh về du lịch.

Do vậy, việc giữ gìn, bảo tồn các giá trị văn hóa, thực hiện xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Nhằm tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò của “Hội nghệ nhân dân gian” trên địa bàn tỉnh Hà Giang, Ban Dân vận Tỉnh ủy xin có một số ý kiến đề xuất như sau:

1. Tiếp tục vận động các nghệ nhân dân gian ở cơ sở tích cực tham gia tổ chức Hội, nhất là các nghệ nhân có tay nghề và uy tín cao.

2. Mặt trận Tổ quốc thường xuyên làm tốt công tác quản lý, hướng dẫn, định hướng cho các hoạt động của Hội tuy theo từng địa bàn, địa phương, góp phần phát huy vai trò của nghệ nhân trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.

3. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách đối với Hội nghệ nhân dân gian, như hỗ trợ kinh phí cho Hội hoạt động theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND, ngày 03/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022. Theo Nghị quyết quy định hỗ trợ cho tổ chức Hội nghệ nhân dân gian là 10

triệu/hội/năm. Ngoài ra, tùy vào điều kiện thực tế, địa phương nên cân đối để hỗ trợ thêm cho Hội hoạt động.

4. Thực hiện tốt chính sách đối với nghệ nhân, như việc công nhận danh hiệu Nghệ nhân dân gian cho các nghệ nhân có đủ tiêu chuẩn và có nhiều đóng góp trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Trước hết là tổ chức thực hiện theo Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND, ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu Nghệ nhân trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

5. Ở các cấp, thường xuyên tổ chức các hội nghị biểu dương, khen thưởng động viên nghệ nhân; tổ chức cho nghệ nhân đi tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh.

THAM LUẬN

Cơ chế, chính sách đặc thù nhằm giữ gìn, khôi phục các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc trên địa bàn tỉnh

Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh

Trong những năm qua được sự quan tâm về mọi mặt của các cấp ủy Đảng, nhà nước với sự đoàn kết phấn đấu khắc phục mọi khó khăn của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang, tình hình kinh tế xã hội của tỉnh tiếp tục tăng trưởng, đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng, công tác xoá đói giảm nghèo từng bước đạt được kết quả. Công tác bảo tồn, giữ gìn, khôi phục và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh nhà được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm thực hiện và đạt nhiều kết quả.

Tỉnh luôn chủ động chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp với các cấp, ngành, địa phương khai thác thế mạnh của các thiết chế văn hoá cơ sở để bảo tồn, phát huy hiệu quả việc sưu tầm, chọn lọc bản sắc văn hoá các dân tộc của tỉnh. Đến nay đã xây dựng được trên 40 làng văn hoá du lịch cộng đồng, thông qua các hoạt động sinh hoạt văn hoá truyền thống để giới thiệu các bản sắc văn hoá dân tộc với du khách, góp phần nâng cao đời sống kinh tế, tinh thần cho các thôn bản; nhiều đề tài nghiên cứu, sưu tầm về bản sắc văn hoá các dân tộc trong việc cưới, việc tang và lễ hội được thực hiện, phát huy tính tích cực, nhân văn được thể hiện trong văn hoá truyền thống của các dân tộc.

Xây dựng quy ước, quy chế xây dựng gia đình, thôn, bản văn minh, hoà thuận thi đua phát triển kinh tế gia đình, Công tác sưu tầm, bảo tồn và phát huy các lễ hội truyền thống được đặc biệt chú trọng: Lễ hội Cầu mùa; Lễ hội "Gầu sào" của người Mông; Lễ "Lầu then" của người Tày; Lễ hội "Khu cù tê" của người La Chí; Hát dân ca dân tộc Nùng... Tiếp tục củng cố tổ chức các đội văn nghệ quần chúng, toàn tỉnh có trên 1670 đội văn nghệ quần chúng hoạt động hiệu quả. Đây là lực lượng đi đầu trong công tác phát huy, bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc. Tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn ca, múa, nhạc truyền thống nhằm tạo cơ hội để Đoàn nghệ thuật, các nghệ nhân của các huyện, thành phố gặp gỡ, giao lưu trao đổi về công tác bảo tồn phát huy các giá trị văn hoá truyền thống. Xuất bản các ấn phẩm văn hoá có giá trị bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống, đặc biệt là văn hoá các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa. Mặt khác cũng nhằm giới thiệu những nét văn hoá đặc sắc, tiêu biểu của từng dân tộc, cụ thể: sách song ngữ Mông - Việt; Những bài khèn của người Mông ở Hà Giang... Tổ chức ghi âm, ghi hình, sản xuất, phát hành các ấn phẩm, tài liệu, đĩa CD, DVD... nhằm phản ánh, quảng bá vốn văn hóa bản sắc: kiến trúc nhà ở, lễ hội, dân ca, dân vũ, tập quán, trang phục, trang sức, nhạc cụ, dụng cụ lao động sản xuất, săn bắn, đồ dùng sinh hoạt, nghề thủ công

truyền thống, văn hoá ẩm thực, thu hút khách du lịch. Suu tầm, giữ gìn, khai thác và nâng cao các giá trị về Phong tục tập quán, Nghệ thuật tạo hình, trang trí hoa văn trên các loại: trang phục, đồ dùng sinh hoạt, lao động, kiến trúc nhà ở và các công trình khác, giá trị nghệ thuật biểu diễn mang tính văn hóa bản sắc của các dân tộc đa số và thiểu số. Bảo tồn các trò chơi dân gian truyền thống và dàn dựng thành các tiết mục biểu diễn, giao lưu, phục vụ Nhân dân và khách du lịch tại các lễ hội, hội thi, hội diễn, liên hoan...và bảo tồn “sống” bằng phương pháp trao truyền duy trì bền vững qua các thế hệ.

Bên cạnh những thuận lợi, kết quả đã đạt được, tỉnh nhà còn một số khó khăn nhất định như: địa hình chia cắt, phức tạp, khí hậu khắc nghiệt, dân cư sống thưa thớt, các thôn bản phân bố xa nhau, giao thông đi lại khó khăn, trình độ dân trí của đồng bào không đồng đều, thu nhập còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao; cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, quá trình sắp xếp, tổ chức lại hoạt động sản xuất, quá trình chuyển dịch dân cư đi lao động tại các khu công nghiệp ngoài tỉnh, nước ngoài làm nảy sinh nhiều mối quan hệ giữa các dân tộc với nhau, dẫn đến sự giao thoa, tiếp biến văn hóa, nhà truyền thống dân tộc Mông có nguy cơ bị mai một; những thay đổi trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng cũng có tác động rõ rệt đến các giá trị văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc; xu thế hội nhập mạnh mẽ trong điều kiện phát triển của mạng lưới thông tin, công nghệ số đã tác động lớn và nhiều mặt đến không gian và đời sống văn hóa vùng đồng bào dân tộc, miền núi trên địa bàn tỉnh; nguồn ngân sách tỉnh đầu tư cho công tác giữ gìn, khôi phục các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc trên địa bàn tỉnh còn hạn hẹp đã đặt ra thách thức lớn cho việc gìn giữ, khôi phục và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

Nhằm phát huy vai trò, lợi thế của bản sắc văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ngày 14/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg về Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025. Trong đó, Chính phủ đề cao giải pháp khai thác tiềm năng, thế mạnh của các địa phương trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bảo tồn và phát triển các giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Đối với tỉnh Hà Giang, địa phương hiện có 19 dân tộc sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ gần 90%. Mỗi dân tộc có những nét văn hóa truyền thống, phong tục tập quán riêng, tạo nên bản sắc vùng miền độc đáo, phong phú, để lưu giữ những bản sắc văn hóa độc đáo ấy, những năm qua, tỉnh luôn chú trọng và xem đó là thế mạnh to lớn để tạo đà cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới thông qua việc giữ gìn, khôi phục, bảo tồn, phát huy, đưa bản sắc văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch. Các cấp ủy Đảng, chính quyền luôn quan tâm đặc biệt đến sự nghiệp bảo tồn và phát triển văn hóa, nhất là bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nghị

quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định về Định hướng phát triển “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc các dân tộc, xây dựng con người Hà Giang phát triển toàn diện; nhân rộng đề án bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc Mông, mô hình Hội nghệ nhân dân gian, truyền dạy văn hóa truyền thống trong các trường học; đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa cơ sở” và trong những năm qua, các cơ chế chính sách của trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh để giữ gìn, khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đã phát huy hiệu quả, đời sống vật chất, đời sống văn hoá tinh thần của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh từng bước được cải thiện, góp phần giữ gìn bản sắc những giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc.

Xác định tầm quan trọng việc giữ gìn, khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh là yêu cầu cấp thiết cần được ưu tiên hàng đầu, vì vậy trong thời gian tới tỉnh cần quan tâm thực hiện tốt một số nội dung sau:

Một là, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị về vấn đề giữ gìn, khôi phục, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc trong tình hình mới; tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân các chính sách dân tộc nói chung, chính sách dân tộc về văn hóa nói riêng làm cho đồng bào các dân tộc nhận thức rõ bối cảnh, thời cơ, thách thức trước tác động của sự thay đổi, tiếp biến văn hóa, trên cơ sở đó quyết tâm gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình với tinh thần tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo.

Hai là, Đảng và Nhà nước tiếp tục có cơ chế chính sách, nguồn kinh phí hợp lý, kịp thời để giữ gìn, khôi phục và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống tiêu biểu của từng dân tộc ở từng vùng miền; có chính sách ưu đãi với các bậc cao niên còn biết, nắm giữ phong tục tập quán dân tộc truyền thống và các bí quyết, kinh nghiệm trong việc dạy bảo con cháu và dân làng trong thôn, bản thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước tham gia vào công tác xã hội của thôn, bản; chính sách hỗ trợ đối với người trực tiếp trông coi di tích và nghệ nhân lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh, đối với tỉnh ta, chính sách này dự kiến kỳ họp HĐND tỉnh sẽ được bàn bạc quyết nghị thông qua.

Ba là, tiếp tục đầu tư xây dựng, đầu tư trang thiết bị hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với di tích lịch sử - văn hóa ở từng vùng, từng địa phương; xây dựng các đội văn nghệ dân gian tại địa phương để đồng đảo bà con các dân tộc được tham gia sinh hoạt, Từng bước nâng cao mức hưởng thụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao trong cộng đồng các dân tộc trên địa bàn. Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố tăng cường tổ chức phổ biến rộng rãi các thiết kế mẫu, thiết kế định hình nhà ở (đã được Sở xây dựng ban hành các thiết kế mẫu) công bố các mẫu thiết kế và dự toán các mẫu tại trụ sở cấp xã, để Nhân dân tham khảo, lựa

chọn đặc biệt là Mẫu thiết kế định hình nhà ở truyền thống dân tộc Mông tại các huyện vùng công viên địa chất toàn cầu Cao Nguyên Đá.

Bốn là, tăng cường tổ chức các chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ đồng bào ở các xã, thôn vùng sâu, vùng xa, xã biên giới, vùng đặc biệt khó khăn; khen thưởng, động viên, hỗ trợ cho nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng tham gia với vai trò đầu tàu trong các câu lạc bộ truyền dạy văn hóa - nghệ thuật dân tộc hoặc sáng tạo các giá trị văn hóa nghệ thuật mới phục vụ đồng bào các dân tộc trên địa bàn để “xây dựng môi trường văn hóa một cách toàn diện ở gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư, trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp để văn hóa thực sự là động lực, đột phá phát triển kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế”.

Năm là, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách, các chương trình, dự án gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số. Cấp ủy, chính quyền các cấp cần có chương trình hành động cụ thể về xây dựng đời sống văn hóa mới; đồng thời, có sự phân công cụ thể cho các cấp, các ngành và cá nhân phụ trách theo địa bàn và dân tộc, qua đó, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện.

Sáu là, thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số, trong đó, đặc biệt quan tâm đến đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa. Cán bộ, công chức ở cơ sở là người dân tộc thiểu số có vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị, là hạt nhân tiêu biểu trong việc phát huy sức mạnh đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, trực tiếp góp phần đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống của đồng bào các dân tộc. Trong đó, việc thực hiện bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số là giải pháp thiết thực và bền vững nhằm phát triển hài hòa kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

THAM LUẬN

Vai trò của di sản văn hóa trong lộ trình thúc đẩy du lịch gắn với phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh

Sở Văn hóa - Thể thao và du lịch

Ngày 24/11/2021 tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã kết luận: *“Văn hóa là bản sắc của dân tộc, văn hóa còn thì dân tộc còn, văn hóa mất thì dân tộc mất. Văn hóa rất gần gũi với đời sống, khi người dân được sống giữa tình thương và lòng nhân ái, lễ công bằng... ấy chính là văn hóa. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, gắn liền với đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu, cái ác, phi văn hóa, phản văn hóa; bảo vệ những giá trị chân - thiện - mỹ. Khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn dân tộc; phát huy cao độ những giá trị văn hóa, sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người Việt Nam, tạo nguồn lực nội sinh và động lực đột phá để thực hiện thành công mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025, 2030, tầm nhìn 2045 mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra”.*

Là một tỉnh miền núi biên giới, đa sắc màu văn hóa dân tộc vấn đề bảo tồn văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh văn minh, khơi dậy giá trị văn hóa để phát triển kinh tế - xã hội xây dựng mỗi đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ quan trọng được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Hà Giang đã và đang hướng tới. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVII khẳng định: *“Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc... Phấn đấu xây dựng Hà Giang là tỉnh phát triển về du lịch.... Bảo tồn văn hóa các dân tộc là nhân tố trực tiếp tham gia vào quá trình phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế du lịch... Phát triển du lịch theo hướng bền vững, tập trung vào du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bản sắc văn hóa dân tộc..”* ; *“Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa để góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nhất là phát triển du lịch, tạo sinh kế cho nhân dân; giáo dục, kế thừa, giữ gìn truyền thống quý báu về giá trị văn hóa lịch sử cho các thế hệ nhân dân các dân tộc Hà Giang; đồng thời từng bước ngăn chặn, xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh, khôi đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh”.*

Thực hiện mục tiêu bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch, trong năm 2021, 2022 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành: 05 nghị quyết¹, 01 chỉ thị²; 01 kế hoạch³; 03 đề án⁴. Hội đồng nhân dân

¹ Nghị quyết 11-NQ/TU ngày 02/8/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch Hà Giang giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 06/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 19-NQ/TU bảo tồn và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồi Văn; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 06/01/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVI về việc đưa kỹ năng sống và văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số vào giảng dạy trong các trường học trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Nghị quyết số 27-NQ/TU, ngày 01/05/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh Hà Giang về thực hiện xóa bỏ các hủ tục,

tỉnh ban hành 03 nghị quyết⁵. UBND tỉnh ban hành 01 Quyết định về phân cấp quản lý, phát huy giá trị di sản văn hóa⁶, 01 Chỉ thị về tăng cường quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản địa chất, các điểm du lịch⁷, 05 đề án, dự án về bảo tồn di sản văn hóa⁸, 08 kế hoạch thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy về công tác bảo tồn di sản văn hóa⁹, thường xuyên ban hành các văn bản chấn chỉnh hoạt động di sản văn hóa; xây dựng các kế hoạch triển khai các chương trình, Nghị quyết, Nghị định, Chỉ thị, quyết định... của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương và của tỉnh.

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của tỉnh, ngành đã ban hành các văn bản hướng dẫn các huyện, thành phố. Đảng ủy Sở đã ban hành 05 Nghị quyết, trong đó có 02 Nghị quyết chuyên đề về bảo tồn di sản văn hóa¹⁰. Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch

phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

² Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 10/5/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng bài trừ hủ tục lạc hậu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang.

³ Kế hoạch 612-KH/TU ngày 8/10/2020 về thực hiện Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 33 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

⁴ Đề án số 05-ĐA/TU ngày 11/8/2016 nâng cao chất lượng hoạt động mô hình “Hội nghệ nhân dân gian” giai đoạn 2016 - 2020; Đề án số 09-ĐA-TU ngày 21/4/2017 về bảo tồn, khôi phục, phát huy giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030; Đề án số 19-ĐA-TU ngày 25/9/2017 thí điểm phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân dân gian” thuộc lĩnh vực tín ngưỡng dân gian trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

⁵ Quy định về phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, bảo tàng trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: 2021 - 2025; Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2022 sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý

⁶ Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh về quy định quản lý, bảo vệ và phát huy di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

⁷ Chỉ thị số 1216/CT-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Hà Giang về tăng cường quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản địa chất, các điểm du lịch

⁸ Đề án Nâng cao chất lượng và phát triển các Lễ hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến 2030 (Quyết định 1476/QĐ-UBND ngày 31/7/2019); Đề án Bảo tồn văn hóa truyền thống và nâng cao chất lượng dịch vụ các làng văn hóa du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2025 (Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 08/4/2020); Dự án “Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục DSVHPVT quốc gia” và “Phục dựng, bảo tồn một số Lễ hội dân gian truyền thống các dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang” Giai đoạn 2017-2020 (Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 04/7/2017)... đề án 501 về bảo tồn văn hóa truyền thống và nâng cao chất lượng dịch vụ các Làng văn hóa du lịch cộng đồng; đề án 529 về phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2025

⁹ Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 06/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 09/02/2018; Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 10/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch triển khai Nghị quyết 19-NQ/TU về bảo tồn và phát huy giá trị CVĐC toàn cầu Unesco CNĐ Đồng Văn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030; Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 01/7/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 01/5/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 30/9/2021 triển khai Nghị quyết số 11; số 159/KH-UBND ngày 20/5/2021 về Xúc tiến quảng bá du lịch - Thương mại tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025; số 43/KH-UBND ngày 16/02/2022 về phát triển sản phẩm du lịch tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 92/KH-UBND ngày 24/3/2022 về tổ chức các hoạt động du lịch trong điều kiện bình thường mới;

¹⁰ Nghị quyết 53-NQ/ĐU ngày 5/6/2018 về lãnh chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Sở giai đoạn 2018 - 2020; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Sở VH TT & DL khóa III, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 65-NQ/ĐU ngày 14/5/2021 về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết 12-NQ/ĐU ngày 20/1/2022 thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 6/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về bảo tồn và

đã ban hành 25 kế hoạch, gần 100 văn bản đôn đốc, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra các ngành, địa phương thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự vào cuộc của các cấp các ngành, công tác bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch của tỉnh đã và đang gặt hái được thành quả quan trọng góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Đến nay, tỉnh Hà Giang đã tổ chức kiểm kê nhận diện được 131 di sản văn hóa vật thể, 446 di sản văn hóa phi vật thể. Toàn tỉnh Hà Giang có 61 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh được xếp hạng các cấp, trong đó có 31 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, 30 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồi Văn được gia nhập mạng lưới CVĐC toàn cầu từ năm 2010 và đến nay đã 3 kỳ liên tiếp được Hội đồng công viên địa chất toàn cầu UNESCO đánh giá giữ vững danh hiệu CVĐC toàn cầu. Có 31/61 di tích xếp hạng đã được trùng tu, tu bổ và tôn tạo (gồm 18 di tích cấp quốc gia, 13 di tích cấp tỉnh) với tổng kinh phí đầu tư được cấp là 203.503 triệu đồng, trong đó nguồn ngân sách từ Chương trình mục tiêu quốc gia là 31.091 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 158.003 triệu đồng, ngân sách xã hội hóa là 14.409 triệu đồng. Các di tích sau khi được tu bổ, tôn tạo đã cơ bản khắc phục được tình trạng xuống cấp, đảm bảo an toàn lâu dài cho công trình, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân. Nhiều di tích sau khi được tu bổ đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn, thu hút khách tham quan trong và ngoài tỉnh.

Về di sản văn hóa phi vật thể, toàn tỉnh đã có 27 di sản được ghi danh vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Di sản văn hóa thực hành Then Tày, Nùng, Thái của 11 tỉnh, thành, trong đó có Hà Giang được UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Có 40 di sản văn hóa phi vật thể được đầu tư phục dựng. Các di sản văn hóa phi vật thể được bảo tồn và phục dựng đã và đang được phát huy. Giá trị văn hóa đã trở thành sản phẩm du lịch hấp dẫn du khách đến với Hà Giang. Một số lễ hội như Nhảy lửa của dân tộc Pà Thẻn, Lễ hội Khèn và lễ hội thêu dệt thổ cẩm của dân tộc Mông; cầu mùa của người Lô Lô; cấp sắc, Bàn Vương, nhảy lửa của dân tộc Dao; lồng tồng của dân tộc Tày, Lễ hội mừng năm mới của người Giáy... Các làn điệu dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc, trang phục truyền thống, ẩm thực dân tộc được bảo tồn đã góp phần quan trọng trong việc quảng bá hình ảnh đất và người Hà Giang trong sắc màu dân tộc độc đáo và hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Các di sản văn hóa phi vật thể được sưu tầm nghiên cứu, phục dựng, trao truyền, tổ chức trình diễn trong thời gian qua đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa ở cơ sở và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Thực hiện các kế hoạch, đề án của tỉnh 16 Làng văn hóa du lịch cộng đồng đã và đang được đầu tư theo hướng vừa bảo tồn văn hóa, vừa nâng cao chất lượng dịch vụ du

liệt với các hạng mục như: đầu tư mái nhà truyền thống, cải tạo cảnh quan, công trình vệ sinh, truyền dạy nghề và các làn điệu dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc; tổ chức không gian trưng bày giới thiệu sản phẩm địa phương, đào tạo nguồn nhân lực du lịch... Tổ chức xây dựng các Làng văn hóa du lịch cộng đồng gắn với tiêu chuẩn OCOP; làng văn hóa du lịch cộng đồng theo tiêu chuẩn ASEAN đối với làng Nậm Đăm; đầu tư các khu du lịch nghỉ dưỡng theo kiến trúc làng văn hóa truyền thống như Làng văn hóa Pà Vi, khu nghỉ dưỡng H Mông vilage, Nậm Hồng...

Hà Giang hiện có 81 lễ hội, trong cấp tỉnh, khu vực 08; cấp huyện, liên huyện là 15 và cấp xã là 58. Về loại hình có 54 lễ hội dân gian, 11 lễ hội lịch sử, 14 lễ hội văn hóa, thể thao, du lịch và 02 lễ hội nghề truyền thống. Các lễ hội truyền thống được bảo tồn và được xác định về quy mô, thời gian tổ chức đảm bảo các mục tiêu bảo tồn văn hóa, quảng bá du lịch và tạo không gian trải nghiệm cho du khách khi đến với Hà Giang.

Với chủ trương “Lấy văn hóa để phát triển du lịch, lấy du lịch để bảo tồn phát triển văn hóa”, xem di sản văn hóa là tài nguyên du lịch có giá trị đặc biệt để khai thác tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn, từng bước phát huy giá trị và góp phần tích cực trong việc thu hút khách du lịch. Năm 2022, ngay khi Chính phủ cho chủ trương mở cửa du lịch, Hà Giang đã tổ chức thành công các giải pháp thích ứng linh hoạt trong hoạt động du lịch và tổ chức đón 2.268 triệu lượt khách đạt 147% kế hoạch năm; doanh thu du lịch đạt 4.306 tỷ đồng. Lượng khách du lịch tăng góp phần thúc đẩy các ngành dịch vụ tăng đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GDP của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch ở Hà Giang còn một số hạn chế: Việc bảo tồn văn hóa đang thực hiện ở một số điểm di sản, làng văn hóa du lịch cộng đồng, điểm du lịch mà chưa được bao trùm trên các vùng, do đó chưa thể hiện rõ nét giá trị văn hóa của tỉnh. Nguy cơ không gian văn hóa truyền thống bị phá vỡ cao. Một số giá trị văn hóa được du khách yêu thích có nguy cơ bị mai một như kiến trúc, trang phục, nghề, dụng cụ sinh hoạt, lao động sản xuất truyền thống. Nhiều di sản văn hóa có giá trị có thể đưa vào khai thác phục vụ du lịch chưa được đầu tư bảo tồn một cách bài bản, khoa học và quy mô. Nguyên nhân nhận thức của cộng đồng về di sản văn hóa còn hạn chế, xu hướng phát triển mạnh nên không tránh khỏi tiếp biến văn hóa, vật liệu truyền thống thiếu, sản phẩm truyền thống thiếu thị trường tiêu thụ; nguồn lực đầu tư của tỉnh còn hạn chế.

Để thực hiện việc bảo tồn giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang thời gian tới đạt hiệu quả, ngành đề xuất một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

Một là, tăng cường tuyên truyền đến các cấp, các ngành và cán bộ nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bảo tồn di sản văn hóa; gắn cộng đồng địa phương - chủ nhân thực sự của các di sản có được quyền làm chủ các di sản của mình, từng

bước thu hút cộng đồng tham gia quản lý; vừa khai thác các lợi ích kinh tế do du lịch mang lại đồng thời vừa bảo tồn văn hóa địa phương.

Hai là, chính quyền các cấp cần chú trọng đầu tư tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu; đầu tư nghiên cứu phục dựng các lễ hội, các hình thức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, định hướng chọn lọc một số lễ hội tiêu biểu của địa phương, xây dựng thành lễ hội tiêu biểu của vùng để thu hút khách du lịch theo Đề án nâng cao chất lượng và phát triển các lễ hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Ba là, chú trọng phát huy hiệu quả mô hình Hội nghệ nhân dân gian, nhóm sở thích, câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa; phát huy giá trị văn hóa truyền thống, phát triển du lịch cộng đồng để góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn miền núi, làm cho đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, lành mạnh, vừa bảo tồn di sản văn hóa truyền thống vừa góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân đồng thời xây dựng đa dạng các sản phẩm du lịch, tạo cho du khách các chương trình du lịch đa trải nghiệm.

Bốn là, tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động đưa văn hóa truyền thống vào giảng dạy trong các cấp học để giáo dục thế hệ trẻ hiểu và tôn trọng giá trị di sản văn hóa, nâng cao ý thức, vai trò trách nhiệm trong việc phát huy di sản văn hóa, trở thành những người quản lý và bảo vệ di sản văn hóa, đảm bảo cho các di sản văn hóa tồn tại bền vững.

Năm là, thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Ban chấp hành, Ban thường vụ Tỉnh ủy, các kế hoạch, đề án của UBND tỉnh đặc biệt là Nghị quyết số 11, nghị quyết 15, nghị quyết 19, nghị quyết 27 về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, xóa bỏ hủ tục lạc hậu và phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025.

Với tư cách là đại diện cho Ngành tham mưu cho tỉnh về công tác văn hóa, thể thao và du lịch, tôi đề nghị các cấp, các ngành cần phối hợp chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc, tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội nói chung và ngành du lịch nói riêng.

THAM LUẬN

Giải pháp phát triển du lịch theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang nói chung và công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch nói riêng

Để triển khai các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh trình Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và trình UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, các quy định của pháp luật đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh, làm cơ sở cho các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện (*Theo đó, từ năm 2013 đến nay, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang đã ban hành 03 Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; 14 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 55 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; 02 Chỉ thị; 21 Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

Một số văn bản chỉ đạo, triển khai liên quan đến hoạt động du lịch, thu gom và xử lý rác thải, như: Chỉ thị số 1085/CT-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Hà Giang về chấn chỉnh công tác bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Chỉ thị số 1867/CT-UBND ngày 13/10/2020 của UBND tỉnh Hà Giang về giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về thực hiện “đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam” giai đoạn 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Công văn số 3375/UBND-NNTNMT ngày 27/9/2016 về việc triển khai công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh; Công văn 2536/UBND-KTTH ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh Hà Giang về việc tăng cường quản lý và giám sát về rác thải sinh hoạt; Công văn số 447/UBND-KTTH ngày 09/02/2021 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 41/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách tăng cường công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Công văn số 2162/UBND-KTTH ngày 20/07/2022 về việc khắc phục các tồn tại, hạn chế trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Công văn số 3863/UBND-KTTH ngày 05/12/2022 về việc rà soát quỹ đất đầu tư khu xử lý rác thải sinh hoạt tại các địa bàn trọng điểm về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang...

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức và xây dựng ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng, người dân và doanh nghiệp luôn

được Sở Tài nguyên và Môi trường trú trọng đẩy mạnh và quan tâm tổ chức thực hiện, gồm:

+ Phối hợp với các Sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện gồm: Quy chế phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trong công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật về Tài nguyên và Môi trường (Quy chế số 02-QC/BTGTU-KKG ngày 10/8/2016 giữa Ban Tuyên giáo với các cơ quan khối Khoa giáo); Chương trình phối hợp giữa Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường với các tổ chức tôn giáo về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (Chương trình số 17/CTPH-MTTQ-TNMT-CTG ngày 18/8/2016; Chương trình số 09/CTPH-MTTQ-TNMT-TCTG ngày 17/4/2023); Chương trình phối hợp với Hội nông dân (Chương trình số 24-CTPH/HNDT-STNMT ngày 02/03/2018); Chương trình phối hợp với Tỉnh Đoàn thành niên (Chương trình số 48-CTPH/TĐTN-STN&MT ngày 03/8/2017); Chương trình phối hợp với Ban đại diện Hội người cao tuổi tỉnh (Chương trình số 168/CTPH-NCT-STNMT ngày 06/10/2022).

Các hoạt động phối hợp, lồng ghép tập trung vào những khu vực trọng điểm đồng thời kết hợp với những chương trình khác như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; mô hình “Phương pháp giáo dục hành động thực hiện chương trình nước sạch - vệ sinh môi trường nông thôn”, phong trào “phụ nữ chung sức xây dựng nông thôn mới” và phong trào “chống rác thải nhựa”, cuộc vận động “xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Mô hình thí điểm “quản lý tài nguyên nước dựa vào cộng đồng”, Chương trình đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, tháng thanh niên, kế hoạch “tuổi trẻ Hà Giang chung tay xây dựng nông thôn mới”, mô hình “Sạch làng, tốt cây”, cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”... đã mang lại hiệu quả trong việc nâng cao nhận thức của người dân về vệ sinh môi trường nhất là tại các huyện vùng cao nơi có các điểm du lịch khách tham quan trên địa bàn tỉnh.

+ Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Hà Giang xây dựng chuyên mục Bảo vệ môi trường trên đài truyền hình tỉnh (mỗi tháng 01 số); phối hợp với báo Hà Giang xây dựng chuyên trang (mỗi tháng 01 số) tuyên truyền chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường và các nội dung về bảo vệ môi trường, tác hại của rác thải nhựa và túi nilong khó phân hủy thực hiện trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là tại các khu du lịch, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức tập huấn các nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành; hỗ trợ thực hiện mô hình thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn; hỗ trợ triển khai xây dựng các quy ước hương ước cho các xã trên địa bàn tỉnh; Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày đất ngập nước thế giới; ngày đa dạng sinh học 22/5 và ngày môi trường thế giới 5/6; chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn ...

Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ từ 02 đến 03 đợt (đợt 1 tháng 7, đợt 2 tháng 9 và đợt 3 tháng 11) tại 50 vị trí, trong đó: quan trắc môi trường không khí tại 26 vị trí; quan trắc môi trường nước mặt tại 20 vị trí; quan trắc môi trường trầm tích nước ngọt tại 04 vị trí. Qua đó, đánh giá về chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh để làm căn cứ xác định thực trạng, diễn biến chất lượng các thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh làm cơ sở xác định các biện pháp bảo vệ môi trường, kiểm soát chất lượng môi trường cho những năm tiếp theo.

Thực hiện các nhiệm vụ, dự án điều tra cơ bản môi trường như: Điều tra, đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm trên địa bàn tỉnh; Điều tra phân khu chức năng môi trường, xây dựng bản đồ hiện trạng kiểm soát ô nhiễm môi trường toàn tỉnh Hà Giang và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường bền vững; Điều tra đánh giá thực trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Giang, Xác định khu ô nhiễm trọng yếu từ thuốc bảo vệ thực vật, đề xuất mô hình thu gom và xử lý chất thải nguy hại trong sản xuất nông - lâm nghiệp; Điều tra đánh giá hiện trạng môi trường tại các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Hà Giang và xây dựng giải pháp bảo vệ môi trường; Tổng điều tra, đánh giá, phân loại nguồn thải và xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn thải (giai đoạn 1) theo Quyết định 140/QĐ-TTg ngày 26/02/2018; Điều tra, đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng các vùng đất ngập nước trên địa bàn tỉnh, đề xuất các giải pháp quản lý; Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Hà Giang; Điều tra, thống kê, đánh giá, nguy cơ sự cố môi trường có thể xảy ra trên địa bàn, xây dựng cơ sở dữ liệu các nguồn có nguy cơ gây ra sự cố môi trường, xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh; Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Hà Giang ...

Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường cho các dự án đầu tư trên địa bàn; đảm bảo nâng cao hiệu lực hiệu quả và phát huy vai trò của công tác đánh giá tác động môi trường, xem xét, đánh giá sơ bộ tác động môi trường trước khi chấp thuận chủ trương và phê duyệt dự án đầu tư, không phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

Hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Theo đó, từ năm 2014 đến 2022, tổ chức 10 cuộc thanh tra và 143 cuộc kiểm tra chuyên đề về chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường tại các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh. Qua công tác kiểm tra, đã phát hiện và xử phạt 27 tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường với số tiền phạt là trên 4.382 triệu đồng.

Tổ chức triển khai đẩy mạnh các hoạt động vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn đảm bảo chỉ tiêu theo kế hoạch UBND tỉnh giao. Theo đó, đến nay tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom trên địa bàn tỉnh đã đạt 95%; Tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 82%.

2. Tồn tại, hạn chế về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

2.1. Tồn tại, hạn chế

Năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tiến hành kiểm tra thực tế công tác thu gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường tại một số địa bàn trọng điểm về du lịch thuộc khu vực Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn theo Kế hoạch số 3601/KH-STNMT ngày 23/11/2022. Kết quả kiểm tra cho thấy công tác bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch vẫn còn một số tồn tại, hạn chế đó là:

- Tình trạng vứt rác thải bừa bãi vẫn còn phổ biến tại một số điểm, khu du lịch, dọc các tuyến đường chính dẫn đến các điểm, khu du lịch;

- Công tác thu gom, xử lý rác thải phát sinh tại các điểm, khu du lịch một số nơi chưa phù hợp và đảm bảo về môi trường. Các khu du lịch khu vực nông thôn do chủ quản lý hoặc UBND xã tổ chức thu gom, xử lý ở một số nơi đảm bảo vệ sinh trước mắt nhưng việc xử lý bằng cách đốt tại chỗ không bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường lâu dài.

- Thực trạng về hạ tầng công tác bảo vệ môi trường tại một số khu, điểm du lịch chưa được hoàn thiện; công tác bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải, nước thải còn bị xem nhẹ dẫn đến tình trạng ô nhiễm cục bộ, tái ô nhiễm hay ô nhiễm rác thải.

2.2. Nguyên nhân

- Tại các địa bàn dân cư thưa, giao thông đi lại khó khăn không thể tổ chức thu gom, xử lý rác thải tập trung được, các xã, thôn, bản có cự ly vận chuyển xa do đòi hỏi kinh phí lớn để tổ chức thu gom, vận chuyển rác thải tới nơi xử lý trong khi kinh phí đóng góp từ người dân và kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không đáp ứng nhu cầu;

- Rác thải tại các điểm du lịch, các điểm dân cư nông thôn thu gom được ít, chưa có mô hình, công nghệ xử lý phù hợp hiệu quả do đòi hỏi lớn kinh phí đầu tư công trình xử lý rác thải bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường, bảo đảm lượng rác thải tối thiểu để vận hành cao

- Cấp ủy, chính quyền huyện, xã tại một số nơi chưa quan tâm quyết liệt chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, tuyên truyền trong công tác vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý rác thải phục vụ phát triển du lịch;

- Công tác phối hợp giữa chính quyền với các đoàn thể chính trị - xã hội trong vận động, tuyên truyền nhân dân về thu gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường còn chưa thường xuyên, đồng bộ;

- Một số bộ phận người dân, khách du lịch chưa có ý thức, trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định.

3. Đề xuất giải pháp phát triển du lịch theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang:

Để phát triển du lịch theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang trong thời gian tới, đề xuất thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, về quản lý nhà nước trong phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần triển khai việc xây dựng, quảng bá hình ảnh, sản phẩm du lịch của tỉnh đến bạn bè trong nước và quốc tế; đồng thời phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan liên quan và địa phương tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nội dung các văn bản về quản lý tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường; tổ chức rà soát, tham mưu xây dựng một số văn bản về khai thác, sử dụng và phát triển bền vững tài nguyên và môi trường trong hoạt động du lịch.

Hai là, về công tác quy hoạch, ứng dụng công nghệ để phát triển các khu du lịch: Quy hoạch ngành Du lịch phải đảm bảo tính khoa học, gắn với quy hoạch tổng thể để phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tài nguyên môi trường; đồng bộ về hạ tầng thu gom, xử lý nước thải và rác thải theo quy định; có các giải pháp cụ thể để giải quyết ô nhiễm môi trường, ô nhiễm rác thải, nước thải, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trực tiếp cho cộng đồng xã hội. Thực hiện tốt quy hoạch về nguồn cung cấp nước sạch cho đô thị và các vùng nông thôn, nhất là các vùng du lịch, vùng kinh tế trọng điểm, tránh tình trạng quy hoạch thiếu đồng bộ, chồng chéo gây khó khăn cho công tác quản lý nói chung, quản lý môi trường nói riêng.

UBND các huyện, thành phố cần tiếp tục chỉ đạo rà soát nhu cầu để bổ sung quy hoạch sử dụng đất cho đầu tư khu xử lý rác thải sinh hoạt/trạm trung chuyển rác thải phục vụ du lịch.

Khuyến khích ứng dụng công nghệ giảm tiêu thụ năng lượng, nước sạch và tái sử dụng chất thải trong các cơ sở dịch vụ du lịch; khuyến khích và hỗ trợ phát triển loại hình du lịch thân thiện với môi trường, đặc biệt là du lịch sinh thái.

Ba là, về giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong du lịch: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương cần tập trung tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường. Đồng thời, tổ chức đào tạo, tập huấn tại chỗ cho cán bộ, nhân dân địa phương, nhất là nơi có khu, điểm du lịch. Phối hợp với hội, đoàn thể, quần chúng tại cơ sở để duy trì và phát động các phong trào vệ sinh môi trường. Phối hợp với các cấp chính quyền cơ sở, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, ban quản lý các khu du lịch để xây dựng, ban hành các quy định về bảo vệ môi trường du lịch; xử lý và khắc phục các hậu quả ô nhiễm, suy thoái môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học do tác động của hoạt động du lịch.

Bốn là, giải pháp kinh doanh của doanh nghiệp du lịch theo hướng bảo vệ môi trường: Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch cần thực hiện nghiêm những quy định

của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Đội ngũ nhân viên cần được tập huấn những kiến thức và kinh nghiệm về việc kinh doanh du lịch gắn với bảo vệ môi trường.

Các Công ty du lịch cần hướng tới các sản phẩm du lịch xanh, thân thiện với môi trường, các chương trình du lịch cộng đồng khai thác thế mạnh của Hà Giang, phát triển sinh kế cho người dân góp phần bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường như: du lịch homestay, du lịch sinh thái... nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, đồng thời huy động được sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động thu gom, xử lý rác thải và bảo vệ môi trường; cảnh báo những hoạt động gây tổn hại tới môi trường cho khách du lịch thông qua các ấn phẩm, tờ rơi, tập gấp. Bên cạnh đó, hướng dẫn viên cần tuyên truyền, hướng dẫn du khách thực hiện những hành vi đẹp, bảo tồn tài nguyên và môi trường du lịch như: bỏ rác đúng nơi quy định, sử dụng những vật liệu thân thiện môi trường, không mua sắm những đồ dùng, sản phẩm làm từ những vật liệu cấm.

Đối với các nhà hàng, khách sạn cũng cần sử dụng công nghệ xanh, vật liệu thân thiện môi trường, tiết kiệm nhiên liệu, hạn chế xả thải trực tiếp ra môi trường. Việc xây dựng những cơ sở lưu trú cần tuân thủ đúng quy định, không phá vỡ cảnh quan môi trường xung quanh.

Những doanh nghiệp kinh doanh du lịch vừa là chủ thể hoạt động kinh doanh nhưng cũng có thể đầu tư, hỗ trợ cho các dự án bảo vệ môi trường du lịch. Việc xã hội hóa các dự án khai thác, bảo vệ tài nguyên du lịch là rất cần thiết tại tỉnh Hà Giang.

Năm là, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về môi trường: Để du lịch phát triển bền vững, việc tạo dựng được môi trường du lịch xanh - sạch - đẹp, an toàn, thân thiện với du khách là một trong những yếu tố có tính quyết định. Thời gian tới, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương cần tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường du lịch. Trong đó, việc rà soát, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động đầu tư ở các khu, điểm du lịch và hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh cần được tiến hành thường xuyên, liên tục và hiệu quả, nhằm xử lý nghiêm, triệt để các hành vi gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến hình ảnh du lịch địa phương. Tập trung các nguồn lực đầu tư, các dự án kinh doanh du lịch nhằm hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các khu, điểm đến du lịch, nhất là các công trình thiết yếu như khu xử lý nước thải, rác thải tập trung; trung tâm đón tiếp và hướng dẫn du lịch; bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn phục vụ du khách.

THAM LUẬN

Việc bài trừ xóa bỏ hủ tục lạc hậu, đưa văn hóa truyền thống vào giảng dạy trong các trường học phổ thông trên địa bàn tỉnh

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh

Những năm qua, việc thực hiện xóa bỏ hủ tục, đưa văn hóa truyền thống vào giảng dạy trong các trường học phổ thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội quan tâm lãnh, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt được những kết quả tích cực; nhiều hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu trong việc cưới, việc tang, lễ hội và trong đời sống sinh hoạt... từng bước được xóa bỏ; đồng thời gắn với bảo tồn và phát huy các phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc.

Nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác tuyên truyền, bài trừ hủ tục, giáo dục văn hóa truyền thống cho thế hệ trẻ, trong thời gian qua ngành Giáo dục Hà Giang xác định việc tuyên truyền "Xóa bỏ hủ tục, xây dựng nếp sống văn minh" là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành nhằm tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của thế hệ trẻ ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền xóa bỏ hủ tục, đưa văn hóa truyền thống vào trường học, Sở GD&ĐT đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản: Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 11/01/2020 của UBND tỉnh Hà Giang triển khai giáo dục kỹ năng sống, lịch sử và văn hóa truyền thống cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 về việc bổ sung nội dung phòng, chống, bài trừ hủ tục vào Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 11/01/2020 của UBND tỉnh Hà Giang triển khai giáo dục kỹ năng sống, lịch sử và văn hóa truyền thống cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc biên soạn tài liệu tuyên truyền bài trừ hủ tục dùng trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 về việc Phê duyệt bộ tài liệu tuyên truyền bài trừ hủ tục dùng trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thực hiện Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho học sinh, sinh viên giai đoạn 2021- 2030”,...

Sở GD&ĐT đã ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc¹¹ các đơn vị trường học quản lý, kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận

¹¹ Công văn số 1834/SGDĐT-GDTrH ngày 31/12/2020 của Sở GD&ĐT về việc triển khai nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục về công viên địa chất năm 2021; Kế hoạch số 56/KH-SGDĐT ngày 16/02/2022 của Sở GD&ĐT thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn và tái đánh giá CVĐC năm 2022; Công

thức cộng đồng về bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống; giới thiệu, quảng bá Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn và các danh lam, thắng cảnh của địa phương.

Tham mưu UBND tỉnh biên soạn và phát hành Bộ tài liệu tuyên truyền bài từ hủ tục lạc hậu dùng trong các cơ sở giáo dục từ năm học 2022-2023. Sở GD&ĐT đã tổ chức tập huấn cho 100% CBQL, GV các trường sử dụng bộ tài liệu này để lồng ghép vào các môn học phù hợp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Tổ chức in ấn, cấp phát 13.780 cuốn tài liệu tuyên truyền bài từ hủ tục lạc hậu các cấp học cho thư viện trong các trường học (Mầm non 4.240 cuốn, Tiểu học 4340 cuốn, THCS 4180 cuốn, THPT&GDTX 1020 cuốn). Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện giảng dạy (lồng ghép vào các môn học), tổ chức tuyên truyền, tổ chức các hoạt động ngoại khoá để nâng cao nhận thức cho học sinh.

Tổ chức Liên hoan dân ca dân vũ học sinh phổ thông cấp tỉnh lần thứ nhất năm 2019, lần thứ 2 dự kiến vào tháng 10/2023.

2. Kết quả đạt được

100% các đơn vị trường học đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền bài từ hủ tục lạc hậu, đưa cuốn tài liệu vào thực hiện tuyên truyền lồng ghép trong các hoạt động giáo dục của nhà trường.

100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành giáo dục đã ký cam kết thực hiện bài từ hủ tục.

100% các cơ sở giáo dục thực hiện các nội dung tuyên truyền phổ biến cho cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên, học sinh nâng cao nhận thức về những tác hại, ảnh hưởng xấu do những hủ tục, tập quán, tín ngưỡng lạc hậu, nhiệm vụ giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phong tục tập quán tốt đẹp, bài từ các hủ tục lạc hậu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nhiều cơ sở giáo dục có mô hình, cách làm sáng tạo hiệu quả trong thực hiện tuyên truyền bài từ, xóa bỏ hủ tục, như: trang web baitruhutuc.com của học sinh Trường PTDTNT THCS-THPT Xín Mần; Câu lạc bộ "Chúng em chung tay xây dựng nếp sống văn minh" của Trường PTDTBT THCS Na Khê, huyện Yên Minh; Hội thi văn nghệ chào mừng 40 năm Ngày Nhà Giáo Việt gắn với văn hoá truyền thống các dân tộc của Phòng GD&ĐT Xín Mần; Tổ chức Cuộc thi video tiểu phẩm tuyên truyền phòng chống nạn tảo hôn và xóa bỏ hủ tục lạc hậu của Phòng GD&ĐT Hoàng Su Phì;...

văn số 364/SGDĐT-GDTrH ngày 18/3/2022 của Sở GD&ĐT về việc đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ tái đánh giá Công viên địa chất; Kế hoạch số 445/KH-SGDĐT ngày 25/10/2021 của Sở GD&ĐT về việc triển khai tuyên truyền phát triển du lịch Hà Giang, giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 101/KH-SGDĐT ngày 05/03/2021 triển khai giáo dục kỹ năng sống, lịch sử và văn hóa truyền thống cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021-2025; Công văn số 431/SGDĐT-GDTrH ngày 23/3/2023 của Sở GD&ĐT V/v tham gia bình chọn Hà Giang là điểm đến du lịch mới nổi hàng đầu Châu Á; ...

100% các cơ sở giáo dục đưa việc tuyên truyền bài trừ hủ tục vào trong sinh hoạt nội trú, bán trú và hoạt động giữa giờ: mặc trang phục truyền thống vào thứ Hai đầu tuần và các Ngày Lễ lớn; tổ chức các trò chơi dân gian; tổ chức ăn, uống vệ sinh, nề nếp ăn, ở, sinh hoạt hàng ngày...

Công tác giới thiệu, truyền dạy về văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số đã được các đơn vị trường học triển khai thực hiện với nội dung và hình thức phong phú, đa dạng: Giới thiệu về các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh và các phong tục tập quán, lễ hội, trò chơi dân gian ở địa phương cũng như của tỉnh Hà Giang; truyền dạy một số làn điệu dân ca của địa phương như hát Sli, hát Lượn, dân ca Lô Lô, dân ca Mông,...; sử dụng một số nhạc cụ dân tộc như khèn môi, khèn lá, sáo Mông, đàn Tính,... xây dựng không gian văn hoá các dân tộc trong khuôn viên nhà trường nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số tại trường học.

Trong năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 các nhà trường đã lồng ghép, tích hợp nội dung tuyên truyền, quảng bá về văn hóa truyền thống, Công viên địa chất, danh lam thắng cảnh của địa phương vào các môn học như Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục địa phương... và thông qua các giờ chào cờ thứ hai đầu tuần, hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp; tổ chức thăm quan, thực địa, trải nghiệm thực tế (tham quan các làng nghề truyền thống, tham dự các hoạt động văn hóa, lễ hội, các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể,...); tiến hành chăm sóc, bảo vệ, tôn tạo các di sản trên Công viên địa chất (vệ sinh, quét dọn, trồng cây xanh khu vực hang động Lùng Khúy - Quản Bạ, khu vực chòi quan sát huyện Mèo Vạc, khu vực Tượng đài Thanh niên xung phong trên đèo Mã Pí Lèng, Căng Bắc Mê...); trồng và chăm sóc hoa tam giác mạch của các trường học khu vực Công viên địa chất; tổ chức các trò chơi dân gian như đánh yến, tung còn, đẩy gậy, kéo co, đi cà kheo, bịt mắt bắt dê,... tổ chức các cuộc thi hát, múa, các làn điệu dân ca truyền thống,... mời các nghệ nhân dân gian, già làng, trưởng bản hướng dẫn học sinh học hát then, hát cọi, múa khèn, múa gậy đồng xu, làm các đồ dùng, trang phục, nhạc cụ truyền thống,...; duy trì việc học sinh mặc trang phục dân tộc mình vào các ngày thứ hai đầu tuần và các ngày kỉ niệm, ngày lễ lớn.

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể địa phương (Đoàn Thanh niên, Hội LHPN, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Nghệ nhân dân gian,...) trong việc tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về Công viên địa chất, các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh và các phong tục tập quán, lễ hội, trò chơi dân gian ở địa phương; truyền dạy các giá trị văn hóa dân tộc thiểu số của tỉnh Hà Giang.

Biên soạn vở tập viết cho học sinh tiểu học có nội dung tuyên truyền về văn hóa truyền thống và Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn.

3. Nhiệm vụ trong thời gian tới

Nhằm thực hiện tốt hơn nữa phát huy các kết quả đã đạt được trong công tác tuyên truyền bài trừ hủ tục và giáo dục văn hóa truyền thống, thời gian tới Sở GD&ĐT tập trung chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

- Tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch của tỉnh, của ngành Giáo dục đã ban hành về công tác tuyên truyền bài trừ hủ tục (Quyết định số 2641/QĐ-UBND; Kế hoạch số 12/KH-UBND; Chỉ thị số 09-CT/TU; Chương trình số 199/CTr-UBND; Nghị quyết số 27-NQ/TU; Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia; Kế hoạch xóa mù chữ, phổ cập giáo dục; ...).

- Đẩy mạnh và tăng cường việc vận động, tuyên truyền công tác tuyên truyền bài trừ hủ tục, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức, như: Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, vui chơi, thể dục thể thao, chương trình phát thanh, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đoàn, Hội, Đội, tổ chức cuộc thi, sinh hoạt câu lạc bộ, viết bài, vẽ tranh...

- Tiếp tục đưa cuốn tài liệu bài trừ, xóa bỏ hủ tục vào sử dụng đại trà trong các cơ sở giáo dục, chỉ đạo các cơ sở giáo dục tích hợp, lồng ghép nội dung cuốn tài liệu vào các môn học, các hoạt động giáo dục phù hợp.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đổi mới phương pháp giáo dục kỹ năng sống theo hướng sinh động, mềm dẻo, linh hoạt, tránh máy móc, giáo điều. Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học. Chú trọng rèn luyện phương pháp, kỹ năng, năng lực tự học; năng lực tổ chức các hoạt động học tập tập thể, các hoạt động học tập hợp tác cho học sinh. Lồng ghép đưa nội dung tuyên truyền giới thiệu tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử, các giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch vào các chương trình chính khóa, ngoại khóa trong nhà trường; làm tốt công tác phối hợp tổ chức các lễ hội tại địa phương (Lễ hội Hoa Tam Giác Mạch, Lễ hội chợ tình Khâu Vai,...).

- Tăng cường công tác phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách pháp luật, tuyên truyền công tác phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em, phòng chống hủ tục lạc hậu; chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật trong các cơ sở giáo dục;

- Khuyến khích công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tệ nạn, tố giác tội phạm; nhân rộng các mô hình, gương điển hình, người tốt, việc tốt trong công tác phòng, chống tội phạm.

- Tổ chức Liên hoan dân ca dân vũ học sinh phổ thông cấp tỉnh lần thứ hai vào tháng 10/2023.

THAM LUẬN

Phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hà Giang là tỉnh nông nghiệp, với trên 86% dân số sinh sống ở khu vực nông thôn. Theo số liệu niên giám Thống kê năm 2021, tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh là 792.755 ha; trong đó đất sản xuất nông, lâm nghiệp là 677.197,8 ha, chiếm 85,42% tổng diện tích đất tự nhiên, trong đó đất nông nghiệp là 201.268,3 ha; đất lâm nghiệp có rừng là 472.808,8 ha; đất nuôi trồng thủy sản là 2.652,7 ha, còn lại là đất khác. Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của tỉnh, của trung ương, ngành nông nghiệp đã có chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng tổng sản phẩm nông, lâm, thủy sản năm 2022 đạt 4,8%, ước đạt 4.771 tỷ đồng, chiếm 31,01% cơ cấu kinh tế GRDP của tỉnh; Tổng sản lượng lương thực cả năm 2022 đạt 419.676 tấn, tăng 2.274 tấn so với năm 2021. Như vậy có thể nói ngành nông nghiệp là trụ đỡ cho nền kinh tế, cơ bản tự đảm bảo được an ninh lương thực, thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Với đặc trưng của điều kiện tự nhiên của tỉnh được phân chia thành 3 vùng, đó là khu vực vùng cao núi đá phía Bắc (gồm 4 huyện Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn và huyện Mèo Vạc); nơi đây đặc trưng có khí hậu ôn đới nhưng lại ít đất sản xuất, thiếu nước sinh hoạt và nước sản xuất khá trầm trọng. Tuy nhiên với đặc trưng núi đá và đã được UNESCO công nhận đưa vào hệ thống mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu là một lợi thế để phát triển du lịch. Vùng thứ hai - khu vực vùng cao núi đất phía Tây (gồm 2 huyện là Hoàng Su Phì và Xín Mần) là vùng có điều kiện về đất đai, khí hậu để phát triển cây dược liệu, chè shan tuyết. Vùng thứ ba - khu vực vùng núi đất thấp gồm 5 huyện còn lại (Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên, Bắc Mê và thành phố Hà Giang), đây là vùng trọng điểm sản xuất nông lâm nghiệp và là vùng động lực phát triển kinh tế của tỉnh.

Xác định được lợi thế về tiêu vùng khí hậu, thổ nhưỡng, tập quán canh tác. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch số “308” thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 10/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp đặc trưng hàng hóa chất lượng cao theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021 - 2025 tập trung vào **5 cây và 3 con** “Cây ăn quả ôn đới, chè shan tuyết, dược liệu, lúa chất lượng cao, tam giác mạch - bò vàng, lợn địa phương, ong bạc hà”, kết quả cụ thể như sau:

- *Về phát triển Cây ăn quả ôn đới* (Hồng không hạt, Lê, Mận). Cây Hồng không hạt với vùng sản xuất tập trung tại huyện Yên Minh, Quản Bạ, diện tích hiện

có 652 ha; sản lượng khoảng 671 tấn. Đối với cây Lê vùng sản xuất tại 04 huyện vùng cao nguyên đá và 02 huyện phía tây, diện tích hiện có 1.027 ha; sản lượng khoảng 2.670 tấn. Cây Mận vùng sản xuất tại 02 huyện phía tây (Hoàng Su Phì, Xín Mần) diện tích 593 ha; sản lượng khoảng 1.040 tấn. Hiện nay, sản phẩm hồng không hạt của huyện Quản Bạ đã được chứng nhận chỉ dẫn địa lý; sản phẩm hồng không hạt của huyện Yên Minh được chứng nhận nhãn hiệu tập thể; sản phẩm mận máu Hoàng Su Phì, Lê Đồng Văn được chứng nhận nhãn hiệu tập thể.

- **Phát triển Chè Shan tuyết:** Vùng sản xuất tập trung tại 43 xã đã được chứng nhận chỉ dẫn địa lý của 6 huyện Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên, Hoàng Su Phì, Xín Mần, thành phố Hà Giang. Tổng diện tích chè hiện có là 20.297 ha; sản lượng đạt khoảng trên 85.000 tấn/năm; đặc biệt diện tích chè Shan tuyết cổ thụ có trên 13.561 ha được phân bố ở độ cao trên 600m so với mực nước biển (*đã được Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam công nhận 1.324 cây chè Shan Tuyết cổ thụ trên địa bàn 5 huyện là Cây Di sản Việt Nam*); diện tích đã được cấp chứng nhận GAP (bao gồm VietGAP và hữu cơ) là 11.842 ha, chiếm 58% diện tích chè toàn tỉnh. Hiện có 02 sản phẩm chè shan tuyết của Hà Giang đạt OCOP 5 sao, được tiêu thụ ở trong nước và nhiều quốc gia.

- **Đối với nhóm cây Dược liệu, gia vị:** Tỉnh Hà Giang có trên 184 họ, 662 chi, 1.101 loài dược liệu; trong đó có 51 loài cây thuốc quý hiếm có nguy cơ bị đe dọa có trong sách đỏ Việt Nam. Trong giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã ban hành danh mục 41 loài cây dược liệu khuyến khích phát triển. Phối hợp với Viện hóa sinh biển thuộc Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam xác định thành phần hóa - lý của 11 loài dược liệu nằm trong danh mục 29 loài dược ban hành. Triển khai thực hiện 01 đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh “*Nghiên cứu sản xuất giống và phát triển các loài dược liệu trong danh mục ưu tiên của tỉnh Hà Giang*”. Hiện nay đã thực hiện điều tra, chọn giống, vật liệu nhân giống tốt phục vụ công tác nhân giống 20 loài dược liệu. Năm 2022, tổng diện tích dược liệu các loại hiện có 18.463 ha (chủ yếu là cây thảo quả dưới tán rừng 12.725 ha); diện tích cho thu hoạch 11.000 ha; sản lượng trên 7.265 tấn. Hiện nay sản phẩm thảo quả huyện Vị Xuyên đã được chứng nhận chỉ dẫn địa lý. Ngoài ra còn có các vùng trồng dược liệu khác như nghệ, gừng, sa nhân, đương quy, quế, hồi,... tập trung tại một số huyện có điều kiện phù hợp. Trên địa bàn tỉnh đã thu hút được một số công ty, hợp tác xã đầu tư vào Chương trình phát triển cây dược liệu. Bước đầu đã triển khai chuỗi dự án liên kết trồng, chế biến, thương mại hóa các sản phẩm giá trị cao từ dược liệu và nông sản của Công ty Cổ phần Dược liệu Bông Sen Vàng.

- **Phát triển lúa đặc sản, chất lượng cao gắn với ruộng bậc thang:** Vùng sản xuất tại 02 huyện phía tây với tổng diện tích gieo trồng 6.995 ha, sản lượng 40.658 tấn. Một số giống lúa đặc sản được trồng tại vùng này (Già Dui, Nếp Quảng Nguyên, Gạo đỏ). Sản phẩm đặc sản gạo Già dui Xín Mần đã được cấp chứng nhận chỉ dẫn địa

lý. Đây là vùng sản xuất có hệ thống ruộng bậc thang rất đẹp, đã được công nhận danh thắng cấp quốc gia với diện tích 675 ha.

- **Đổi với Cây Tam giác mạch:** Vùng sản xuất tập trung tại 04 huyện vùng cao nguyên đá Đồng Văn diện tích gieo trồng hàng năm khoảng 500 ha. Hiện nay đã có một số doanh nghiệp, HTX chế biến sản phẩm hạt tam giác mạch thành bánh kẹo, rượu, bia.

- **Phát triển chăn nuôi bò vàng Hà Giang:** Vùng chăn nuôi tập trung tại 4 huyện vùng cao nguyên đá Đồng Văn được chứng nhận chỉ dẫn địa lý sản phẩm bò vàng Hà Giang. Tổng đàn năm 2022 là 92.050 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng trên 3.282 tấn. Sản phẩm Bò chủ yếu được tiêu thụ qua thương lái; một phần bán thịt tươi, một phần được chế biến làm thịt bò khô.

- **Phát triển chăn nuôi lợn đen:** Vùng chăn nuôi tập trung tại 4 huyện vùng cao nguyên đá Đồng Văn. Tổng đàn hiện có là 160.528 con, sản lượng thịt hơi xuất bán trên 7.496 tấn. Một số giống lợn có nguồn gen tốt như lợn Lũng Pù, lợn hung.

- **Phát triển chăn nuôi ong bạc hà:** Vùng chăn nuôi tập trung tại 4 huyện Cao nguyên đá Đồng Văn đã được chứng nhận chỉ dẫn địa lý. Tổng đàn ong năm 2022 là 43.104 tổ, gắn với duy trì diện tích bạc hà tự nhiên trên 3.600 ha. Sản lượng mật ong bạc hà đạt khoảng 230 nghìn lít/năm.

Việc phát triển nông nghiệp đặc trưng hàng hóa chất lượng cao theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021 - 2025 với **5 cây và 3 con** cũng gắn liền với việc phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Trong những năm qua, tỉnh đã tổ chức Lễ hội Hoa tam giác mạch; Chương trình du lịch Qua những miền di sản ruộng bậc thang,... thu hút rất đông khách du lịch đến thăm quan, trải nghiệm. Đây cũng là dịp quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của tỉnh đến với người tiêu dùng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển nông nghiệp đặc trưng hàng hóa chất lượng cao theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021 - 2025, cũng có những tồn tại, hạn chế nhất định như: (1) Do điều kiện địa hình độ dốc lớn, rất khó hình thành các vùng sản xuất lớn, tập trung. (2) Các sản phẩm đã qua sơ chế hầu hết chưa đóng túi, dán tem nhãn truy xuất nguồn gốc, sản lượng còn ít, chỉ dừng lại ở việc phục vụ khách du lịch và một phần được bán theo đơn đặt hàng. (3) Chưa thu hút được các doanh nghiệp khoa học và công nghệ thành lập và đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. (4) Bên cạnh đó Hà Giang là tỉnh có nhiều dân tộc và phải chịu ảnh hưởng, tác động nhiều về điều kiện tự nhiên, tập quán canh tác cũ mang tính tự cung, tự cấp; sản xuất nhỏ lẻ gây cản trở lớn cho việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất.

Để tiếp tục khai thác và phát huy các lợi thế so sánh về điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của từng tiểu vùng, tập trung nguồn lực, nhân lực, khoa học công nghệ để phát triển 05 cây và 03 con trở thành sản phẩm nông nghiệp đặc trưng theo chuỗi giá trị gắn với phát triển du lịch. Tôi xin đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, phải chủ động, tích cực phối hợp với các vụ, viện, các trường đại học của Trung ương, các địa phương nhằm bảo tồn, phục tráng các nguồn gen quý, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học vào các khâu sản xuất giống để cung ứng các giống tốt, chất lượng cao cho các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh; qua đó phát triển và tạo ra các sản phẩm có chất lượng, mẫu mã đẹp, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Áp dụng tiêu chuẩn an toàn (VietGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn xuất khẩu khác); gắn tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm trên nền tảng công nghệ số, sàn giao dịch điện tử, nhất là các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng hàng hóa chất lượng cao được xác định trong nghị quyết 17 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang.

Thứ hai, tạo điều kiện thúc đẩy doanh nghiệp khoa học đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao. Đẩy mạnh các mô hình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học theo chuỗi giá trị; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp và giữ vai trò trọng tâm giải quyết khâu vốn, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ, người nông dân là chủ thể của sản xuất gắn kết với doanh nghiệp, đảm bảo kết nối quá trình sản xuất với thị trường tiêu thụ.

Thứ ba, đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn như: Hoàn thiện và xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, thủy lợi và quy trình sản xuất. Ứng dụng công nghệ tiên tiến và phân tích dữ liệu lớn trong công tác quản lý, giám sát, dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch trong nông nghiệp. Từng bước phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chú trọng nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. Ưu tiên các đề tài ứng dụng, dự án liên quan đến chế biến nông sản, thực phẩm chủ lực của tỉnh; chú trọng các công nghệ, thiết bị chế biến sâu, nhằm đa dạng hóa sản phẩm từ lương thực, rau quả và các chế phẩm, phụ phẩm sau thu hoạch, nâng cao giá trị gia tăng cho sản xuất nông nghiệp.

Thứ tư, quan tâm, bố trí cho cán bộ của ngành nông nghiệp đi bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu về công nghệ sinh học, công nghệ mới hoặc tham gia thực hành tại các trường đại học, vụ viện hoặc đào tạo tại nước ngoài để nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ để có khả năng tiếp cận với khoa học kỹ thuật và công nghệ mới. Đổi mới về phương thức đào tạo, tập huấn, huấn luyện cho người dân bằng phương pháp thực hành trên đồng ruộng (FFS), đào tạo thông qua mô hình IPM, các mô hình trình diễn... để người dân nắm vững kiến thức cả kỹ thuật và khả năng thực hành trên đồng ruộng.

Thứ năm, tập trung phát triển, nâng cao chất lượng các sản phẩm đặc trưng địa phương gắn với xây dựng và phát triển thương hiệu, để nâng cao giá trị sản phẩm, phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng và du khách. Có giải pháp bảo vệ phát huy giá trị cảnh quan để thu hút du lịch tại vùng cây chè Shan tuyết cổ thụ đã

được chứng nhận tại 5 huyện (Hoàng Su Phì, Xín Mần, Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình; danh thắng quốc gia ruộng bậc thang huyện Hoàng Su Phì; vùng trồng Tam giác mạch tại 4 huyện vùng cao nguyên đá ĐỒNG VĂN; vùng quy hoạch phát triển cây bạc hà tự nhiên; các khu bảo tồn thiên nhiên, hệ sinh thái rừng; vùng sản xuất cây ăn quả ôn đới (lê, mận, đào). Xây dựng mô hình sản xuất cây ăn quả ôn đới theo hướng hữu dụng, vừa sản xuất sản phẩm hàng hóa, vừa tạo cảnh quan nhằm thu hút du lịch.

THAM LUẬN

Bảo tồn, phát huy làng văn hóa du lịch cộng đồng với giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp và giải quyết việc làm tại địa phương

Sở Lao động – Thương binh và xã hội

Hà Giang là tỉnh miền núi, biên giới, dân tộc; dân số năm 2022 là 892.723 người; lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm trên 61% dân số, chất lượng lao động còn thấp, đến năm 2022 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 56,6%, trong đó 60% lao động qua đào tạo làm việc trong nông lâm nghiệp và thủy sản; năm 2022 toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 36.710 lao động; tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều đến cuối năm 2022 chiếm 37,08%.

Với những thuận lợi về cảnh quan thiên nhiên, tính nguyên sơ, bản sắc văn hóa truyền thống, phong tục tập quán, lễ hội, được bảo tồn lưu giữ nét văn hóa đặc trưng của dân tộc khu vực miền núi, Hà Giang đã thu hút sự quan tâm của nhiều doanh nghiệp lữ hành và khách du lịch, bước đầu hình thành một số điểm du lịch cộng đồng tiềm năng, góp phần giải quyết việc làm tạo sinh kế cho người dân. Bảo tồn, phát huy giá trị làng văn hóa du lịch cộng đồng và giữ gìn phong tục tập quán gắn với phát triển du lịch cũng là một trong những giải pháp quan trọng góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Mỗi dân tộc sinh sống trên địa bàn các xã có những bản sắc văn hóa riêng, nhất là các lễ hội truyền thống, phát huy những lợi thế, tiềm năng đó để phát triển du lịch cộng đồng, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho người dân sinh sống tại các làng văn hóa du lịch cộng đồng. Khai thác thế mạnh, tiềm năng du lịch gắn với phát triển sản phẩm hàng hóa đặc trưng của địa phương sẽ mang lại nhiều lợi ích đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển du lịch, giúp chuyển dịch cơ cấu lao động từ sản xuất nông nghiệp sang dịch vụ, du lịch; nâng cao năng suất lao động, tạo cơ hội việc làm cũng như bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

Phát triển du lịch cộng đồng đã tạo ra nhiều việc làm tại chỗ cũng như đem lại thu nhập cho người dân địa phương từ nguồn chi tiêu của du khách thông qua việc cung cấp các dịch vụ ăn, nghỉ, hướng dẫn, bán sản phẩm địa phương góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của nhiều người dân, qua đó giúp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Trong những năm qua, ngoài việc triển khai tổ chức thực hiện các chính sách của Trung ương, của tỉnh về giải quyết việc làm, đào tạo nghề, người dân đã tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng ưu đãi khác để tạo việc làm nhằm hỗ trợ, khuyến khích người lao động vay vốn để phát triển sản xuất – kinh doanh nhằm tạo việc làm tại chỗ

như: Chính sách hỗ trợ tạo việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia việc làm; Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Các nguồn vốn của ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay theo Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 và Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND tỉnh Hà Giang sửa đổi, bổ sung Quyết định 1289/QĐ-UBND ngày 07/7/2017. Tỉnh đã quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để bảo tồn, phát huy làng văn hóa du lịch cộng đồng với giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp gắn với giải quyết việc làm; trong đó du lịch được xem là một ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương. Hiện toàn tỉnh có 13 làng tại 9 huyện, thành phố được UBND tỉnh công nhận là Làng Văn hóa du lịch tiêu biểu đạt các tiêu chí quốc gia theo Chương trình OCOP (mỗi xã 1 sản phẩm) tạo ra các sản phẩm du lịch mới phù hợp với xu hướng, du lịch là một trong những giải pháp giúp người dân ổn định đời sống và duy trì việc làm thường xuyên. Giai đoạn 2021-2022 toàn tỉnh đã giải quyết việc làm mới cho trên 54.138 người, trong đó giải quyết việc làm tại địa phương cho trên 17.000 người gồm cả hàng ngàn lao động làm việc thường xuyên trong các làng văn hóa du lịch cộng đồng, các hộ homestay; ngoài ra thông qua hoạt động dịch vụ, du lịch đã góp phần duy trì và mở rộng việc làm cho hàng chục ngàn lao động tại chỗ của địa phương, góp phần tạo thu nhập.

Làng văn hóa du lịch cộng đồng được xác định là yếu tố quan trọng để phát triển du lịch, tạo việc làm tại chỗ cho người dân. Chính vì vậy những năm qua, Làng văn hóa du lịch cộng đồng tại các huyện luôn được quan tâm đầu tư nâng cấp, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch cộng đồng, bảo tồn kiến trúc truyền thống đặc trưng. Qua đó, lượng khách đến tham quan, nghỉ dưỡng tại Làng văn hóa ngày càng tăng, thu hút du khách trong nước và quốc tế. Các làng văn hóa du lịch cộng đồng đều huy động được sự tham gia cộng đồng trong giữ gìn giá trị văn hóa, tài nguyên du lịch, cảnh quan vệ sinh môi trường, an ninh trật tự; qua đó tạo việc làm thường xuyên cho người lao động tại địa phương mang lại thu nhập ổn định cho các hộ làm dịch vụ du lịch homestay, trung bình đạt 50-70 triệu đồng/năm, có những hộ doanh thu đạt gần 200 triệu đồng/năm. Tiêu biểu như làng văn hóa du lịch cộng đồng Nậm Đăm - huyện Quản Bạ, Pả Vi Hạ - huyện Mèo Vạc, Lũng Cẩm Trên, Lô Lô Chải - huyện Đồng Văn.....

Xác định du lịch là yếu tố quan trọng góp phần phát triển KT-XH bền vững, tạo sinh kế cho người dân. Để đạt được mục tiêu mà Nghị quyết số 15 –NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh đề ra, các cấp, ngành, địa phương trong tỉnh đang quyết tâm, nỗ lực thực hiện các giải pháp nhằm tiếp tục phát huy hiệu quả nhất tiềm năng, lợi thế của du lịch cộng đồng. Xây dựng Hà Giang trở thành điểm đến hấp dẫn, an toàn với

các sản phẩm, dịch vụ du lịch ngày càng chuyên nghiệp, độc đáo; thông qua đó góp phần bảo tồn, phát huy gắn với giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh; đồng thời cũng góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phục vụ, tiếp cận văn hóa, ngoại ngữ...)

Bên cạnh những thành tựu đạt được, du lịch cộng đồng ở Hà Giang còn gặp nhiều khó khăn, thách thức và rào cản để có thể phát triển bền vững và đạt hiệu quả cao về kinh tế như cơ sở hạ tầng giao thông còn khó khăn, chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư tham gia phát triển du lịch cộng đồng, chất lượng sản phẩm dịch vụ chưa đáp ứng được nhu cầu, đặc biệt là thị trường khách du lịch ở tầm trung và cao cấp. Công tác đào tạo nguồn nhân lực mặc dù đã được tăng cường nhưng chưa đảm bảo do nhận thức của người dân còn hạn chế.

Để du lịch cộng đồng Hà Giang phát triển đúng hướng, hiệu quả và bền vững, trong thời gian tới, cần chú trọng việc nâng cao chất lượng các dịch vụ, đặc biệt là việc đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho các điểm du lịch cộng đồng cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm theo định hướng phát triển kinh tế của tỉnh nhất là những nhóm ngành nghề như: Du lịch - Dịch vụ; Nông nghiệp thông minh, coi công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm là nhiệm vụ quan trọng góp phần xóa đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới.

Thứ hai: Đào tạo nghề và nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động tại các làng nghề, thôn, bản, xã; gắn đào tạo với liên kết sản xuất chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP đã phát huy hiệu quả và ngày càng khẳng định thương hiệu, chất lượng, góp phần nâng cao giá trị, thúc đẩy sản xuất hàng hóa, thúc đẩy phát triển du lịch, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân, hỗ trợ vốn sản xuất, tạo việc làm, duy trì việc làm cho lao động nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Thứ ba: Lồng ghép các Chương trình, dự án, các nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội gắn với giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động

Thực hiện Lồng ghép các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các Chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh, các nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và các nguồn huy động khác gắn với bảo tồn, phát huy làng văn hóa du lịch cộng đồng với giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp và giải quyết việc làm, nhất là tạo việc làm tại chỗ cho người lao động.

Thứ tư: Để bảo tồn, phát huy làng văn hóa du lịch cộng đồng với giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp cần tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với nguồn vốn ưu đãi

của Ngân hàng để xây dựng các Homestay, chỉnh trang khuôn viên nhà ở; khôi phục những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, xây dựng mỗi xã một sản phẩm du lịch. Đồng thời, khuyến khích, các hộ kinh doanh lưu trú thông qua việc tập huấn, hỗ trợ kiến thức du lịch cộng đồng, hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình phụ trợ; tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, khuyến khích sản xuất các sản phẩm du lịch mang đậm bản sắc dân tộc và đặc trưng của địa phương, như: khăn, túi, váy thổ cẩm, Khăn trải bàn dệt hoa thổ cẩm Pà Thẻn, đồ lưu niệm mây tre đan, mật ong, Trà Shan tuyết, măng khô... qua đó từng bước giúp người dân địa phương có việc làm, nguồn thu nhập ổn định từ du lịch, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, hướng đến phát triển du lịch theo hướng bền vững.

Thứ năm: Thực hiện tốt các chính sách ưu tiên phát triển kinh tế gia đình, trong đó ưu tiên các gia đình đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn gắn với bảo tồn, phát huy làng văn hóa du lịch cộng đồng với giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp qua đó tăng cơ hội tạo việc làm tại chỗ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động cho gia đình và xã hội, chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, cơ cấu lao động.

THAM LUẬN

Vai trò của khoa học công nghệ trong việc bảo tồn văn hoá gắn với phát triển du lịch Hà Giang

Sở Khoa học và Công nghệ

Trong những năm qua, Hà Giang đã tập trung thực hiện nhiều giải pháp phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (KH&CN), đẩy mạnh nghiên cứu - thử nghiệm, phát triển và ứng dụng tiến bộ KH&CN vào nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng... Ngành KH&CN với vai trò quản lý nhà nước đã xác định nhiều chương trình hành động, đã tích cực tham mưu cho UBND tỉnh ban hành một số chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ trên địa bàn Tỉnh.

Tỉnh đã ban hành quy định quản lý công nghệ, chuyển giao công nghệ, ban hành quản lý nhiệm vụ KH&CN, ban hành chính sách hỗ trợ phát triển KH&CN thông qua các kế hoạch, đề án như: Đề án ứng dụng và quản lý hệ thống truy suất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới, sáng tạo trong doanh nghiệp, hợp tác xã tỉnh Hà Giang đến năm 2025; Đề án khung nhiệm vụ Nhiệm vụ Khoa học và công nghệ về Quy gen cấp tỉnh thực hiện giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch đăng ký và phát triển quyền sở hữu công nghiệp tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và Chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Kế hoạch tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn Hà Giang; Chương trình chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ tạo sinh kế cho người dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Giang ... Các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh đã bám sát, phục vụ các yêu cầu thực tiễn, từng bước nâng cao giá trị đóng góp của KH&CN trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, y tế, giáo dục, du lịch... Các kết quả đạt được đã góp phần nâng cao trình độ công nghệ, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; từng bước gia tăng hàm lượng KH&CN trong các sản phẩm chủ lực mang thương hiệu Hà Giang, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Vai trò của KH&CN với công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá gắn với du lịch Hà Giang

Hiện nay, quan điểm phát triển kinh tế - xã hội trên nền tảng phát triển văn hóa là sự phát triển bền vững đã được thừa nhận như một nguyên lý. Phát triển

KH,CN&ĐMST lại càng phải đặt trên nền tảng văn hóa để phát triển bền vững. Hà Giang với lợi thế so sánh có Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn được UNESCO công nhận còn tiềm ẩn nhiều giá trị về cổ sinh chưa được khai phá; là tỉnh miền núi có 19 dân tộc cùng sinh sống với nét văn hoá truyền thống độc đáo thì việc phát triển KH,CN&ĐMST trên nền tảng văn hóa càng cần phải được xem trọng. Trong thời gian qua vai trò của KH,CN đã được công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá gắn với du lịch được thể hiện một số kết quả:

**** KH,CN trong khai thác, phát huy lợi thế so sánh trong phát triển du lịch, xây dựng các giá trị, các sản phẩm du lịch dịch vụ gắn với Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn được ưu tiên triển khai, nhiều công trình nghiên cứu có chất lượng đã được bàn giao cho Sở Văn Hoá thể thao và Du lịch ứng dụng***

“Nghiên cứu xác định các giá trị nổi bật và thử nghiệm tôn tạo một số loại hình di sản phục vụ phát triển du lịch trên Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn” của TS. Vũ Cao Minh thuộc Viện địa chất làm chủ nhiệm đã giúp Hệ thống các giải pháp bảo tồn tôn tạo di sản CVĐC; đưa ra được các Sơ đồ định hướng quy hoạch tôn tạo khu di sản rừng đá điển hình; Sơ đồ định hướng quy hoạch tôn tạo khu di sản cổ sinh; Sơ đồ địa chất, Sơ đồ địa, Sơ đồ tích hợp các giá trị di sản hẻm vực Nho Quế tỷ lệ 1:2.500; Bộ cơ sở dữ liệu về các cụm di sản (mặt cắt địa hình, mặt cắt cổ sinh địa tầng, sơ đồ địa chất công trình; Sơ đồ định hướng quy hoạch tôn tạo khu di sản tích hợp Lũng Cú).

“Nghiên cứu phát triển sản phẩm du lịch đặc thù từ Đá tại CVĐC toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn” do TS. Nguyễn Thu Hạnh thuộc Liên hiệp hội Khoa học phát triển Du lịch bền vững làm chủ nhiệm, kết quả của nghiên cứu này đã đánh giá tiềm năng và định hướng phát triển sản phẩm du lịch đặc thù từ đá của Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn; đề xuất được mô hình và giải pháp phát triển sản phẩm du lịch từ đá tại một khu vực có tiềm năng của Công viên địa chất toàn cầu CNĐ Đồng Văn. Trên cơ sở khảo sát, nghiên cứu thực tế cũng như tổ chức các Hội thảo xin ý kiến chuyên gia, đã đề xuất được Tour du lịch "Con đường hạnh phúc - đường dẫn đến trái tim của Đá" với 03 bộ sản phẩm du lịch đặc thù từ đá: "Tâm hồn của Đá", "Vàng trong Đá" và "Hoa trong Đá"; đề xuất được một mô hình khu du lịch "Trái tim của Đá"; Xây dựng được 22 chuyên đề về tiềm năng, định hướng, các yếu tố tác động, mô hình và giải pháp.

“Nghiên cứu xây dựng Bảo tàng thiên nhiên Công viên ĐCTCCNĐ Đồng Văn” do TS. Vũ Văn Liên thuộc Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam làm chủ nhiệm, thông qua nghiên cứu, sưu tầm và thiết kế nhóm tác giả thuộc Bảo tàng Việt Nam đã thu thập, xây dựng bộ mẫu vật về địa chất và sinh vật phục vụ trưng bày tại Bảo tàng Thiên nhiên CVĐC toàn cầu CNĐ Đồng Văn, Hà Giang; Trưng bày Bảo tàng thiên nhiên CVĐC toàn cầu CNĐ Đồng Văn tại Bảo tàng tỉnh với kịch bản trưng bày mẫu vật bằng phần mềm đồ họa vi tính, sa bàn, phim VIDEO dài 15 phút và 2.000 mẫu

(gồm mẫu vật địa chất và sinh vật các loại) được lưu giữ và trưng bày tại Bảo tàng tỉnh.

*** KHCN trong nâng cao nhận thức cho người dân bản địa nhằm lưu giữ các giá trị văn hóa tốt đẹp, loại bỏ các hủ tục lạc hậu nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá gắn với phát triển du lịch**

“Nghiên cứu thực trạng và giải pháp bài trừ một số tập tục lạc hậu trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang”, do Ths. Nguyễn Mạnh Dũng Quyền Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang làm chủ nhiệm, kết quả đã đánh giá được thực trạng phong tục tập quán truyền thống đang được duy trì sinh hoạt trong đời sống của 05 dân tộc gồm Mông, Dao, Nùng, Giáy, Cờ lao trên địa bàn tỉnh Hà Giang; 13 báo cáo chuyên đề (Tập quán trong tang ma; Tập quán trong hôn nhân và gia đình; Tập quán trong lễ hội; Những tập quán trong lối sống sinh hoạt hàng ngày; Tập quán trong lao động sản xuất; Một số biến tướng của phong tục, tập quán trong quá trình tiếp biến, giao lưu văn hóa; Thực trạng các tập tục lạc hậu; Hướng tiếp cận bền vững trong giảm thiểu tập tục lạc hậu cho người dân; Khai thác và vận dụng kiến thức bản địa vào sản xuất và đời sống; Nâng cao nhận thức của cán bộ, người dân là đồng bào DTTS tại địa phương; Một số phương pháp truyền thông tích cực; Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số Hà Giang; Đề xuất nhóm về cơ chế, chính sách và nguồn lực; Bản kiến nghị các vấn đề liên quan đến cải tạo tập quán lỗi thời gắn với phát triển văn hóa, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh với lãnh đạo tỉnh, các tổ chức liên quan trên địa bàn tỉnh; Sổ tay tuyên truyền (5.000 cuốn/5 dân tộc); Văn bản chỉ đạo của cấp ủy chính quyền về bảo tồn, phát huy và bài trừ tập tục lạc hậu gắn với xây dựng đời sống văn hóa tiên tiến.

“Nâng cao nhận thức về giá trị di sản công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đổng Vần cho học sinh các trường THCS tỉnh Hà Giang” do TS. Nguyễn Minh Nguyệt đơn vị Trường Cao Đẳng Sư phạm làm chủ nhiệm, qua nghiên cứu 03 chuyên đề: Nhận thức về giá trị di sản CVĐCTCCNĐĐV của học sinh các trường THCS tỉnh Hà Giang; Giá trị di sản CVĐCTCCNĐĐV và hướng tiếp cận trong giáo dục bảo tồn di sản; Nâng cao nhận thức về giá trị di sản cho học sinh THCS tỉnh Hà Giang thông qua hoạt động ngoại khóa lịch sử địa phương từ đó xây dựng được 02 mô hình thực nghiệm tại 02 trường THCS; Nhân rộng được 60 đơn vị trường Mầm non, Tiểu học, THCS, PTTH; Biên soạn tài liệu hướng dẫn cho các trường THCS "Giáo dục di sản thông qua ngoại khóa lịch sử địa phương" gồm 12 modul như: Di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu trên CNĐĐV; Ngôi nhà trình tường của người Mông với những giá trị truyền thống; Di sản Cột cờ Lũng Cú với những giá trị lịch sử và truyền thống; Tìm hiểu truyền thống làng nghề dệt thổ cẩm, may trang phục dân tộc; Di tích kiến trúc Nghệ thuật nhà Vương; Tìm hiểu di sản Phố cổ Đổng Vần; Tìm hiểu truyền thống canh tác của các dân tộc trên CNĐĐV; Tìm hiểu lịch sử đường Hạnh phúc; Trang phục truyền thống của người dân trên CNĐĐV; Nghề thủ công truyền thống trên CNĐĐV; Nhạc cụ truyền thống trên CNĐĐV; Tìm hiểu giá trị lịch sử - Văn hóa CNĐĐV.

Ngoài ra còn biên soạn được tài liệu "Di sản CVĐCTCCNĐĐV trong tay thế hệ trẻ Hà Giang" gồm 13 modul; Tài liệu dùng chung cho giáo viên "Hướng dẫn sử dụng tài liệu giáo dục di sản trong nhà trường phổ thông tỉnh Hà Giang

*** Sự phát triển của khoa học di sản được đặt trong sự tham chiếu cụ thể để công việc bảo tồn, phát huy được thực hiện một cách chuẩn xác, phù hợp nhất để công nhận, xếp hạng di tích các cấp, cũng như bảo tồn tôn tạo.**

"Nghiên cứu, đánh giá thực trạng phố cổ Đồng Văn. Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị" của nhóm tác giả thuộc Bảo Tàng tỉnh do Thạc sĩ Âu Văn Hợp làm chủ nhiệm kết quả nghiên cứu đã đánh giá đúng thực trạng Khu phố cổ Đồng Văn cả về giá trị vật thể và phi vật thể về đời sống kinh tế, dân số, văn hóa, xã hội và các nghề truyền thống, văn hóa, văn nghệ dân gian phố cổ Đồng Văn, lập được 20 bộ Hồ sơ lý lịch, ảnh, vẽ ghi hiện trạng, bản dập bằng giấy gió của 19 ngôi nhà cổ, 01 khu chợ. Từ đó đề xuất được giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị trước mắt và hiện nay Phố cổ Đồng Văn đã được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia. Được Bộ Văn hoá, thể thao và du lịch nhất trí cho lập dự án bảo tồn.

"Điều tra khảo sát, đánh giá tổng thể các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo trên địa bàn tỉnh Hà Giang" do Cử nhân Dương Thanh Hương chủ nhiệm, đề tài này đã lập hồ sơ và đề ra giải pháp bảo tồn cho 23 cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Hà Giang và hiện các cơ sở này đã được công nhận và xếp hạng; cũng trong quá trình triển khai nhóm tác giả đã phát hiện và thu được nhiều di vật đất nung, đồ đồng của thời Trần tại đền Nậm Dầu và các cổ vật này hiện được trưng bày tại Bảo tàng tỉnh.

"Nghiên cứu thử nghiệm lựa chọn vật liệu xây dựng và công nghệ thi công phục vụ bảo tồn và phát triển di sản kiến trúc nhà trình tường trên cao nguyên đá Đồng Văn Hà Giang". do Ths Nguyễn Mạnh Tùng đơn vị Viện Địa Chất làm chủ nhiệm, kết quả triển khai đề tài đã lựa chọn được công nghệ phù hợp xây dựng nhà trình tường của người Mông sử dụng vật liệu địa phương, khắc phục được những hạn chế của nhà trình tường tại Việt Nam; Nghiên cứu, xây dựng 1 mô hình nhà trình tường theo công nghệ mới phù hợp với truyền thống của dân tộc Mông tại Đồng Văn; Sơ đồ phân bố vật liệu đất xây dựng nhà trình tường nổi bật về chất lượng và trữ lượng tại huyện Quản Bạ và huyện Yên Minh tỷ lệ 1: 50.000; Sơ đồ phân bố vật liệu đất xây dựng nhà trình tường nổi bật về chất lượng và trữ lượng tại huyện Đồng Văn và huyện Mèo Vạc tỷ lệ 1: 50.000; 01 Bộ tài liệu hướng dẫn lựa chọn, pha trộn vật liệu và thi công nhà trình tường; 01 bộ tài liệu khoa học về bảo tồn di sản kiến trúc nhà truyền thống của người Mông; 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành.

*** Mọi hoạt động đảm bảo nguyên lý khoa học, văn hóa và thị trường, sẽ mang lại sức sống đặc trưng cho những không gian văn hóa nghệ thuật gắn liền hoạt động du lịch dịch vụ, tạo công ăn việc làm để bảo đảm đời sống, rồi trở lại thiết thực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa một cách bền vững đó là các mô hình được khoa học nghiên cứu làm điểm tiêu biểu:**

“Xây dựng mô hình nhà nông làm du lịch gắn với bảo tồn, khai thác và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh Hà Giang” do Ths Trần Xuân Thủy đơn vị Hội nông dân tỉnh, đề tài triển khai đã thiết kế xây dựng mô hình khung nhà nông làm du lịch; xây dựng 3 mô hình nhà nông làm du lịch gắn với bảo tồn, khai thác và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc tại 3 điểm: Thôn Lô Lô chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn; Thôn Pả Vi, huyện Mèo Vạc; Thôn Cốc Páng, xã Du Già, huyện Yên Minh thành làng du lịch cộng đồng có tính đặc thù để khai thác phục vụ khách du lịch; 100 quyển sách song ngữ Việt -Anh giới thiệu về văn hóa của các dân tộc; 500 tờ rơi quảng cáo các điểm, tour du lịch; Kết nối Website, Internet (30 hộ gia đình).

“Nghiên cứu xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp vùng Cao nguyên đá Đồng Văn, Hà Giang. Đánh giá được thực trạng và tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang” do Ths. Nguyễn Văn Tú đơn vị Văn Phòng Tỉnh ủy làm chủ nhiệm đã đánh giá được tính hiệu quả xu hướng phát triển du lịch Nông nghiệp trên Cao nguyên đá Đồng Văn. Đề tài đã xây dựng 02 mô hình tại thôn Nậm Đăm, xã Quản Bạ huyện Quản Bạ và thôn Tả Lũng B, xã Tả Lũng huyện Mèo Vạc, trực tiếp nâng cao nhận thức cho 100 người dân kiến thức cơ bản về làm du lịch nông nghiệp; Hỗ trợ và phân khu mô hình nông nghiệp; giúp bà con tạo ra các sản phẩm nông nghiệp bản địa phục vụ nhu cầu du khách; Tổ chức triển lãm sản phẩm du lịch nông nghiệp (trên 50 khung tranh, ảnh về hoạt động nông nghiệp của bà con và cảnh đẹp địa phương; các sản phẩm nông nghiệp như tỏi đen, chè acstixo, chè giảo cổ lam và các sản vật nông sản khác, các tờ rơi...); định hướng trong cách tổ chức, dẫn tua đạt hiệu quả; giữ gìn văn hóa bản sắc ...Đưa du khách thử nghiệm tour du lịch tại 02 mô hình.

**** Quản lý không gian du lịch qua ứng dụng công nghệ số đang là su hướng thời đại***

Hà Giang bắt đầu các nghiên cứu từ năm 2014, công trình do PGS. TS. Trần Việt Khanh thuộc Trường đại học Thái Nguyên làm chủ nhiệm “Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) xây dựng bản đồ trực tuyến quản lý không gian du lịch tỉnh Hà Giang”, qua thu thập, điều tra thực trạng tiềm năng du lịch tại các điểm du lịch thuộc 7 huyện (Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ, Bắc Quang, Xín Mần, Hoàng Su Phì) với 540 phiếu điều tra, đã đánh giá được tổng quan cơ sở khoa học về ứng dụng GIS phục vụ quản lý không gian; Tổng quan cơ sở khoa học về bản đồ, bản đồ trực tuyến; Phân tích đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội và tiềm năng du lịch tỉnh Hà Giang; Đánh giá được thực trạng phát triển du lịch tỉnh Hà Giang; Phân tích không gian lãnh thổ du lịch, lựa chọn giải pháp phần mềm; Xây dựng được 10 chuyên đề, như: Tiềm năng du lịch; Nghiên cứu về cơ sở hạ tầng du lịch; Các yếu tố ảnh hưởng tới du lịch; Phân tích không gian và phân vùng lãnh thổ; Xây dựng cơ sở dữ liệu thuộc tính; Định hướng quy hoạch phát triển tiềm năng du lịch; Các giải pháp phát triển du lịch; Tổng quan được những vấn đề liên quan về GIS,

ngiên cứu về công nghệ GIS trên nền Web: cách thức hoạt động, phân loại và các chiến lược phát triển; ứng dụng các phần mềm mã nguồn mở, xây dựng được quy trình thành lập bản đồ trực tuyến; Xây dựng được bản đồ trực tuyến quản lý không gian du lịch tỉnh Hà Giang; Cài đặt và vận hành thử nghiệm thành công bản đồ trực tuyến cùng với phần mềm hỗ trợ quản lý không gian du lịch Hà Giang trên Website: *hagiangmap.tnu.edu.vn*, giúp cung cấp thông tin trực tuyến cùng với các công cụ quản lý, khai thác bản đồ tiện lợi trên máy tính và điện thoại di động (smatphone); Đào tạo được 03 thạc sĩ, hỗ trợ được 01 nghiên cứu sinh; 03 bài báo; Bản thảo sách chuyên khảo về cơ sở khoa học phát triển du lịch sinh thái trên công viên địa chất toàn cầu và Đưa ra được các kiến nghị cho việc áp dụng kết quả phát huy hiệu quả và duy trì phần mềm phục vụ phát triển du lịch.

**** Ngoài ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý không gian du lịch tỉnh Hà Giang lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn cũng được quan tâm triển khai nghiên cứu hiệu quả. Trong những năm qua, mối quan hệ giữa khoa học và bảo tồn, phát huy di sản văn hóa ngày càng được quan tâm. Nghiên cứu khoa học để hiểu các tài liệu lịch sử và định hướng cách thực hành bảo tồn, phát huy ngày càng được xem là một bước quan trọng để đảm bảo các kết quả lâu dài tích cực cho văn hóa.***

Cuốn “*Địa chí tỉnh Hà Giang*” với 8 phần, 85 chương là một công trình khoa học được xây dựng một cách công phu, tâm huyết, trách nhiệm của nhiều sử gia, nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ thuộc Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam và tỉnh Hà Giang. Tài liệu đã điều tra, thu thập, ghi chép lại một cách có hệ thống những tri thức chủ yếu về thiên nhiên, con người, lịch sử, văn hóa Hà Giang. Những tri thức đó đã được viết thành văn, đã đọng lại trong ký ức các thế hệ người Hà Giang và các tỉnh bạn, kể cả người nước ngoài yêu quý đất nước, con người Hà Giang. Với những tri thức chủ yếu, toàn diện, địa chí Hà Giang góp phần phổ biến khoa học kỹ thuật, giáo dục truyền thống, nâng cao dân trí, xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc tỉnh Hà Giang. Cung cấp cứ liệu khoa học phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quản lý Nhà nước. Cung cấp những tư liệu đã được tổng kết, đánh giá về các lĩnh vực tự nhiên, dân cư, lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội, con người ở Hà Giang phục vụ các nhà lãnh đạo, quản lý các cấp; nhà đầu tư; giới thiệu nghiên cứu, khách du lịch và đông đảo bạn đọc trong ngoài nước về mảnh đất, con người Hà Giang; Góp phần vào hoạch định chính sách, xây dựng các dự án đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở tỉnh Hà Giang.

“*Nghiên cứu Mặt trận Tây sông Lô, Bắc huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc 1979 – 1989*” Nghiên cứu, phân tích được 25 khu vực tác chiến phản ánh về hoạt động chiến đấu của mặt trận Tây sông Lô, Bắc huyện Vị Xuyên. Thuộc địa bàn các xã: Thanh Thủy, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải của huyện Vị Xuyên, trong sự nghiệp chiến tranh bảo vệ Tổ quốc 1979 – 1989, thông qua sưu tầm thu thập tài

liệu, phỏng vấn đối với 85 nhân chứng, nhật ký tác chiến sở chỉ huy tiền phương quân khu 2, Tổng kết chiến đấu và các Hồi ký của cựu chiến binh, hình ảnh nhân chứng cung cấp; Vẽ sơ đồ Mặt trận Tây sông Lô, Bắc huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang và sơ đồ đối với 03 hang (Hang Làng Lò, Hang Mán, Hang Dơi); Đánh giá được vị trí, tầm quan trọng giá trị về quân sự, giá trị về văn hóa, du lịch, lợi ích kinh tế quốc phòng và giáo dục truyền thống. Thời gian đóng quân của các đơn vị, công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật ở các điểm cao, đời sống sinh hoạt của bộ đội, các trận chiến đấu diễn ra trên các điểm cao, truyền thống các đơn vị tham gia chiến đấu và những câu chuyện phản ánh sự hy sinh chịu đựng gian khổ của bộ đội; Biên soạn cuốn tài liệu về mặt trận Tây sông Lô, Bắc huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc 1979 - 1989. Cũng chính đề tài này đã làm cơ sở khoa học cho việc nâng cấp Nghĩa trang Vị Xuyên lên thành nghĩa trang cấp Quốc gia.

Mặc dù đạt được những thành tựu về khoa học trong thời gian qua đáng ghi nhận, nhưng vẫn chưa tương xứng và chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của tỉnh trong bối cảnh hiện nay, vẫn còn nhiều hạn chế về năng lực, về nguồn lực. Ngành KH&CN đứng trước những thời cơ và thách thức mới, đặc biệt là nhu cầu ứng dụng KH&CN vào sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh ngày càng cao, sứ mệnh của ngành KH&CN phải luôn đồng hành cùng với các ngành kinh tế - xã hội, góp phần đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống, đưa KH&CN thực sự trở thành động lực trực tiếp và mạnh mẽ cho phát triển kinh tế xã hội, là nền tảng của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nói chung và vai trò của KH&CN với công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá Hà Giang nói riêng.

Trong thời gian tới Ngành KH&CN sẽ tích cực tham mưu cho UBND tỉnh kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, tận dụng nguồn nhân lực phối hợp từ các cơ quan nghiên cứu TW, các Viện, Trường đại học đầu ngành của ngành trong việc nâng cao khả năng nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa và huy động nguồn lực của TW, Tỉnh và của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhằm phát huy nội lực, khai thác triệt để những thành tựu của cuộc CMCN lần thứ tư trong hoạt động KH,CN&ĐMST lĩnh vực bảo tồn văn hóa gắn với du lịch.

Áp dụng công nghệ số trong việc bảo tồn di sản văn hóa tồn tại trong không gian số, công nghệ 3D còn đưa việc số hóa dữ liệu di sản sang một giai đoạn mới, bởi với hệ thống dữ liệu chuẩn xác, công nghệ thực tế ảo (Virtual Reality - VR) đã tạo ra các trải nghiệm dựa trên việc mô phỏng hiện thực, từ đó cho phép du khách hòa mình, tương tác với đối tượng trong một không gian ảo nhưng giống như thật, nhờ đó khách tham quan trong và ngoài nước có thể chiêm ngưỡng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồi cũng như các danh lam thắng cảnh khác của tỉnh chỉ bằng cách ngồi tại chỗ.

THAM LUẬN**Công tác ngoại giao góp phần bảo tồn văn hóa
gắn với phát triển du lịch tỉnh Hà Giang***Sở Ngoại vụ*

Hà Giang là vùng đất có lịch sử văn hóa lâu đời, là nơi hội tụ của 19 dân tộc cùng sinh sống. Điều này đã tạo nên cho Hà Giang một nền văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc cùng với nhiều di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh, thu hút du khách trong và ngoài nước. Sự đa dạng văn hóa của các dân tộc thiểu số đã tạo ra cơ hội lớn để phát triển các loại hình du lịch nói riêng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung.

Xác định được vai trò quan trọng của công tác bảo tồn văn hóa, bảo tồn di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển du lịch, Sở Ngoại vụ đã tích cực chủ động triển khai lồng ghép nhiều nội dung công tác bảo tồn văn hóa trong nhiều hoạt động đối ngoại của tỉnh.

Trong những năm vừa qua, hoạt động giới thiệu, quảng bá văn hóa truyền thống của các dân tộc tỉnh Hà Giang đã được các cơ quan chức năng của tỉnh chú trọng sắp xếp đan xen vào nội dung hoạt động đối ngoại của tỉnh. Căn cứ vào kế hoạch hoạt động đối ngoại hàng năm, căn cứ vào chương trình, cơ chế hợp tác giữa tỉnh Hà Giang với các tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc và một số địa phương của Nhật Bản, Philippine, Hàn Quốc, tỉnh đã tổ chức các đoàn công tác ra nước ngoài; tổ chức đón các đoàn đại biểu của các địa phương có quan hệ hợp tác với tỉnh, các tổ chức quốc tế, các đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam đến thăm và làm việc tại tỉnh. Trong nội dung hoạt động, nội dung làm việc của các đoàn ra, đoàn vào luôn chú trọng đến việc giới thiệu, tuyên truyền về tiềm năng, thế mạnh, yếu tố văn hóa đặc sắc của tỉnh Hà Giang. Quà tặng ngoại giao luôn ưu tiên lựa chọn sản phẩm mang đậm yếu tố văn hóa của đồng bào các dân tộc của tỉnh Hà Giang như: nhạc cụ âm nhạc truyền thống của dân tộc Mông, thổ cẩm lanh Lùng Tám, lanh Cán Tỷ của dân tộc Mông, thổ cẩm lanh Bắc My của dân tộc Pà Thẻn; chè San tuyết Hà Giang ...

Trong hoạt động ngoại giao kinh tế, tỉnh tăng cường kêu gọi các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đầu tư, viện trợ các chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội vào Hà Giang; tăng cường quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế liên chính phủ như: Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật bản/JICA, Ngân hàng Thế giới/WB, Ngân hàng phát triển Châu Á/ADB, các tổ chức Phi chính phủ nước ngoài như: Tổ chức Plan Quốc tế, Caritas Thụy Sĩ... Đặc biệt đã chủ động liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia nằm trong mạng lưới công viên địa chất toàn cầu như Nhật Bản, Malaysia, Pháp, Đức, Canada, Australia... nhằm kêu gọi, vận động các tổ chức quốc

tế nằm trong Mạng lưới đầu tư, hỗ trợ Hà Giang xây dựng, bảo tồn và phát triển bền vững Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên Đá Đồng Văn.

Hiện có 41 tổ chức phi chính phủ nước ngoài đang triển khai dự án tại Hà Giang, trong đó nhiều dự án đang được triển khai trong vùng của đồng bào dân tộc thiểu số và trên khu vực Cao nguyên đá Đồng Văn. Các chương trình dự án đã ảnh hưởng và đóng góp rất lớn đến lĩnh vực bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc của tỉnh Hà Giang, trong đó phải kể đến một số tổ chức tiêu biểu như:

- Tổ chức ActionAid Việt Nam đã có hơn 20 năm triển khai các chương trình dự án tại huyện Vị Xuyên và Quản Bạ. Từ năm 2018 đến nay, ActionAid Việt Nam tập trung vào hỗ trợ 3 nội dung chính, gồm: Hỗ trợ hành động của người dân cải thiện sinh kế, thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu và xây dựng cộng đồng an toàn; thúc đẩy thực hiện dân chủ cơ sở để tăng cường quyền tiếp cận dịch vụ công có tính nhạy cảm giới của người dân; nâng cao năng lực cho đối tác, cộng đồng, tổ chức góp phần thay đổi xã hội thông qua cung cấp tri thức, kỹ năng thực hành. Qua đó đã thành lập 2 hợp tác xã dịch vụ du lịch cộng đồng Quản Bạ (Quanba taigoo) và hợp tác xã lạnh Cán Tỷ. Tổ chức sự kiện truyền thông, hội thi về du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm, chiến dịch trường học không rác thải nhựa; cộng đồng an toàn và phòng, chống thiên tai; hỗ trợ tu sửa nâng cấp địa điểm trụ sở hợp tác xã du lịch cộng đồng Nậm Đăm. Qua 20 năm đồng hành cùng Hà Giang phát triển, ActionAid đã hỗ trợ được hơn 20.000 lượt hộ gia đình ở Vị Xuyên và Quản Bạ đã chủ động xây dựng cho mình một cuộc sống sung túc và tốt đẹp hơn, thông qua các chương trình hỗ trợ được thiết kế theo ưu tiên của từng nhóm cộng đồng, từng xã/huyện tham gia dự án

- Từ năm 2007, Tổ chức Plan quốc tế tại Việt Nam chính thức hoạt động tại tỉnh Hà Giang và triển khai các chương trình, dự án tại 16 xã, thuộc 4 huyện Yên Minh, Mèo Vạc, Hoàng Su Phì, Xín Mần, với tổng kinh phí tài trợ lên tới 500 tỷ đồng. Các dự án triển khai chủ yếu tập trung các lĩnh vực: Giáo dục, y tế, biến đổi khí hậu, sáng kiến cộng đồng, ngăn ngừa kết hôn trẻ em, ngăn ngừa buôn bán người... Các dự án được triển khai đã mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực, có ý nghĩa to lớn góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, tạo sinh kế cho người dân địa phương, đặc biệt là chú trọng vào việc nâng cao nhận thức và năng lực cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, người dân tộc thiểu số - những người yếu thế trong cộng đồng. Qua đó, góp phần chuyển biến tích cực trong nhận thức và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở vùng dự án.

- Năm 2020, Viện Tài chính vi mô và Phát triển cộng đồng (MACDI) triển khai dự án **“Tăng cường năng lực cho phụ nữ dân tộc thiểu số trong việc phát triển cây thuốc nhuộm màu dệt thổ cẩm, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học”**. Dự án được triển khai tại địa bàn xã Cán Tỷ, huyện Quản Bạ nhằm bảo tồn và phát triển các cây thuốc nhuộm góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc; nâng cao tay nghề cho phụ nữ dân tộc thiểu số, ổn định sinh kế cho cộng đồng, từ đó lan toả ra kỹ thuật dệt lanh và bảo tồn các loại cây nhuộm màu, trong đó chủ đạo là cây Chàm tới các vùng lân cận.

Dự án góp phần nâng cao năng lực và nhận thức cho phụ nữ dân tộc thiểu số trong việc gìn giữ và bảo tồn giống cây thuốc nhuộm màu dệt thổ cẩm, từ đó nâng cao giá trị sản phẩm địa phương, cải thiện thu nhập và góp phần bảo tồn đa dạng sinh học vùng Cao nguyên đá Đồng Văn.

Hàng năm, tỉnh Hà Giang và châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc định kỳ, luân phiên tổ chức hội đàm về công tác đối ngoại kết hợp giao lưu đón tết cổ truyền giữa các cơ quan, đơn vị làm công tác đối ngoại của hai địa phương. Hai bên cũng đã tổ chức chương trình giao lưu trại hè cho học sinh của thành phố Hà Giang với học sinh của châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Từ năm 2011 đến nay, tỉnh Hà Giang đã tuyển sinh và cử trên 100 học sinh của tỉnh theo học hệ đại học và trên đại học tại các trường Đại học của Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây và trường đại học Vân Nam, Trung Quốc theo chương trình hợp tác về giáo dục và đào tạo giữa hai Bên. Tỉnh Hà Giang cũng đã cấp học bổng cho 04 học sinh của tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc theo học hệ đại học tại trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội.

Từ năm 2016, tỉnh Hà Giang (Việt Nam) và các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây (Trung Quốc) đã triển khai ký kết nghĩa giữa các huyện/xã biên giới của tỉnh Hà Giang với các địa phương đối đảng của tỉnh Vân Nam và tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Đến nay, đã có 03 địa phương cấp huyện của tỉnh Hà Giang ký kết nghĩa với các địa phương của Trung Quốc, 34 xã, thị trấn biên giới của tỉnh Hà Giang ký kết nghĩa với 11 hương/trấn biên giới của Trung Quốc. Sau khi ký kết nghĩa hai Bên đã chủ động, tích cực triển khai các nội dung đã được ký kết, cùng nhau tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân của hai Bên biết được ý nghĩa của việc thiết lập quan hệ hữu nghị, cùng tổ chức tuyên truyền 03 văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, phối hợp trao đổi về tình hình dịch bệnh, đấu tranh phòng tránh tội phạm qua biên giới, cùng nhau bảo vệ đường biên mốc giới. Các địa phương của hai Bên thường xuyên tổ chức giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao; trao đổi thư thăm hỏi, chúc mừng lẫn nhau vào các dịp lễ, tết ... các hoạt động này đã làm tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau, phát huy hiệu quả quan hệ truyền thống lâu đời giữa nhân dân hai bên biên giới, thúc đẩy mở rộng hoạt động đối ngoại nhân dân.

Ngoài ký kết nghĩa với các địa phương của Trung Quốc, tỉnh Hà Giang đã ký kết nghĩa với tỉnh Benguet, Phi-líp-pin; Thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với thành phố Morya, tỉnh Ibaraki, Nhật Bản; Thiết lập quan hệ hữu nghị với quận Boeun, tỉnh Chungcheongbuk, Hàn Quốc. Bước đầu tỉnh Hà Giang với các địa phương nước ngoài đã thống nhất được một số nội dung hợp tác quan trọng, hỗ trợ cho việc nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ của tỉnh Hà Giang; xuất khẩu lao động; giới thiệu quảng bá về du lịch ...

Hà Giang cũng đã tích cực tham dự các chương trình giới thiệu quảng bá về địa phương do các cơ quan Trung ương tổ chức ở nước ngoài; thông qua các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài, giới thiệu hình ảnh đậm đà bản sắc văn hóa của tỉnh

Hà Giang đến bạn bè thế giới. Các cơ quan chức năng chuyên môn của tỉnh đã xây dựng, biên tập, phát hành bản tin đối ngoại Hà Giang bằng ngôn ngữ Anh-Việt nhằm giới thiệu về đẹp, tiềm năng, thế mạnh của Tỉnh và những kết quả đã đạt được trong công tác đối ngoại; Cung cấp các ấn phẩm như tờ rơi, tạp chí, bản đồ du lịch, phóng sự ngắn giới thiệu về Hà Giang ... phục vụ các sự kiện năm APEC 2017.

Bên cạnh kết quả đã đạt được hoạt động đối ngoại của tỉnh hỗ trợ cho bảo tồn di sản, bảo tồn văn hóa và quảng bá thông tin văn hóa còn một số hạn chế như sau:

- Sản phẩm văn hóa của tỉnh còn hạn chế về số lượng và hình thức; Kinh phí triển khai các hoạt động còn hạn hẹp, nội dung triển khai chưa thực sự phong phú; Năng lực của cán bộ làm công tác đối ngoại còn hạn chế về ngoại ngữ và những hiểu biết về văn hóa của các quốc gia khác; nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa của các tầng lớp trong xã hội chưa có sự thống nhất cao.

- Chưa có sự kết nối thường xuyên giữa địa phương với các cơ quan Trung ương để tranh thủ giới thiệu về Hà Giang tại những sự kiện văn hóa được tổ chức ở nước ngoài.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống và đẩy mạnh công tác thông tin quảng bá về địa phương cần thực hiện một số nhiệm vụ giải pháp sau:

1. Nâng cao hiệu quả công tác Hợp tác quốc tế, thông tin đối ngoại, tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động văn hóa nhằm quảng bá, giới thiệu hình ảnh, con người, lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc, thế mạnh, tiềm năng, cơ hội hợp tác, đầu tư về văn hóa - du lịch của tỉnh Hà Giang đến bạn bè quốc tế, qua đó thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của tỉnh ngày càng sâu rộng và bền vững.

2. Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành về vị trí và tầm quan trọng của công tác ngoại giao văn hóa trong giai đoạn hiện nay.

3. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức hữu nghị và cá nhân trên địa bàn tỉnh trong công tác ngoại giao văn hóa.

4. Chủ động, tích cực phối hợp với các Bộ, Ban, Ngành ở Trung ương để tham gia quảng bá, giới thiệu về Hà Giang tại những sự kiện văn hóa lớn của Việt Nam tổ chức ở nước ngoài.

5. Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác thông tin đối ngoại để tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về tỉnh Hà Giang; hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho phóng viên báo chí nước ngoài được cấp phép tác nghiệp tại địa phương theo đúng quy định.

6. Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế hợp tác với các tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc và với các địa phương nước ngoài khác mà Hà Giang có chương trình hợp tác.

THAM LUẬN

Phát triển kinh tế xanh gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang

Trưởng Chính trị tỉnh

Ở nước ta, những năm qua, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch hành động và văn bản chỉ đạo điều hành về phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng bền vững và bảo vệ môi trường như: Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững... Đáng chú ý, trong bối cảnh dịch covid-19, nhiều quốc gia đang thúc đẩy phục hồi tăng trưởng kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh hay “phục hồi xanh”. Với Việt Nam, việc chuyển hướng sang kinh tế xanh và tăng trưởng xanh không chỉ là lựa chọn tất yếu mà còn là cơ hội để trở thành quốc gia tiên phong trong khu vực, bắt kịp xu thế phát triển của thế giới.

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định chủ trương “phát triển kinh tế xanh”: Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

Theo Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, có thể thấy Quy hoạch này đã phản ánh tính phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030 của cả nước, đảm bảo thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia; đồng thời phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia. Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, theo hướng xanh và bền vững trên cơ sở phát huy nội lực của tỉnh cùng với sự đầu tư, hỗ trợ của Trung ương và thu hút các nguồn lực khác, phát triển dựa trên 4 trụ cột tăng trưởng: Hạ tầng giao thông và hạ tầng số; Du lịch đặc sắc và đẳng cấp; một số chuỗi nông sản, đặc sản có triển vọng; đô thị bản sắc (biên giới, núi cao, dân tộc) và hiện đại.

Mục tiêu tổng quát và tầm nhìn dài hạn đến năm 2050, tỉnh Hà Giang phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực và yếu tố con người để đưa Hà Giang phát triển toàn diện, bền vững, bản sắc; bảo đảm biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định. Mục tiêu là: “Phát triển xanh, bản sắc, bền vững” với phương châm “Sống trên đá, thoát nghèo trên đá và tiến tới làm giàu trên đá”. Tạo không gian phát triển mới, đưa Hà Giang thành vùng du lịch

trọng điểm Quốc gia - điểm đến của du khách quốc tế. Nông nghiệp phát triển theo hướng nông nghiệp đặc trưng, chất lượng cao. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là giao thông đối ngoại, hạ tầng biên giới, khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thành trung tâm xuất nhập khẩu và logistic. Các khu đô thị được hình thành và mang đậm bản sắc đặc trưng của vùng, kiến trúc bản sắc văn hóa của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các mô hình sinh kế cho đồng bào các dân tộc phát triển ổn định. Thực hiện giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Xây dựng Hà Giang đến năm 2030 là tỉnh có kinh tế-xã hội phát triển khá trong vùng trung du và miền núi phía Bắc; đến năm 2045 là tỉnh có kinh tế-xã hội trung bình khá của cả nước; tầm nhìn đến năm 2050 là tỉnh có kinh tế-xã hội phát triển khá của cả nước, giữ vị trí quan trọng của vùng trung du và miền núi phía Bắc về kinh tế, giữ vị trí quan trọng của quốc gia về an ninh môi trường khu vực đầu nguồn, đảm bảo phát triển kinh tế xanh.

Mặt khác, là tỉnh vùng cao biên giới cực bắc của Tổ quốc, Hà Giang hiện có 19 dân tộc sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ gần 90%. Mỗi dân tộc có những nét văn hóa truyền thống, phong tục tập quán riêng, tạo nên bản sắc vùng miền độc đáo, phong phú. Để lưu giữ những bản sắc văn hóa độc đáo ấy, những năm qua, Hà Giang luôn chú trọng và xem đó là thế mạnh to lớn để tạo đà cho sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh trong giai đoạn mới thông qua việc bảo tồn, phát huy, đưa bản sắc văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch.

Với tỉnh Hà Giang, văn hóa giữ một vị trí quan trọng trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người mới đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc trên địa bàn là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; góp phần nâng cao trình độ dân trí của các dân tộc; củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, lòng tin của đồng bào dân tộc trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng;

Với quan điểm đó, những năm qua, tỉnh Hà Giang đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến công tác bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, như các nghị quyết chuyên đề về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; nghị quyết về xóa bỏ các hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh; đề án về bảo tồn, khôi phục, phát huy giá trị văn hoá đặc trưng của dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030; đề án Bảo tồn văn hóa truyền thống và nâng cao chất lượng dịch vụ các làng văn hóa du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; đề án Giáo dục kỹ năng sống và văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh. Cùng với đó, đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền như: Tổ chức biên soạn tin, bài, tiểu phẩm... bằng nhiều tiếng dân tộc; tập trung tuyên truyền cổ động trực quan, tuyên truyền lưu động, tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh, tuyên truyền miệng tại các buổi sinh hoạt khu dân cư; nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố. Để bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà

Giang tổ chức các lớp truyền dạy kỹ thuật, bí quyết thêu hoa văn trang phục dân tộc Lô Lô (Mèo Vạc), dân tộc Dao (Bắc Quang), dân tộc Tày (Quang Bình); truyền dạy các làn điệu dân ca và kỹ thuật sử dụng nhạc cụ truyền thống dân tộc Mông (Bắc Mê); dân tộc Tày (thành phố Hà Giang, Vị Xuyên); xây dựng và nhân rộng các mô hình phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với xây dựng Nông thôn mới; phát huy vai trò của nghệ nhân dân gian ở các địa phương tham gia giáo dục văn hóa truyền thống, lồng ghép giảng dạy cho học sinh ở các trường học với nhiều hình thức phong phú.

*** Tuy nhiên, việc phát triển kinh tế xanh, gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang vẫn còn một số hạn chế như:** tăng trưởng kinh tế nhanh nhưng chưa bền vững, một số tiềm lực kinh tế, xã hội chưa được khai thác có hiệu quả. Nhận thức của một bộ phận nhân dân về việc phát triển kinh tế xanh gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số còn hạn chế. Việc liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị chưa được triển khai mạnh mẽ, còn manh mún, chưa bền vững, chưa gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Một số tổ chức, cá nhân là hộ sản xuất kinh doanh còn trông chờ ỷ lại vào nhà nước dẫn đến việc phát triển kinh tế không đồng đều, tạo sự mất ổn định về giá cả hàng hoá, nhân công, thu nhập; các yếu tố văn hóa, xã hội, tinh thần đoàn kết, phối hợp đồng bộ trong thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, nhất là trong chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững chưa hiệu quả. Tính bền vững trong phát triển kinh tế xanh gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang chưa bền vững. Mặt khác, do trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn thấp so với mặt bằng chung của cả nước, nên đời sống của nhân dân mặc dù được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều khó khăn; về giáo dục, so với mặt bằng chung, nền giáo dục của tỉnh vẫn nằm trong nhóm có trình độ phát triển thấp, phương thức giáo dục chậm đổi mới; việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả thiếu thực chất, còn biểu hiện bệnh thành tích; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn thiếu nhiều so với nhu cầu thực tế; việc thực hiện một số chính sách xã hội vẫn còn bất cập: một số chính sách xã hội còn thực hiện thiếu đồng bộ, chưa đồng đều giữa các địa phương trong tỉnh, chênh lệch về mức sống, hưởng thụ văn hóa, tinh thần giữa các vùng, miền, nhóm đối tượng.

*** Nguyên nhân của những hạn chế phát triển kinh tế xanh, gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang**

- Nguyên nhân khách quan

Là tỉnh vùng cao, miền núi, biên giới, xuất phát điểm về kinh tế - xã hội thấp, quy mô nền kinh tế nhỏ, nhân dân chủ yếu là dân tộc thiểu số, trình độ dân trí còn thấp; địa hình chia cắt mạnh, thiếu đất canh tác và nước cho sản xuất, sinh hoạt; hậu quả của chiến tranh biên giới còn ảnh hưởng rất lớn; hệ thống kết cấu hạ tầng yếu kém; giao thông kết nối liên thông, nhất là các tuyến quốc lộ chậm được quan tâm đầu tư, cải tạo, nâng cấp; biến đổi khí hậu ảnh hưởng nặng nề, thường xuyên, tình

hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến bất thường. Từ đó ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến kết quả phát triển kinh tế xanh, gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang.

- Nguyên nhân chủ quan

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xanh, gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số của một số cấp ủy đảng, người đứng đầu thiếu sâu sát, kịp thời, chưa thực sự quyết liệt, thường xuyên, toàn diện. Cán bộ quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực kinh tế - xã hội còn yếu kém về năng lực, chuyên môn, nhiều, phiền hà; việc tổ chức thực hiện gắn với kiểm tra, đôn đốc vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục; năng lực cán bộ triển khai cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng chưa đáp ứng được yêu cầu; triển khai thực hiện một số đề án, chương trình về phát triển kinh tế - xã hội chưa có đầy đủ nguồn lực thực hiện và điều kiện thực tế của từng địa phương, còn biểu hiện chủ quan, nóng vội.

Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện một số chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế xanh, gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số chưa đồng bộ, hiệu quả thấp. Vai trò tham mưu, đề xuất của một số ngành, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xanh, bản sắc và bền vững chưa chủ động, thiếu sáng tạo. Công tác thông tin xử lý chưa kịp thời, chất lượng dự báo thấp.

Thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy chưa nghiêm; vai trò, trách nhiệm, tính nêu gương của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự được phát huy; còn tình trạng nói không đi đôi với làm, nói nhiều, làm ít. Một số nội dung trong công tác cán bộ ở một số nơi còn bất cập. Đây chính là lực lượng quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ phát triển con người toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xanh, gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở địa phương. Khi nhân tố này còn hạn chế, thì hiệu quả của việc phát triển xanh, bản sắc và bền vững.

Hình thức, nội dung tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế xanh, gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số, tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động phát triển kinh tế xanh, gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số chậm đổi mới, hiệu quả chưa cao.

*** Giải pháp phát triển kinh tế xanh gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang**

- Một là, đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục vận động cho người dân, chính quyền các cấp thấy được vai trò, lợi ích của việc phát triển kinh tế xanh phát triển kinh tế gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang

+ Không ngừng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh về xây dựng phát triển kinh tế xanh gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ở địa phương

+ Đẩy nhanh, đồng bộ việc vận dụng sáng tạo quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa, con người phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững thành các chính sách cụ thể, thiết thực, kể cả các chính sách đặc thù, tạo môi trường thuận lợi, khơi dậy mọi tiềm năng, nguồn lực của tỉnh cho mục tiêu phát triển bền vững

+ Tăng đầu tư cho hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa theo hướng tăng cường tính hiệu quả, tính chi phối, không phát triển thiết chế theo một mô hình có sẵn, cứng nhắc, dàn trải mà phải phù hợp với đặc điểm vùng, miền, dân tộc, phát huy tính tích cực của hệ thống thiết chế văn hóa truyền thống; gắn văn hóa với kinh tế, ưu tiên phát triển toàn diện con người vì mục tiêu phát triển kinh tế xanh gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

- Hai là, không ngừng chăm lo công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí, đánh giá, sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa ở các cấp có đức có tài, có kinh nghiệm và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; chủ động, tích cực; chú ý đến việc phát hiện, đào tạo, sử dụng tài năng văn hóa, văn nghệ ở một số lĩnh vực, bộ môn có tính đặc thù, chất lượng cao, năng lực đặc biệt.

+ Việc xây dựng môi trường văn hóa nhằm thúc đẩy con người phát triển toàn diện từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế xanh gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc phải được thực hiện đồng bộ trong gia đình, nhà trường và xã hội. Phát huy tinh thần yêu nước, thực hành dân chủ, tính năng động, sáng tạo, đoàn kết của các chủ thể văn hóa, xây dựng cơ chế phối hợp, phân cấp, phân quyền trong tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, “xây” luôn đi đôi với “chống”, cổ vũ, động viên nhân tố mới, điển hình tiên tiến; kiên quyết đấu tranh đẩy lùi cái xấu, các ác, cái tiêu cực tha hóa con người, ảnh hưởng đến truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

+ Gắn với phát triển kinh tế, xã hội đi đôi với xây dựng tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thực sự trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hiện tám lời căn dặn của Hồ Chí Minh với nhân dân Hà Giang.

- Ba là, khai thác tốt các lợi thế so sánh của địa phương góp phần thúc đẩy phát triển phát triển kinh tế gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang. Phát huy vai trò của các chủ thể kinh tế.

+ Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu nền kinh tế, phát triển nhanh, bền vững. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng phát triển nhanh, bền vững, kết hợp hợp lý giữa phát triển theo chiều rộng và chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng

cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế phát triển các ngành, lĩnh vực và của từng địa phương, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

Cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư công theo hướng trọng tâm, trọng điểm vốn ngân sách tập trung nhiều hơn vào các công trình quan trọng, thiết yếu để hoàn thành, khai thác, sử dụng hiệu quả. Cân đối lại thu, chi ngân sách nhà nước, bảo đảm tăng hiệu quả đầu tư, giảm nợ đọng xây dựng cơ bản, đủ nguồn lực thực hiện các đột phá, nhiệm vụ trọng tâm, lĩnh vực ưu tiên. Thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách.

Phát triển nông, lâm nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa liên kết tốt giữa sản xuất và tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; chú trọng các sản phẩm nông nghiệp đặc thù gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và sản xuất, chế biến theo chuỗi giá trị, tiêu chuẩn an toàn, phát triển thương hiệu.

Tập trung đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó trọng tâm là kết cấu hạ tầng giao thông và cấp nước sinh hoạt. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quy hoạch, đầu tư xây dựng trên địa bàn.

Phát triển du lịch theo hướng tiếp cận phát triển cụm, ngành, định hướng dài hạn, thu hút đầu tư vào dịch vụ du lịch theo phân khúc khách hàng cao cấp. Tiếp tục tập trung vào du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bản sắc văn hóa các dân tộc. Phát triển mạnh kinh tế biên mậu, thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến nông, lâm sản và các ngành dịch vụ: Tài chính, ngân hàng, viễn thông, vận tải, Logistics... Đa dạng hóa phương thức huy động nguồn lực, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài, nguồn vốn nhân rỗi trong nhân dân.

+ Phát triển nông nghiệp đặc trưng theo chuỗi giá trị hàng hóa chất lượng cao. Tập trung phát triển theo 2 trục: Một là, đảm bảo về an ninh lương thực, thực phẩm trên địa bàn tỉnh, bao gồm: nhóm cây lương thực (lúa, ngô); Nhóm cây thực phẩm (rau đậu, củ, quả); nhóm cây công nghiệp ngắn ngày (Lạc, đậu tương). Hai là, phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng hàng hóa chất lượng cao theo chuỗi giá trị: Nhóm trồng trọt tập trung vào cây ăn quả có múi, cây ăn quả ôn đới; chè san tuyết, dược liệu.

+ Phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ; phát huy kinh tế biên mậu. Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Cơ cấu lại ngành du lịch theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển bền vững dựa trên các giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, danh lam thắng cảnh, đặc biệt: Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, các di tích lịch sử quốc gia... Tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch: Du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá, du lịch mạo hiểm, du lịch lịch

sử, văn hóa, du lịch sinh thái kết hợp du lịch cộng đồng...; xác định vùng trọng điểm: Thành phố Hà Giang là trung tâm kết nối du lịch của tỉnh; Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồi Văn trở thành khu du lịch trọng điểm quốc gia. Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng trên cơ sở bảo tồn và phát huy hiệu quả, bền vững các di sản thiên nhiên, văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, kiến trúc nhà ở truyền thống, các đặc sản và bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái.

Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế; có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào một số lĩnh vực, ngành dịch vụ như: Doanh nghiệp lữ hành, du lịch cộng đồng, nhà hàng, y tế, vận tải. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ, tham gia vào mạng lưới thương mại điện tử toàn quốc; tăng cường công tác quản lý thị trường, đấu tranh phòng, chống hàng giả, hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng.

Phát triển khu kinh tế cửa khẩu, bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó lấy thương mại cửa khẩu là động lực chính để phát triển. Tăng cường các hoạt động thương mại biên giới với Trung Quốc, cặp cửa khẩu song phương Xín Mần - Đô Long, các cặp cửa khẩu đang đề xuất triển khai, các chợ biên giới đảm bảo hoạt động hiệu quả.

+ Cơ cấu lại và phát triển các ngành công nghiệp theo hướng bền vững. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông, lâm sản gắn với xây dựng vùng nguyên liệu, hình thành chuỗi giá trị khép kín hàng nông sản, tiểu thủ công nghiệp. Tăng cường quản lý việc cấp phép khai thác và chế biến khoáng sản đảm bảo quy định; hạn chế tối đa tác động ô nhiễm môi trường. Không triển khai mới các dự án khai thác khoáng sản, thủy điện khi chưa đáp ứng các điều kiện về quy hoạch, bảo vệ môi trường. Kịp thời rà soát tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực thủy điện, khoáng sản; liên quan đến vùng giáp ranh chủ động làm việc với các tỉnh để phối hợp chỉ đạo triển khai hiệu quả. Hoàn chỉnh kết cấu khu công nghiệp Bình Vàng và thu hút đầu tư lấp đầy khu công nghiệp, hoạt động hiệu quả bền vững gắn với sản xuất hàng hóa xuất nhập khẩu.

+ Ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang. Xây dựng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện của tỉnh, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được xây dựng trên cơ sở khoa học vững chắc, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học công nghệ công lập. Ưu tiên chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong các lĩnh vực: Công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản, dược liệu; thương mại, dịch vụ, du lịch; bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.

Tăng cường liên kết các tổ chức khoa học, công nghệ với các doanh nghiệp; liên kết giữa nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông phù hợp với xuất phát điểm và trình độ công nghệ còn lạc hậu như Hà Giang. Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, kiến toàn, nâng cao năng lực bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ.

- *Bốn là*, phát huy hiệu quả các đặc điểm về dân tộc, tôn giáo ở địa phương nhằm tạo ra những tiền đề phi kinh tế thúc đẩy kinh tế phát triển xanh gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang. Chú trọng thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, ưu tiên hàng đầu cho giải quyết việc làm cho người lao động, bảo vệ lợi ích của người lao động

phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021- 2030 và các chương trình, dự án giảm nghèo bền vững, tạo động lực, khuyến khích hộ nghèo tự lực vươn lên thoát nghèo, hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo; tiếp tục đầu tư hạ tầng giao thông, điện, nước sinh hoạt, các dịch vụ y tế, thúc đẩy giáo dục - đào tạo từ bậc học mầm non; quy hoạch, từng bước di dời, sắp xếp ổn định các hộ dân sống rải rác, vùng nguy cơ sạt lở.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình xây dựng nhà ở kiên cố cho người có công, người nghèo, chương trình bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, phòng chống tệ nạn xã hội..., nâng cao đời sống vật chất, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc và lòng tin của nhân dân các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

+ Đối với giải quyết việc làm cho người lao động: Thực hiện đồng bộ các chính sách, giải pháp về giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động và liên kết vùng để cung ứng lao động. Đổi mới và đẩy mạnh công tác dịch vụ việc làm, gắn kết thông tin cung, cầu lao động với các địa phương trong và ngoài nước để giải quyết việc làm, nhất là thị trường có việc làm ổn định và thu nhập cao, góp phần vào chuyển dịch cơ cấu việc làm và cơ cấu lao động. Quan tâm và chú trọng đến giải quyết việc làm cho lực lượng thanh niên, người dân tộc thiểu số và đối tượng yếu thế.

Triển khai và thực hiện đầy đủ các chính sách về hỗ trợ giải quyết việc làm của Trung ương, của tỉnh đã ban hành giúp người lao động có thêm cơ hội phát triển sản xuất để giải quyết việc làm

+ Đối với giảm nghèo bền vững: Tăng cường và đổi mới công tác truyền thông về công tác giảm nghèo bền vững sâu rộng đến các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, tổ chức đoàn thể, đặc biệt là các tầng lớp dân cư và người nghèo, nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo bền

vững. Tập trung huy động mọi nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo lộ trình hàng năm và cả giai đoạn, gắn mục tiêu giảm nghèo bền vững với xây dựng nông thôn mới.

+ Chú trọng bảo vệ và phát triển môi trường bền vững. Khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai toàn tỉnh; nâng cao chất lượng lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phát triển quỹ đất bảo đảm gắn kết đồng bộ các quy hoạch có liên quan; chấn chỉnh việc cấp phép, khai thác khoáng sản; tăng cường phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý nhằm chấm dứt tình trạng gây ô nhiễm môi trường. Ưu tiên đầu tư xây dựng các dự án xử lý chất thải; hạn chế, tiến tới khắc phục cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường ở nông thôn.

Tiếp tục đầu tư, bảo đảm an toàn các hồ, đập chứa nước; phát triển thủy lợi, nâng cao khả năng tưới, tiêu nước cho các vùng thường xuyên bị hạn hán, ngập úng; bảo vệ nguồn nước, không gian thoát lũ trên lưu vực sông, suối; tăng cường công tác quản lý, vận hành bảo đảm an toàn hồ, đập, điều tiết nước hợp lý. Tăng cường thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về quản lý tài nguyên, môi trường.

- *Năm là*, thực hiện nhất quán thông điệp phát triển kinh tế xanh, bản sắc và bền vững trong từng giai đoạn và kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển tỉnh Hà Giang đến 2030 tầm nhìn đến 2045, đề ra những phương hướng, nhiệm vụ của tỉnh Hà Giang trong thời gian tới một cách hiệu quả. Theo đó, cần tiếp tục quán triệt, cụ thể hóa vào điều kiện thực tiễn của địa phương để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XVII. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để thực hiện mục tiêu đưa Hà Giang phát triển nhanh, bền vững theo hướng "Xanh, bản sắc và bền vững". Với sự đa dạng về bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, sự phong phú về tiềm năng, lợi thế phát triển các loại hình du lịch, tỉnh Hà Giang đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp vừa bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, vừa gắn với phát triển du lịch cộng đồng, qua đó góp phần ổn định cuộc sống cho đồng bào các dân tộc, mở ra cơ hội phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Phát huy hơn nữa truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần đoàn kết, thống nhất, tự lực, tự cường; vươn lên bằng sức mạnh nội sinh, từ bàn tay, khối óc, mảnh đất, khung trời của mình; không trông chờ, ỷ lại, biến không thành có, biến khó thành dễ, biến cái không thể thành có thể. Không ngừng đổi mới sáng tạo để phát triển đột phá và hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ hàng năm và mỗi giai đoạn để góp phần xây dựng nền kinh tế của tỉnh Hà Giang ngày càng giàu mạnh

Để phát huy những kết quả đã đạt được trong việc phát triển kinh tế xanh gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang những năm qua. Thời gian tới, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang tiếp tục quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Huy động

sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tập trung khai thác có hiệu quả các tiềm năng thế mạnh của địa phương về điều kiện tự nhiên và các nguồn lực khác chú trọng việc phát triển kinh tế xanh, bản sắc và bền vững. Tranh thủ sự đầu tư hỗ trợ của nhà nước kết hợp với huy động nội lực trong nhân dân để đẩy nhanh tiến độ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng. Phần đầu đến năm 2035 việc khai thác các yếu tố kinh tế và phát triển kinh tế xanh, bản sắc và bền vững sẽ làm thay đổi căn bản tỷ trọng của các ngành kinh tế để cơ cấu kinh tế thương mại - dịch vụ chiếm trên 65%. Tiếp tục thực hiện các giải pháp về thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, ổn định đời sống nhân dân, xoá nghèo bền vững, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh. Khuyến khích các thành phần kinh tế, các hộ gia đình đầu tư phát triển các loại sản phẩm hàng hoá, dịch vụ trên địa bàn. Chắc chắn sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xanh gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang

THAM LUẬN

Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là kinh tế du lịch

Ban Quản lý Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn

Tóm tắt: Trong bối cảnh môi trường sống của con người thay đổi nhanh chóng cả ở khía cạnh thiên nhiên với những tác động khổng lồ từ biến đổi khí hậu, sự nóng lên toàn cầu, tác động của công nghiệp, dân số đến môi trường xã hội như sự giao thoa, phai nhòa bản sắc văn hóa lẫn xung đột văn hóa, sắc tộc... việc duy trì một sinh quyển bền vững cho nhiều thế hệ được coi là ưu tiên cấp bách của Liên Hợp Quốc. Sáng kiến Công viên địa chất toàn cầu UNESCO (UGGp) được Đại hội đồng UNESCO lần thứ 38 (2015) thông qua và trở thành một chương trình chính thức của UNESCO, bên cạnh các chương trình nổi tiếng như WHS (1972), MAB (1976) ... có thể được coi như một lời giải cho bài toán phát triển bền vững những thế kỷ tới. Đối với Việt Nam, phát triển bền vững thông qua xây dựng và phát triển hệ thống Công viên địa chất toàn cầu UNESCO tại những địa phương thích hợp cần được coi là một hướng đi đúng đắn. Triết lý, nội hàm của Chương trình Công viên địa chất toàn cầu UNESCO rất phù hợp với nhiều tiêu chí phát triển bền vững của một quốc gia đang trong giai đoạn phát triển nhanh, hòa nhập với thế giới, tiến vào Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa với môi trường tự nhiên và xã hội biến đổi sâu sắc, khó lường như Việt Nam. Các ví dụ trong báo cáo được lấy từ Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, công viên địa chất toàn cầu UNESCO đầu tiên của Việt Nam.

1. Khái quát về Công viên địa chất toàn cầu UNESCO

Khoảng đầu những năm 2000, những think tank hàng đầu của UNESCO nhận thấy sự hữu hạn của hai chương trình di sản vật thể cốt lõi của UNESCO bao gồm Chương trình di sản thế giới (WHS - theo công ước 1972) và Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB - công ước 1971) với các đặc điểm sau:

- Số lượng các điểm đạt tiêu chí công nhận khắt khe của hai Chương trình này ngày càng giảm đến mức cận không, gần như đạt mức tới hạn (tới 7/2019 có 1121 WHS, tháng 12/2018 có 686 MAB).

- Việc thiên quá lớn về mục đích bảo tồn khiến sự đóng góp của 2 Chương trình vào phát triển bền vững không thực sự lớn. Cả hai Chương trình đều không đặt vấn đề những hệ thống Di sản lớn, nhưng lại nằm rải rác, hòa lẫn vào cuộc sống thường nhật của những vùng đông dân số, phát triển nhanh sẽ được quản lý và phát huy bền vững như thế nào.

- Các hệ tiêu chí của cả hai Chương trình thường không mang tính toàn diện, chỉ tập trung sâu vào một vài khía cạnh.

Khởi đầu từ ý tưởng trên, sáng kiến xây dựng 1 loại hình di sản vật thể hoàn toàn mới, có diện tích rộng, có sự đan xen cả môi trường tự nhiên lẫn văn hóa với đặc trưng là sự hình thành của văn hóa trên đặc điểm của môi trường tự nhiên, cân bằng giữa 3 yếu tố bảo tồn, giáo dục và phát huy để hướng tới khai thác, phát triển bền vững ra đời. Bắt đầu từ Châu Âu, sau đó là Trung Quốc những Công viên địa chất quốc gia đầu tiên ra đời. Năm 2004, các công viên này hợp lại và thống nhất thành lập Mạng lưới Công viên địa chất Toàn cầu (GGN). Đến năm 2015 đã có 110 Công viên địa chất toàn cầu nằm ở 31 quốc gia. Sau khi được UNESCO chính thức đưa thành 1 chương trình của UNESCO tại Đại hội đồng 38 năm 2015, số lượng các công viên tăng nhanh, quy chế và hệ thống tiêu chí ngày càng chặt chẽ. Hiện nay số lượng là 195 công viên ở 48 quốc gia và vùng lãnh thổ. Kể từ khi trở thành một chương trình chính thức của UNESCO, ngoài việc số lượng các CVĐC tăng nhanh, uy tín của Mạng lưới GGN tăng cao, thì đóng góp của các CVĐC vào sự phát triển bền vững của các quốc gia, đặc biệt là các vùng kém phát triển, ngày càng trở nên mạnh mẽ. UNESCO hiện coi chương trình CVĐC toàn cầu là 1 trong những nội dung cơ bản để theo đuổi Chương trình Nghị sự 2030 với 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc.

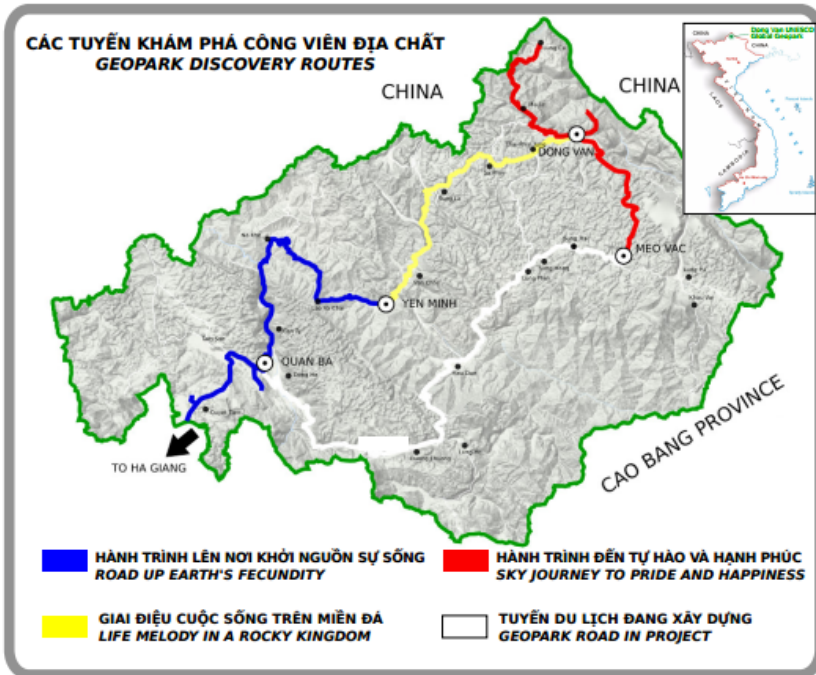
Về cơ bản, các viên địa chất muốn được UNESCO công nhận phải đảm bảo 1 hệ thống tiêu chí gồm 6 điểm, trong đó nhấn mạnh đến về bảo tồn, giáo dục giá trị giàu có về di sản tự nhiên và văn hóa trong mối tương quan với phát triển bền vững khu vực và nằm trong 1 hệ thống tương tác toàn cầu. Khác với các di sản vật thể trước đó, các Công viên địa chất thường rất đông dân cư, có nhiều loại hình kinh tế xã hội đan xen phức tạp. Chính yếu tố này khiến UNESCO đòi hỏi mỗi Công viên địa chất toàn cầu phải được tái thẩm định chất lượng sau mỗi 4 năm (hoặc 2 năm nếu có xung đột giữa bảo tồn và phát triển lớn) thay vì 10 năm như hai loại hình di sản vật thể trên.

2. Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn

2.1. Tổng quan kinh tế - xã hội

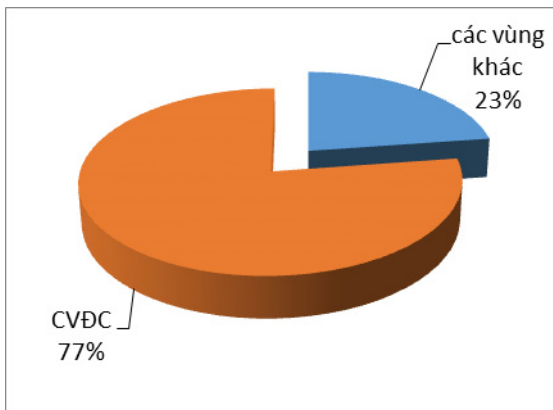
Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn (*sau đây viết tắt là CVĐC*) nằm ở Đông Bắc Việt Nam, cách Thủ đô Hà Nội 320km; phía Tây, phía Bắc tiếp giáp với Trung Quốc và có đường biên giới dài 176,46km. Với vị trí địa lý đặc trưng của mình, CVĐC đóng vai trò phen dậu của Việt Nam và là cửa ngõ quan trọng về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng. CVĐC bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của 4 huyện: Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc và là 04 huyện/62 huyện thuộc diện nghèo nhất của cả nước theo Nghị quyết 30a của Chính phủ, với tổng diện tích tự nhiên là 2.345km², địa hình chủ yếu là núi đá chiếm tới 80% diện tích, CVĐC có độ cao trung bình từ 1.200-1.600m so với mực nước biển, thấp dần từ Bắc xuống Nam và là nơi sinh sống của 17 dân tộc với trên 300.000 người, chiếm 1/3 dân số toàn tỉnh. Nơi đây khó khăn nhất là giao thông chia cắt, thiếu đất canh tác, thiếu

nước sản xuất và sinh hoạt, thời tiết khí hậu hết sức khắc nghiệt, mùa đông thường có sương muối, rét đậm, rét hại.

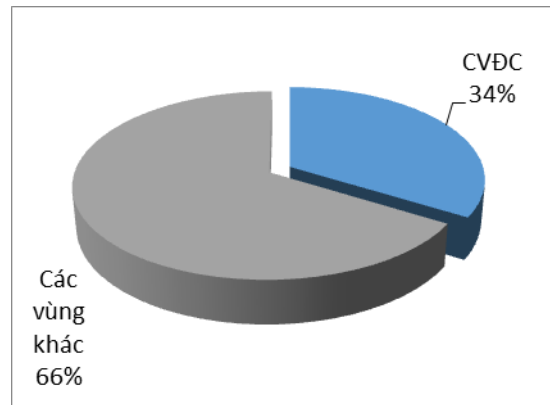


H1: Bản đồ địa hình Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn (với 3 tuyến du lịch chính hiện nay)

C1: Số các nhóm dân tộc trên vùng CVĐC chiếm tới 77% tổng số các dân tộc sinh sống trong toàn tỉnh



C2: Dân số vùng CVĐC chiếm 34% tổng dân số trong toàn tỉnh



Điều kiện tự nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng khu vực CVĐC vô cùng khó khăn và khắc nghiệt, không thuận lợi cho thông thương, phát triển kinh tế công nghiệp, nông nghiệp. Mặt khác, CVĐC được thiên nhiên ban tặng cảnh quan thiên nhiên và núi non hùng vĩ vào bậc nhất của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, trong đó chứa đựng hàng trăm giá trị di sản địa chất, địa mạo và đa dạng sinh học cấp quốc gia và quốc tế, đồng thời chứa đựng kho tàng văn hóa vô cùng phong phú của 17 dân tộc, nên CVĐC là điểm đến hấp dẫn đối với khách du lịch và các nhà nghiên cứu khoa học, đó là điều kiện thuận lợi để người dân tham gia vào công tác quản lý, bảo vệ và phát huy

các giá trị di sản để phát triển kinh tế du lịch, thương mại nhằm xóa đói giảm nghèo bền vững.



H2-3: Di sản địa chất cấp quốc tế Núi đôi Cô tiên (Quản Bạ); Sinh hoạt đời thường của người dân trên khu vực hẻm Tu Sản - Mã Pì Lèng

2.2. Quá trình hình thành, phát triển

Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn được thành lập ngày 09/9/2009, sau vài năm nghiên cứu, đề xuất, phối hợp xây dựng và chuẩn bị các điều kiện giữa Hội địa lý Hoàng gia Bỉ, Đại học Leuven - Vương quốc Bỉ, Viện KHĐCKS Việt Nam và UBND tỉnh Hà Giang. Ngay sau đó, hồ sơ được trình lên GGN vào ngày 01/10/2010, tại đảo Levos, Hy Lạp, GGN chính thức công nhận Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn trở thành thành viên mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu.

Sau khi được công nhận, chuyên gia do GGN cử sang đã cùng Hà Giang xây dựng một chiến lược hành động ngắn hạn trong 3 năm 2011- 2013, kết quả của quá trình đó là Hà Giang đã xây dựng và trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị CVĐC toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn đến 2020, tầm nhìn 2030” (*Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 07/2/2013*). Cùng thời điểm này, Đồng Văn được đưa vào quy hoạch các khu du lịch quốc gia (*Quyết định 201/QĐ-TTg ngày 22/1/2013*). Những quy hoạch tầm quốc gia này là cơ sở chắc chắn làm cơ sở triển khai hàng loạt các quy hoạch thứ cấp cùng triển khai các hoạt động xây dựng và phát triển CVĐC.



H4: CVĐC nhận bằng tài công nhận lần I (Stone Hammer, Canada năm 2014)

Vào tháng 9/2014, CVĐC trải qua kỳ tái thẩm định lần I với kết quả rất tích cực. Ban điều hành GGN khi đó cho rằng CVĐC có thể phát triển để là hình mẫu về Công viên địa chất toàn cầu kiểu mới tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Năm 2015, cùng với việc Công viên địa chất toàn cầu chính thức trở thành 1 chương trình của UNESCO, CVĐC cũng được công nhận là Công viên địa chất toàn cầu UNESCO.

Bắt đầu từ giai đoạn này, những nỗ lực đầu tư của tỉnh Hà Giang bắt đầu có hiệu quả sau một thời gian “độ trễ chính sách”. Hình ảnh CVĐC được biết đến trên diện rộng, ấn tượng của du khách rất tích cực và hệ quả là kinh tế du lịch trên vùng CVĐC phát triển đặc biệt nhanh chóng. Số lượng du khách, số lượng nhà hàng, khách sạn, cơ sở kinh doanh du lịch tăng trưởng nóng. Cùng với đó, CVĐC gặp 1 số vấn đề về quản lý, bảo tồn. Ngoài ra, quá trình chuyển tiếp, sắp xếp lại cơ quan quản lý cũng tác động không nhỏ tới tính liên tục, thống nhất của quản lý. Rất may, Hà Giang, dưới sự hỗ trợ của chuyên gia GGN và Viện KHĐCKS Việt Nam, đã có những động thái điều chỉnh kịp thời, và kỳ tái thẩm định tháng 9/2018 diễn ra tốt đẹp. CVĐC được tái công nhận cho nhiệm kỳ 2019-2022.



H5: CVĐC nhận bằng công nhận lần II (Khâu Vai, Mèo Vạc năm 2019)

Tuy nhiên, điều đó cũng đặt ra khá nhiều thách thức mang tính bước ngoặt trong chặng đường phát triển tới của CVĐC: bảo tồn di sản; năng lực bộ máy quản lý; nguồn lực quản lý và đầu tư; quản trị sức chứa.v.v.

2.3. Các thành tựu

Sau 12 năm thành lập, đặc biệt kể từ khi Cao nguyên đá Đồng Văn được gia nhập Mạng lưới CVĐC toàn cầu, Hà Giang đã xác định việc xây dựng và phát triển CVĐC hướng tới ba mục tiêu chính là:

1. Bảo tồn các giá trị di sản, bao gồm giá trị di sản địa chất, đa dạng sinh học, khảo cổ, lịch sử, văn hóa - xã hội của khu vực;

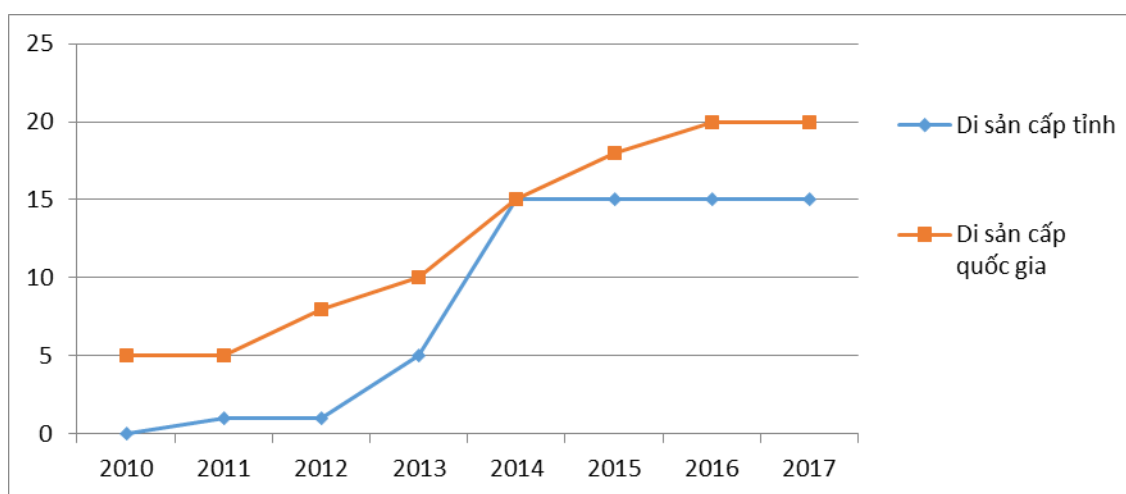
2. Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng và quảng bá, giới thiệu hình ảnh về CVĐC;

3. Phát huy các giá trị di sản để thúc đẩy các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo sinh kế và nguồn thu nhập cho cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững cho người dân trên CVĐC.

Trải qua 3 kỳ tái thẩm định tư cách thành viên vào các năm 2014, 2018, 2022, CVĐC đạt được những thành tựu nổi bật ở những lĩnh vực sau:

Bảo tồn

Trước khi được công nhận là Công viên địa chất toàn cầu UNESCO, trên thực tế, không có khái niệm di sản địa chất trong công tác bảo tồn của vùng CVĐC, toàn bộ công tác bảo tồn chỉ tập trung vào các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Sau khi được công nhận, công tác bảo tồn có nhiều tiến bộ thấy rõ. Hệ thống di sản được mở rộng, giữ gìn tốt hơn bằng sự bảo vệ của pháp luật. Hành động, ý thức của nhân dân trên thực tế được cải thiện rõ ràng, công cuộc bảo tồn di sản có sự vào cuộc của toàn thể hệ thống chính trị và các cộng đồng địa phương.



C3: Số lượng các di sản các loại được công nhận, bảo vệ bằng pháp luật (số liệu đến 2017)

Từ một vùng có thói quen khai thác đá vôi tự do để phục vụ xây dựng, sinh hoạt, đến 2014, toàn bộ vùng đã quy hoạch giảm hàng ngàn mỏ đá qui mô nhỏ, lẻ, tự do, tự phát. Tỉnh ngừng cấp phép mới với hầu hết đề nghị khai thác mỏ đá vôi và ngừng hẳn cấp phép khai thác mới với các loại khoáng sản khác. Tổ chức quy hoạch sau khi kiểm tra, đánh giá giá trị, khoanh vùng di sản, giảm số lượng mỏ được cấp phép gia hạn xuống mức tối thiểu. Các mỏ khoáng sản khác được kiểm soát nghiêm ngặt về tiêu chí môi trường.

Công tác bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sống được nâng cao toàn diện với 01 Khu bảo tồn thiên nhiên, 01 Vườn Quốc gia được thành lập. Việc bảo vệ các tài nguyên đất, nước, không khí có nhiều thành tựu lớn.

Sau 12 năm, môi trường thiên nhiên của Vùng CVĐC được duy trì với chất lượng tương đương thời điểm 2009, một số mặt có nhiều tiến bộ hơn như mở rộng diện tích rừng, phục hồi các chủng loài (*cá thể và quần thể*) có nguy cơ trong sách Đỏ.

Về bảo tồn di sản Văn hóa, 12 năm qua đánh dấu thời kỳ phát triển rực rỡ của văn hóa bản địa do có nguồn thu từ du khách và do công tác bảo tồn, khôi phục được quan tâm đầu tư và chính sách khuyến khích bảo tồn của tỉnh. Hàng loạt các Lễ hội, hoạt động văn hóa, tín ngưỡng... cổ truyền được khôi phục và tổ chức thường xuyên: Lễ hội Văn hóa dân tộc Mông, Lễ cúng thần rừng Pu Péo, Lễ hội Gầu Tào, Tết cá, Lễ hội chợ tình Khâu Vai.... Một số sự kiện, lễ hội mới gắn chặt với văn hóa bản địa cũng trở nên nổi tiếng: Lễ hội Tam giác mạch, Lễ hội hoa đào, lễ hội hồng không hạt...

Giáo dục cộng đồng

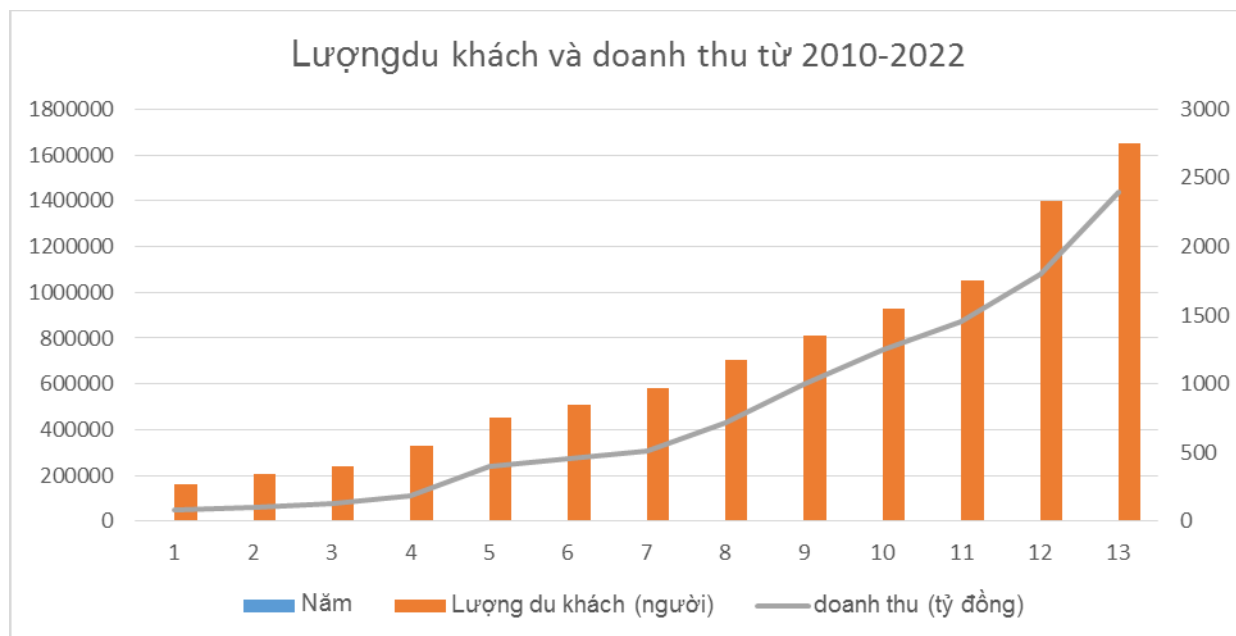
Về GDCCĐ, CVĐC phát triển ở 2 hướng: xây dựng 1 chương trình giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng địa phương và tổ chức nghiên cứu khoa học về các mặt trên vùng CVĐC.

Chương trình giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng địa phương của CVĐC được tiến hành thường xuyên, liên tục hàng năm trên quy mô vùng CVĐC và toàn tỉnh với hệ thống từ trường học các cấp, thôn bản, các tổ chức chính trị đến các phương tiện truyền thông đại chúng. Hầu hết các hoạt động của chương trình được lồng ghép trong các nhiệm vụ chính trị xã hội và hoạt động lao động sản xuất. Sau 12 năm liên tục, nhận thức của đồng bào địa phương có nhiều biến đổi thấy rõ. Biểu hiện của thay đổi nhận thức thể hiện ở tính chủ động trong bảo tồn ở cấp độ cộng đồng và khả năng khai thác di sản trong phát triển kinh tế có những tiến bộ rõ rệt.

Về nghiên cứu khoa học, từ một vùng hầu như trắng về nghiên cứu khoa học ứng dụng, đặc biệt về các mảng du lịch, dịch vụ, thì ngày càng có nhiều những nghiên cứu khoa học có giá trị, từ địa chất, tự nhiên, văn hóa, kinh tế du lịch và có sự tham gia ngày càng rộng rãi của nhiều thành phần liên quan: các trường đại học trong nước, các viện nghiên cứu, các tổ chức xã hội, chính quyền, doanh nghiệp, nhân dân và nhiều tổ chức quốc tế. Trước 2010, hầu như không có 1 báo cáo khoa học thực tập của học viên cao học hay nghiên cứu sinh tiến sĩ nào thực hiện tại vùng thì hiện nay con số tương ứng hàng năm luôn là khoảng trên dưới 10 luận văn - 1 luận án.

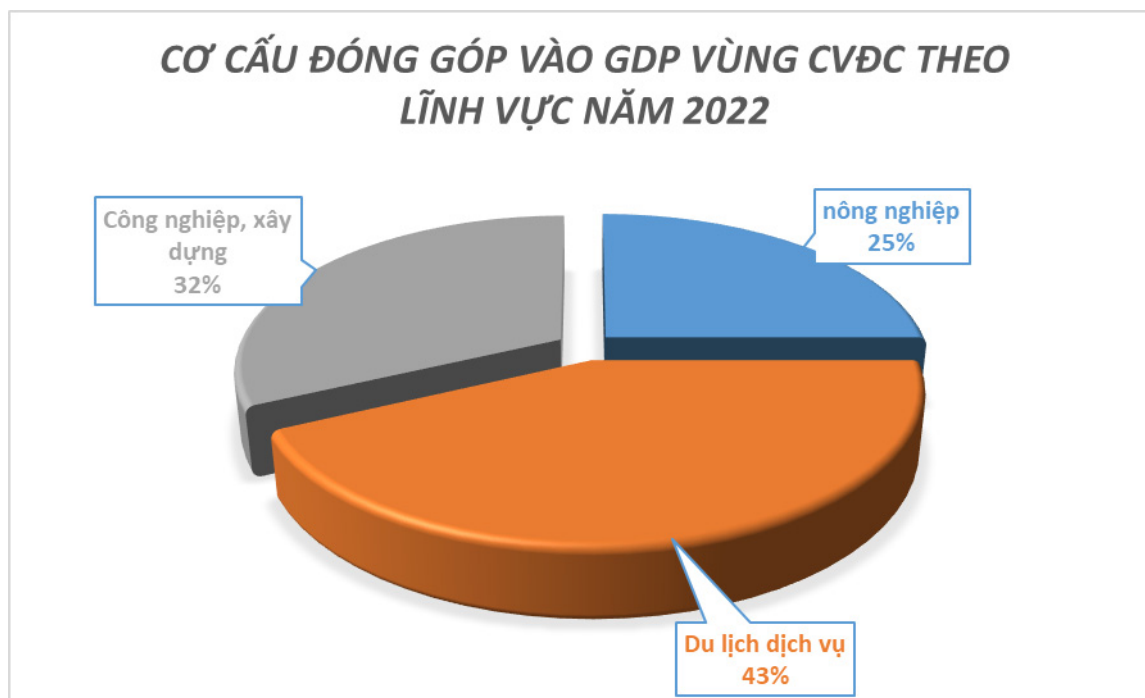
Phát triển (du lịch)

Phát triển kinh tế du lịch có thể coi là 1 trong những thành tựu đáng kể nhất của CVĐC. Từ một vùng xa xôi, “rừng thiêng nước độc”, ít người lai vãng tận những năm đầu thập kỉ 2000, thì từ khi được công nhận danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu, du lịch đã phát triển “bùng nổ” với tốc độ tăng trưởng luôn vượt 20%/ năm tại vùng 4 huyện cực Bắc Việt Nam.



C4: Sơ đồ tăng trưởng du khách đến Đồng Văn 2010-2022

Sau đại dịch Covid-19, sự bùng nổ phát triển du lịch lại tiếp tục quay lại mạnh mẽ hơn với CVĐC. Song song với sự bùng nổ phát triển du lịch, cơ cấu việc làm/đóng góp GDP của CVĐC có sự thay đổi đáng quan tâm, tỉ lệ lao động làm việc trong các lĩnh vực giảm đều, trong khi lĩnh vực du lịch dịch vụ tăng liên tục.



C5: Cơ cấu đóng góp vào GDP vùng CVĐC theo lĩnh vực năm 2022

Số lượng doanh nghiệp lữ hành, dịch vụ du lịch hoạt động tại CVĐC ngày một đông và lớn mạnh. Nguồn lực đầu tư từ cộng đồng vào các mảng lưu trú, dịch vụ ăn uống, vận tải, hàng hóa thủ công mỹ nghệ tăng rất nhanh. Ngày càng có nhiều công ty, tập đoàn du lịch lớn trong nước và quốc tế quan tâm đến đầu tư hoặc hợp tác

hoạt động tại vùng. Mặc dù chưa có số liệu chính thức, nhưng chúng tôi được biết đến những cái tên nổi tiếng đã khảo sát tìm kiếm cơ hội/đã đầu tư tại đây như VinGroup, FLC, SunGroup, TH, Banyan Tree, Thiên Minh, Saigon Tourist, Viland,...

Hoạt động du lịch tại vùng từ khởi đầu đơn giản mang tính khám phá ngày càng trở nên đa dạng về cơ cấu loại hình do sự đa dạng giàu có tài nguyên: nghỉ dưỡng núi, tận hưởng không khí, khám phá thiên nhiên, trải nghiệm văn hóa, du lịch đồng quê, học tập, thể thao mạo hiểm... Cơ cấu khách du lịch hiện có chiều hướng chuyển biến từ phân khúc low-end, chi tiêu thấp, đi ngắn ngày (Phượt, backpacker) sang phân khúc trung bình, package. CVĐC cũng xác định định hướng marketing vào đối tượng du khách cao cấp, hi-end, chi tiêu cao, dài ngày... trong tương lai.

Một số dự đoán tăng trưởng của Tổng cục du lịch, hoặc công ty McKinsey Việt Nam cho rằng trong khoảng 5-10 năm tới, CVĐC sẽ là 1 trong các điểm du lịch chủ đạo của vành đai Đông - Tây Bắc với lượng du khách hàng năm vào khoảng 2,5 - 4 triệu lượt người, khoảng 12 - 24 triệu lượt khách ngày, với doanh thu đóng góp riêng lĩnh vực du lịch có thể vượt 20% tổng GDP toàn tỉnh.

Hợp tác mạng lưới trong nước - quốc tế

Trên bình diện quốc tế, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn là một trong những CVĐC toàn cầu tham gia tích cực nhất vào các hoạt động hợp tác chung của GGN. CVĐC đã tham gia đầy đủ các hoạt động Hội hợp của GGN, APGN; Tham gia các khóa đào tạo nhân lực do GGN, APGN tổ chức; Có hoạt động tham vấn và hợp tác, kết nghĩa với hàng loạt các CVĐC khu vực; Tham gia các chương trình toàn cầu của GGN như xây dựng trang website, video quảng bá, tổ chức ngày Trái Đất, ngày phòng chống tai biến địa chất, các đợt trồng rừng, quảng bá lễ hội, văn hóa, phát triển du lịch địa chất...

Việc tham gia đầy đủ, sâu rộng vào các hoạt động hợp tác quốc tế đem lại cho CVĐC nhiều lợi ích về nhiều mặt: kinh nghiệm, quan hệ chuyên môn, đào tạo nhân lực, tiếp nhận kiến thức, phương pháp hoạt động mới...

3. Các tồn tại hiện nay và các thách thức dự báo trong tương lai

3.1. Tồn tại

- *Công tác bảo tồn di sản văn hóa, tự nhiên gặp nhiều khó khăn.* Nhiều giá trị di sản văn hóa hiện bị mai một, lai căng (*kiến trúc, trang phục*) hoặc suy giảm (*tiếng nói, chữ viết, nghề truyền thống, kiến thức cổ truyền, hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống trong cộng đồng bị sân khấu hóa, hình thức hóa...*). Tình trạng lạm dụng, khai thác cạn kiệt di sản, đặc biệt là di sản tự nhiên không tính đến đặc điểm, tính chất và tuổi thọ của chúng. Ví dụ như các di sản hang động, địa mạo, đá vôi... hiện bị tác động của con người gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Hay như các điểm di sản cảnh quan địa mạo, địa chất đang bị xâm hại bởi thiên tai và con người để phục vụ mục đích kinh tế ngắn hạn.

- *Công tác quản lý phát triển du lịch, dịch vụ không theo kịp tốc độ phát triển:* Hà Giang những năm gần đây trở thành điểm đến mới đối với khách du lịch trong và

ngoài nước. Lượng khách du lịch hàng năm tăng nhanh khiến số lượng và chất lượng của đội ngũ quản lý du lịch không thể đáp ứng công tác quản lý. Phía doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, chất lượng nhân lực, hàng hóa dịch vụ cung cấp cũng đại đa số ở mức thấp, cơ bản.

- *Thiếu nguồn lực đầu tư cho hạ tầng cơ bản:* Hà Giang là một tỉnh miền núi, kinh tế khó khăn nên nguồn ngân sách đầu tư cho hạ tầng cơ bản còn nhiều hạn chế. Lượng khách du lịch hàng năm tăng nhanh. Do đó cơ sở hạ tầng các loại như nước sạch, viễn thông, giao thông, hạ tầng du lịch (*điểm dừng chân, nhà vệ sinh, khu đỗ xe, hệ thống biển chỉ dẫn...*) còn thiếu, yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách. Các điểm đến thường xuyên xảy ra tình trạng quá tải. Chất lượng dịch vụ du lịch chưa cao.

- *Nhận thức về mô hình phát triển bền vững chưa đầy đủ.* Với đặc thù dân trí vùng, các nhận thức về phát triển bền vững dẫn đến hành động trong phát triển bền vững còn yếu. Nhiều nơi doanh nghiệp, người dân vẫn chạy theo lợi ích ngắn hạn, trước mắt. 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc chưa được áp dụng đầy đủ, thống nhất và nhất quán.

3.2. Thách thức tương lai

- Xung đột giữa nhu cầu phát triển nhanh với nhu cầu bảo tồn tiếp tục diễn ra, dự báo còn gay gắt hơn. Với tốc độ phát triển hiện tại và nguồn lực hiện có của Hà Giang, có thể dự đoán xung đột trên sẽ không giảm trong thời gian tới, đòi hỏi phải có biện pháp đột phá.

- Ảnh hưởng không mong muốn của kinh tế du lịch lên môi trường thiên nhiên và văn hóa địa phương. Dù lợi ích kinh tế tiếp tục tác động tích cực lên địa bàn, thì những ảnh hưởng trái chiều cũng đồng thời xuất hiện ngày 1 lớn và dai dẳng.

- Nhận thức/trình độ dân trí tiếp tục là khó khăn.

4. Giải pháp đề xuất

Dựa trên phân tích thực trạng và các thách thức trong tương lai, tôi mạo muội đề xuất Hà Giang nên tập trung vào một số giải pháp trọng tâm sau để tiếp tục xây dựng và phát triển bền vững Công viên địa chất Toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, để vùng tiếp tục là động lực phát triển kinh tế du lịch cho toàn tỉnh:

Giải pháp 1: Thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng đối với công tác bảo tồn tự nhiên, văn hóa vùng.

Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra việc thực thi các văn bản quản lý, các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện các sai phạm. Cần có chế tài xử phạt nghiêm khắc, đủ sức răn đe để hạn chế các tái phạm. Tuân thủ và thực hiện nghiêm các Quy hoạch, Kế hoạch, Đề án, Dự án về bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, kiểm kê, làm hồ sơ khoa học cho các di sản, làm căn cứ cho công tác bảo tồn và phát huy.

Giải pháp 2: Xây dựng nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý và công tác phát triển. Ứng dụng công nghệ số.

Nguồn nhân lực quản lý phát triển du lịch, dịch vụ có chất lượng và số lượng đang là nhu cầu cấp thiết để một mặt bảo tồn tốt tài nguyên du lịch của tỉnh, mặt khác nâng tầm chất lượng, lợi ích kinh tế cao cho tỉnh. Đối phó với khả năng thiếu hụt số lượng lớn cán bộ nhân viên quản lý du lịch, số hóa có thể là 1 giải pháp tốt.

Giải pháp 3: Tiếp tục đẩy mạnh công tác Quy hoạch phát triển

Điều chỉnh quy hoạch hiện có, xây dựng các quy hoạch chi tiết và thực hiện nghiêm chỉnh các quy hoạch có thể làm giảm khó khăn trong quản lý. Các hiện tượng vi phạm quy hoạch phải được xử lý dứt khoát.

Giải pháp 4 : Tiếp tục đẩy mạnh Giáo dục cộng đồng

Đây là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao nhận thức, phát huy vai trò tự quản, tự giác và chủ động của cộng đồng trong công cuộc bảo vệ và phát huy các giá trị di sản. Khuyến khích cộng đồng tự nguyện tham gia giữ gìn, phát huy di sản. Trao quyền cho cộng đồng trong quản lý di tích, danh thắng, tổ chức lễ hội, thực hành di sản văn hóa phi vật thể...

Muốn vậy phải xử lý hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa Nhà nước và cộng đồng trong quá trình quản lý, khai thác và bảo vệ di sản. Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi từ cả hai phía. Cần đảm bảo các hoạt động kinh tế lâu dài, cung cấp những lợi ích kinh tế và xã hội tới tất cả những người được hưởng lợi từ di sản, từ đó kích thích họ tự nguyện, tự giác bảo vệ di sản, tạo nên chất keo gắn kết cộng đồng với di sản. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực khác nhau trong việc bảo tồn di sản gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, cũng cần tránh xu hướng “hành chính hóa”, “Nhà nước hóa” di sản, chính quyền “lấn sân”, làm thay người dân trong thực hành di sản. Việc làm này vô hình trung sẽ đẩy người dân rời xa bản chất của di sản và tách di sản ra khỏi môi trường sống đích thực của nó. Chỉ khi người dân có hiểu biết sâu sắc và có sự tham gia chủ động vào việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản, thì khi đó hiệu quả mới bền vững, lâu dài.

Giải pháp 5: Xã hội hóa đầu tư phát triển du lịch dưới sự điều tiết của Nhà nước.

Phân bổ hợp lý và quản lý tốt các nguồn lực đầu tư trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Cần có chiến lược cụ thể cho xã hội hóa phát triển du lịch (tư nhân hóa dịch vụ du lịch, thu phí tham quan, cổ phần hóa, đầu tư công – tư...).

Mặc dù nêu ra 1 số khó khăn, tồn tại và thách thức trong tương lai, tôi tin rằng Hà Giang sẽ tiếp tục phát huy được các thành tích đã đạt được, vượt qua được mọi khó khăn để xây dựng và phát triển ngành du lịch của tỉnh bền vững, góp phần đem lại hòa bình, hạnh phúc, ấm no cho nhân dân các vùng biên giới.

THAM LUẬN

Kết quả và giải pháp đẩy mạnh công tác thông tin, quảng bá các điểm du lịch, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh đến với khách du lịch trong và ngoài nước

Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch tỉnh

Hiện nay, với sự bùng nổ mạnh mẽ của hoạt động thông tin đại chúng trên hầu khắp các loại hình truyền thông đa phương tiện đã và đang tạo nên bước chuyển biến vô cùng nhanh chóng trong việc tiếp nhận thông tin được truyền tải từ các nhà quản lý, các đơn vị doanh nghiệp kinh doanh, các tổ chức đến với công chúng trên tất cả các lĩnh vực, đời sống hiện đại. Du lịch cũng không nằm ngoài cuộc với xu thế tiếp cận thông tin truyền thông đó. Cho đến nay, hoạt động du lịch dịch vụ không còn chỉ được biết đến qua các cách truyền thông truyền thống mà các nhà quản lý, doanh nghiệp lữ hành, dịch vụ lưu trú đã nhanh chóng, linh hoạt tiếp cận đến các kênh truyền thông hiệu quả nhất như: Báo điện tử, mạng xã hội,... góp phần quảng bá một cách dễ dàng nhất, rộng rãi nhất đến với du khách trong và ngoài nước về tiềm năng, thế mạnh, các sản phẩm du lịch văn hoá đặc trưng, nổi bật của đất nước, của từng vùng, miền.

Du lịch Hà Giang với đa dạng về tiềm năng tài nguyên thiên nhiên với hình ảnh linh thiêng của Cột cờ Lũng Cú, là Mã Pì Lèng một trong tứ đại đỉnh đèo của Việt Nam, Di sản danh lam thắng cảnh quốc gia ruộng bậc thang Hoàng Su Phì,... cùng với đó là các giá trị văn hoá truyền thống 19 dân tộc, trong đó có những dân tộc thiểu số rất ít người nhưng bản sắc văn hóa của họ vẫn rực rỡ như: Cờ Lao, Pu Páo, Bó Y, Pà Thèn... Cho đến nay, theo kết quả kiểm kê di sản văn hóa, Hà Giang có 131 di sản văn hóa vật thể; 446 di sản văn hóa phi vật thể; có 3 bảo vật quốc gia, có Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn; di sản hát then đàn tính được ghi danh di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại; 31 di tích, danh thắng cấp quốc gia, 27 di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh di sản văn hóa phi vật thể của quốc gia... Hà Giang đã luôn định vị thương hiệu du lịch Hà Giang là phát triển bền vững, lấy bản sắc văn hóa tộc người, cảnh quan thiên nhiên làm trung tâm cho việc phát triển các sản phẩm du lịch. Từ đó, các nội dung, hình thức triển khai truyền thông cũng sẽ dựa trên những tiềm năng sẵn có đó để phổ biến và quảng bá rộng rãi đến mọi đối tượng du khách thông qua các hình thức truyền thông hiệu quả nhất, dễ tiếp cận nhất.

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số và các hình thức truyền thông đa phương tiện. Trung tâm cũng đã liên tục, thường xuyên đổi mới, tiếp cận các hình thức truyền tải thông tin mới. Hiện nay, trung tâm đang thường xuyên tiến hành vận hành cổng thông tin điện tử, các trang web, fanpage mạng xã hội, công cụ thông tin tuyên truyền do đơn vị quản lý. Tư vấn, hỗ trợ cung cấp thông tin trực tiếp

cho khách hàng về tuyến, điểm du lịch của tỉnh, các sự kiện, hoạt động ngành du lịch tỉnh Hà Giang cho du khách qua Website của Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch, Cổng thông tin du lịch thông minh, Website, fanpage của Trung tâm: cụ thể, hàng năm trên website của Sở VH TTDL (www.svhttdl.hagiang.gov.vn) đăng tải khoảng 4000 tin, bài thông tin các nội dung về các lĩnh vực của ngành; Trang website của Trung tâm Thông tin Xúc tiến du lịch thường xuyên được nâng cấp và quản lý vận hành khá hiệu quả (www.discoverhagiang.com) với trên 700 tin, bài/năm với các nội dung tập trung quảng bá, giới thiệu về tiềm năng du lịch Hà Giang trong việc khai thác các đề tài viết về tài nguyên thiên nhiên, văn hoá truyền thống các dân tộc, giá trị lịch sử, địa chất (thu hút khoảng 20.000 lượt truy cập); Đối với trang Fanpage Trung tâm TTXTDL Hà Giang với các nội dung đăng tải hàng ngày, kịp thời, nhanh chóng và thông tin luôn có sự đổi mới về chất lượng nội dung và hình ảnh mang đến hiệu quả ngày càng tích cực cho kênh thông tin, hiện nay kênh đạt số lượng lượt người theo dõi gần 6.000 lượt.

Đặc biệt, trong thời gian dịch bệnh Covid-19 bùng phát, hoạt động du lịch nói chung và công tác xúc tiến quảng bá du lịch nói riêng chịu rất nhiều hệ lụy. Từ đó, việc ứng phó linh hoạt, nhạy bén với tình thế, Trung tâm đã nỗ lực cố gắng tìm ra những giải pháp thích hợp nhất để hoạt động truyền thông về Du lịch Hà Giang vẫn tiếp tục được giới thiệu đến công chúng và du khách. Hình thức được Trung tâm tham mưu hình thành và xây dựng kế hoạch tổ đó là tổ chức các chương trình tour du lịch online giới thiệu sản phẩm du lịch Hà Giang trên nền tảng công nghệ số: với 07 chương trình (04 chương trình năm 2021, 03 chương trình năm 2022), các chủ đề được xây dựng chú trọng vào các sản phẩm cảnh quan thiên nhiên nổi bật, các giá trị văn hoá đặc trưng. Các chương trình nhận được sự quan tâm và theo dõi của du khách trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp lữ hành đánh giá cao. Đặc biệt trong đó có thể nói đến thành công của chương trình tour online với chủ đề “Linh thiêng Vị Xuyên” đã nhận được hiệu ứng rất tích cực và mạnh mẽ từ công chúng, góp phần mang lại phản hồi tích cực từ công chúng cũng như du khách về các sản phẩm du lịch mới của Hà Giang.

Bên cạnh đó, các hoạt động truyền thông, quảng bá hình ảnh mảnh đất con người Hà Giang đến với khách du lịch trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp lữ hành còn được thực hiện thông qua nội dung trên các ấn phẩm như Hà Giang Chào đón, Bách Khoa thư Du lịch, Bản đồ du lịch, sơ đồ tuyến điểm du lịch, các ấn phẩm tài liệu giới thiệu về sản phẩm du lịch Hà Giang kết nối với các điểm du lịch Đông Bắc, Tây Bắc, Việt Bắc. Thường xuyên phối hợp với các đơn vị Đài PT-TH tỉnh, Báo Hà Giang và các đơn vị truyền thông uy tín trong nước xây dựng, truyền thông về du lịch Hà Giang bằng các video... Trong các chương trình khảo sát và xây dựng sản phẩm, giới thiệu các sản phẩm du lịch mới cùng các đơn vị doanh nghiệp du lịch, các đơn vị truyền thông uy tín trong nước cùng tham gia quảng bá, truyền thông rộng rãi về tiềm năng, thế mạnh của du lịch Hà Giang thông qua các sản phẩm du lịch, đặc biệt là cách làm mới sản phẩm du lịch từ chính những tiềm năng sẵn có của Hà

Giang. Trong đó, thời gian qua đơn vị cũng đã phối hợp truyền thông hiệu quả nhận được những đón nhận tích cực của du khách trong và ngoài nước với các sản phẩm du lịch được làm mới có thể kể đến như: “Hành quân theo bước chân anh”, “Đường hạnh phúc - Con đường máu và hoa”, “Hành trình đến với tương lai xanh” (*Video clip “Hành trình đến với tương lai xanh” do đơn vị thực hiện đã nhận được sự quan tâm theo dõi của hàng ngàn người trong một thời gian ngắn sau khi ra mắt*)...

Ngoài ra, với việc tiếp cận đa dạng và linh hoạt phù hợp các hình thức tuyên truyền, quảng bá du lịch Hà Giang, trong nhiều năm qua, Trung tâm TTXT Du lịch cũng đã tham mưu với ngành thường xuyên tổ chức tham gia các hoạt động quảng bá xúc tiến tại hội chợ du lịch, các chương trình ngày hội văn hoá, thể thao và du lịch, chương trình kích cầu du lịch tại các tỉnh, thành trong cả nước như: Hà Nội, Hà Nam, Đà Nẵng, Khánh Hoà, Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh, ...tại các chương trình hội nghị quốc tế VITM Hà Nội trong nhiều năm; Chương trình qua những miền di sản Việt Bắc tại Thái Nguyên 2021; Tham gia Hội nghị liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh và 08 tỉnh Tây Bắc mở rộng năm 2020 tại Phú Thọ; Tham gia chương trình Sắc màu Tây Bắc - Sơn La năm 2020 tại Hà Nội; Tham dự khảo sát và Hội nghị Liên kết – Kích cầu Du lịch Vĩnh Phúc 2020; Tham gia tuần lễ văn hóa di sản xanh tại Hà Nội vào các năm; Tham gia Chương trình sơ kết Diễn đàn du lịch Ấn tượng Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020; Tham gia “Không gian văn hoá, du lịch và thương mại tỉnh Hà Giang” tại Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2020; Tham gia sự kiện ngày hội khuyến mãi du lịch năm 2020 tại Hà Nội; Tham gia Ngày hội Văn hóa dân tộc Mông 2021 tổ chức tại tỉnh Lai Châu; chương trình Tuần Văn hoá du lịch 6 tỉnh Việt Bắc và Hà Nội năm 2022; Ngày hội du lịch thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 18 năm 2022 cùng tham gia rất nhiều các hoạt động khác có liên quan.

Cùng với đó, Trung tâm cũng luôn chú trọng đến các hoạt động quảng bá du lịch Hà Giang tại tỉnh trong các sự kiện: Trong đó đơn vị đã phối hợp tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức Cuộc thi ảnh đẹp du lịch Hà Giang năm 2020, thu hút sự tham gia của đông đảo các nghệ sỹ chuyên và không chuyên tham gia sáng tác hàng trăm bức ảnh đẹp, chất lượng về đất và con người Hà Giang; Thực hiện trưng bày quảng bá, giới thiệu văn hóa du lịch Hà Giang không gian tổ chức các sự kiện quan trọng của tỉnh; các lễ hội, các liên hoan văn hoá du lịch quy mô cấp tỉnh như: Liên hoan âm thực, giới thiệu đặc trưng, triển lãm ảnh đẹp 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng và Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 gắn với Lễ Hội hoa Tam giác mạch Tỉnh Hà Giang lần thứ VI; tổ chức các hoạt động trong chương trình Qua những miền Di sản Việt Bắc lần thứ XIII - Hà Giang năm 2022; tổ chức gian trưng bày giới thiệu sản phẩm văn hoá du lịch tại chương trình “Chợ phong lưu Khâu Vai” Mèo Vạc năm 2022; Tuần lễ di sản Ruộng bậc thang Hoàng Su Phì các năm, v.v...

Cùng với những kết quả đã đạt được đó, trong thời gian vừa qua, hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch Hà Giang cũng gặp phải không ít những khó khăn, hạn chế nhất định. Cơ sở vật chất, điều kiện trang thiết bị chuyên dụng phục vụ cho công

tác truyền thông còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế trong công việc đề ra. Các hoạt động quảng bá du lịch còn chưa thực sự nhận được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ từ các địa phương nên chưa tạo được chuỗi đồng bộ, thống nhất nội dung trong công tác truyền thông hoạt động du lịch. Hiện nay, có quá nhiều sự tác động của những thông tin xấu độc, khó kiểm soát về chất lượng nội dung cũng như hình ảnh của du lịch Hà Giang trên hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng nhất là mạng xã hội.

Thưa toàn thể Hội thảo, để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong thời gian qua trong công tác thông tin, quảng bá du lịch Hà Giang, phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hoá của Hà Giang, tôi xin thay mặt cho đơn vị được đưa ra một số giải pháp cụ thể như sau:

Một là, các cơ quan quản lý nhà nước về công tác truyền thông cần có giải pháp ngăn chặn tối đa việc tràn lan các trang mạng xã hội chưa được kiểm duyệt, đăng tải những thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hình ảnh của mảnh đất và con người Hà Giang;

Hai là: các cấp, các ngành, địa phương cần quan tâm hơn nữa đến việc nâng cao công tác phối hợp trong hoạt động truyền thông về du lịch của địa phương, tạo dựng một không gian thông tin đồng nhất và có hệ thống chuyên sâu. Từ đó nâng cao được vai trò cũng như trách nhiệm của từng địa phương trong việc phát huy hình ảnh du lịch địa phương mình trên hệ thống các phương tiện truyền thông đại chúng;

Ba là, các đơn vị cần nâng cao hiệu quả trong công tác phối hợp truyền thông du lịch với các cơ quan truyền thông uy tín trong và ngoài tỉnh; kết hợp với các đơn vị doanh nghiệp lĩnh vực xây dựng và quảng bá về tiềm năng du lịch của địa phương;

Bốn là, chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tác nghiệp cho đội ngũ cán bộ làm du lịch có thể nắm bắt những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong quá trình tác nghiệp truyền thông cho nội dung chuyên biệt về lĩnh vực du lịch.

Năm là, quan tâm đầu tư trang thiết bị, máy móc chuyên dụng phù hợp đáp ứng được yêu cầu thực tế nhiệm vụ truyền thông tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Góp phần nâng cao chất lượng hình ảnh, nội dung thu hút đông đảo công chúng tiếp cận và có lựa chọn tích cực đối với du lịch Hà Giang trở thành điểm đến trong hành trình du lịch của mình.

Sáu là, tuyên truyền vận động người dân địa phương, du khách, những người tham gia vào hoạt động du lịch cùng chung tay bảo vệ, gìn giữ hình ảnh mảnh đất, bản sắc văn hoá truyền thống của dân tộc đặc biệt tại mỗi điểm du lịch. Bởi chỉ khi hình ảnh đất và con người, bản sắc văn hoá truyền thống của mỗi dân tộc, mỗi địa phương được bảo vệ được tôn trọng thì các giá trị ấy mới thực sự hấp dẫn và có ý nghĩa mạnh mẽ đối với du khách khi đến với Hà Giang.

THAM LUẬN

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh

Trường Chính trị tỉnh

Trong tác phẩm “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”, **Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh tại Hội nghị văn hóa toàn quốc vào tháng 11-2021: “Đảng ta xác định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước”**. Do vậy, vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử chính là hạt nhân cốt lõi, cơ bản để văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực và nguồn lực quan trọng cho phát triển bền vững của mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia.

Nằm ở biên giới cực Bắc của Tổ quốc, Hà Giang có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm gần 90%. Với 19 dân tộc cùng sinh sống, trong đó có 18 dân tộc cùng sinh sống đan xen là dân tộc Pà Thẻn, Lô Lô, La Chí, Pu Péo, Cờ Lao, Bó Y, Phù Lá, ... và một số ít là các dân tộc khác được tinh xếp chung vào “dân tộc thứ 19”. Tỉnh Hà Giang luôn chú trọng và xem đó là thế mạnh to lớn để tạo đà cho sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh trong giai đoạn mới thông qua việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử gắn với phát triển du lịch. Vấn đề “Phát triển du lịch, nông nghiệp đặc trưng hàng hóa chất lượng cao theo chuỗi giá trị” đã được xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

Giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử của mỗi dân tộc trên địa bàn tỉnh Hà Giang đã tạo nên nền văn hóa đặc trưng của vùng biên cương địa đầu Tổ quốc vừa phong phú, vừa đa dạng nhưng lại thể hiện được đặc sắc văn hóa riêng của địa phương và của từng phương diện, thể hiện ở văn hóa cảnh quan, trong mối quan hệ ứng xử của các dân tộc trong việc bố trí cảnh quan và không gian sinh tồn, trong văn hóa sản xuất, văn hóa vật thể; văn hóa phi vật thể.

1. Về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử gắn với phát triển du lịch

1.1. Kết quả đạt được:

- Đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử phi vật thể gắn với phát triển du lịch:

Thứ nhất, về việc bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội đối với phát triển du lịch

Theo thống kê, trên địa bàn tỉnh Hà Giang hiện có 81 lễ hội từ cấp tỉnh đến cơ sở. Điều đặc biệt là trong xu hướng xã hội hóa công tác tổ chức lễ hội, trong thời gian

qua, toàn tỉnh có nhiều lễ hội truyền thống gắn với các sự kiện thường niên đã từng bước trở thành thương hiệu du lịch của tỉnh Hà Giang như: Lễ hội hoa Tam giác mạch, Tuần văn hóa di sản Ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, Lễ hội Khèn Mông...; song song với đó, lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc tiếp tục được bảo tồn, phục dựng như: Lễ hội nhảy lửa của dân tộc Pà Thẻn, Lễ hội Bàn Vương của dân tộc Dao... Đặc biệt, từ khi phát triển du lịch, các nghi lễ cộng đồng, lễ hội dân tộc đã trở thành sản phẩm hàng hóa đặc biệt mang giá trị kinh tế cao, là điều kiện thuận lợi để giới thiệu, quảng bá những đặc trưng văn hóa của dân tộc và cảnh quan thiên nhiên nơi biên cương địa đầu Tổ quốc đối với các du khách trong nước và ngoài nước.

Thứ hai, đối với các trò chơi dân gian: gồm các trò chơi phong tục, trò chơi trận chiến, trò chơi nghề nghiệp, trò chơi luyện ái và một số trò chơi khác... các trò chơi này còn mang lại giá trị kinh tế cho người dân thông qua việc thu hút khách du lịch thông qua các trò chơi dân gian đã thúc đẩy lao động sản xuất có hiệu quả và mang lại nguồn thu nhập cao hơn. Sự kiện quan trọng là năm 2015, Nghệ thuật khèn của người Mông tỉnh Hà Giang đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia. Với mục tiêu tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ liên kết phát triển du lịch, góp phần quảng bá, nâng cao sức cạnh tranh, thương hiệu du lịch của các địa phương cũng như thương hiệu du lịch Việt Nam, vừa qua, tỉnh Hà Giang phối hợp với các tỉnh thành, các hiệp hội, doanh nghiệp du lịch, ẩm thực trong nước và quốc tế tổ chức sự kiện Festival Khèn Mông và Lễ hội ẩm thực văn hóa ba miền Bắc - Trung - Nam tỉnh Hà Giang năm 2023. Sự kiện Festival Khèn Mông và Lễ hội văn hóa ẩm thực ba miền Bắc - Trung - Nam là nhịp cầu nối giữa du khách trong nước và quốc tế với văn hóa của đồng bào các dân tộc ở Hà Giang.

Đặc biệt trong những năm gần đây, khi du lịch phát triển, nhiều trò chơi dân gian của các dân tộc đã góp phần đem lại thu nhập cho người dân như biểu diễn phục vụ du khách, hướng dẫn khách du lịch trải nghiệm các trò chơi dân gian... có tác động tích cực trong việc tạo thêm việc làm và thu nhập cho các nghệ nhân dân gian. ...

Thứ ba, đối với loại hình văn nghệ dân tộc dân gian: Văn học dân gian và loại hình biểu diễn dân gian. Về phương thức bảo tồn chủ yếu là hoạt động sưu tầm trong cộng đồng và xuất bản thành công các công trình sách. Từ năm 2015 - 2020, tỉnh đã xuất bản được 85 đầu sách của 29 tác giả... Năm 2021 đã kiểm kê nhận diện được 446 di sản văn hóa phi vật thể. Thực hiện đề án nhiều di sản văn hóa được truyền dạy, phục dựng bảo tồn đã và đang được phát huy, đặc biệt là trong hoạt động phát triển du lịch. Các di sản văn hóa truyền thống này đã trở thành nguồn lực để phát triển du lịch, đặc biệt là chương trình tiếp biến di sản văn hóa thành tài sản được ngành du lịch mà các địa phương tiến hành trong những năm gần đây đã gặt hái được nhiều thành công, như góp phần phát triển kinh tế bền vững, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số. Khi tham quan tại các điểm du lịch cộng đồng, khách du lịch đã được hòa nhập vào không khí náo nhiệt của các làn điệu dân ca. Ngoài ra, du khách còn được trải nghiệm thông qua các hoạt động đó là trực tiếp tham gia sản xuất nông

nghiệp với người dân, tìm hiểu các nghề thủ công truyền thống như dệt vải, thưng thức các món ăn dân dã của người dân... đó là những trải nghiệm để lại dấu ấn khó quên với du khách. Do đó, thông qua việc phát triển du lịch cộng đồng từ sản phẩm văn hóa còn góp phần cho việc bảo vệ, phát huy di sản văn hóa dân tộc.

Thời gian qua, các dịch vụ homestay đã phát triển và xuất hiện ngày càng nhiều, tập trung ở thành phố Hà Giang, Quản Bạ, Đồng Văn, Mèo Vạc, Hoàng Su Phì, Xín Mần...theo thống kê của lãnh đạo huyện, tại mỗi điểm du lịch cộng đồng có tốc độ xóa đói giảm nghèo nhanh gấp 3 lần so với các thôn, bản không làm du lịch. Đây cũng được coi là các điểm du lịch lý tưởng để phát triển du lịch cộng đồng khi sở hữu các điều kiện thuận lợi thu hút khách khám phá ẩm thực độc đáo và các di sản văn hóa văn nghệ dân gian ở tỉnh Hà Giang.

Để gắn phát triển du lịch đối với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử, không thể không kể đến những ảnh hưởng cực vai trò của các nghệ nhân dân gian, người có uy tín. Từ năm 2020 -2022, toàn tỉnh có 1983 người có uy tín, thuộc 16 dân tộc. Thời gian qua, bằng uy tín, trách nhiệm của mình, đội ngũ người có uy tín luôn gương mẫu thực hiện và tích cực tuyên truyền, vận động bà con nhân dân chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề giữ gìn văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Đặc biệt, các nghệ nhân dân gian, người có uy tín có vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

- Đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử vật thể gắn với phát triển du lịch:

Thứ nhất, đó là giá trị của các di tích, danh thắng đối với phát triển du lịch

Tính đến tháng 10/2020, tỉnh hiện có 26 di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh cấp quốc gia, 29 di tích và danh thắng cấp tỉnh. Đây chính là món quà mà thiên nhiên ban tặng cho tỉnh Hà Giang. Thực hiện Đề án Bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020 của chính phủ, từ năm 2010 đến tháng 10/2016, tỉnh Hà Giang đã triển khai bảo tồn, trùng tu, tôn tạo 6 di tích lịch sử - văn hóa, tiến hành khai quật di tích khảo cổ Chùa Nậm Dầu. Các di tích cấp tỉnh cũng được phân bổ kinh phí trùng tu: Đền Vinh Quang, khu di tích nhà Vương, phố cổ Đồng Văn, danh lam thắng cảnh nổi tiếng cột cờ Lũng Cú. Đồng Văn là địa bàn nơi có cao nguyên đá đã được mạng lưới công viên địa chất toàn cầu của UNESCO chính thức công nhận là công viên địa chất toàn cầu vào năm 2010. Di sản cao nguyên đá cũng đã được tỉnh xác định ưu tiên trong công tác bảo tồn để trở thành một trong những mũi nhọn của ngành du lịch, thúc đẩy kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã đầu tư cải tạo cảnh quan đối với các danh lam thắng cảnh, như: Thác tiên đèo gió, ruộng bậc thang Hoàng Su Phì. Vào mùa nước đổ - ruộng bậc và mùa lúa chín – ruộng vàng hàng năm danh thắng này đón 2000-3000 lượt khách

mỗi ngày đến chiêm ngưỡng. Bên cạnh đó, các hoạt động văn hóa: người La Chí trình diễn dệt vải, người Dao trình diễn nhảy lửa và các làn điệu dân ca, trình diễn ghi thức liềm lưỡi cày nung đỏ của người Mông... đã thu hút một lượng khách không nhỏ... những di tích và danh thắng này đã trở thành điểm đến, tạo cơ sở để du lịch phát triển.

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội ở Hà Giang, phát triển gắn hóa gắn liền với thúc đẩy du lịch được đặc biệt quan tâm, danh thắng được nhắc đến trong chỉ đạo của Tỉnh ủy Hà Giang vào năm 2019 với Đề án tái cơ cấu kinh tế tỉnh Hà Giang đến năm 2030: “khai thác các điểm du lịch cần có cơ chế, chính sách, cách làm để tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh, khai thác góp phần phát triển theo tư duy sâu, cụ thể hơn quan tâm đến quản lý danh thắng, tiêu chí để phát triển các cụm, khu du lịch”.

Điểm nhấn đặc biệt là năm 2023, tỉnh Hà Giang được kênh truyền thông quốc tế CNN bình chọn là một trong 10 điểm đến hấp dẫn nhất thế giới; Hà Giang vừa vinh dự được đề cử tại hạng mục: Điểm đến du lịch mới nổi hàng đầu châu Á do Giải thưởng Du lịch Thế giới WTA bình chọn; Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn đã xuất sắc vượt qua kỳ tái đánh giá lần thứ III; Tạp chí New York Time bình chọn xếp thứ 25 trong danh sách 52 điểm đến tuyệt vời cho du khách toàn cầu khám phá trong năm 2023.

Từ năm 2021 đến quý I/2023, toàn tỉnh đã thực hiện công tác kiểm kê nhận diện được **131** di tích lịch sử, danh thắng (*trong đó 61 di tích, danh thắng đã được xếp hạng các cấp; 70 di tích, danh thắng chưa được xếp hạng*). Trong giai đoạn 2018-2022, có 05 di tích được tu bổ, tôn tạo từ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương và địa phương được cấp với tổng kinh phí: 41,403 tỷ đồng¹². Một số di tích đã huy động nguồn xã hội hóa để tu bổ tôn tạo với nguồn kinh phí trên 30 tỷ đồng. Việc phát huy các di sản văn hóa vật thể được công nhận còn thể hiện qua hoạt động của các Làng văn hóa du lịch cộng đồng, trong thời gian qua các Làng đã làm tốt công tác bảo tồn và phát huy hiệu quả nét văn hóa độc đáo của địa phương, tổ chức đón các đoàn khách du lịch, phục vụ ăn nghỉ, từ đó nâng cao thu nhập cho người dân.

Thứ hai, là giá trị của các loại hình kiến trúc đối với phát triển du lịch

Cho đến nay, trên địa bàn tỉnh Hà Giang hiện có 40 làng văn hóa du lịch cộng đồng, trong đó có 16 làng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận hoàn thành các tiêu chí theo từng giai đoạn, trong đó các loại nhà ở với kiến trúc truyền thống phục vụ hoạt động du lịch tham quan và trải nghiệm cho du khách, như LVHDL cộng đồng thôn Nậm Đăm, Lô Lô Chải, Lũng Cầm, Nậm Hồng... đã thu hút lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan. Trung bình mỗi ngày, tổ hợp nhà cổ “Nhà của Pao” thu hút khoảng 200 du khách đến tham quan và trải nghiệm một số đặc trưng văn hóa của dân tộc Mông. Khu di tích Dinh thự Nhà Vương mỗi năm có khoảng 15.000 lượt khách đến tham quan và khám phá...

¹² Di tích lịch sử Căng Bắc Mê: 21,64 tỷ đồng; di tích Phố cổ Đồng Văn: 16,75 tỷ đồng; di tích Trọng Con: 1,813 tỷ đồng; di tích Bãi đá cổ Nậm Dẩn: 700 triệu đồng; dự án Bảo tồn làng văn hóa Bó Y – Quán Bạ: 500 triệu đồng.

Năm 2022 tỉnh Hà Giang công nhận 02 làng đạt tiêu chí “Làng văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)”. Còn có 6 làng nghề có sản phẩm OCOP từ 3-4 sao phục vụ du lịch, 8 làng nghề được đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm. Tổng số có 280 sản phẩm đạt sao OCOP, trong đó 41 sản phẩm đạt 4 sao, 239 sản phẩm đạt 3 sao, 01 sản phẩm 5 sao.

Thứ ba, là giá trị của ẩm thực đối với phát triển du lịch

Các giá trị của văn hóa ẩm thực ở Hà Giang cũng góp phần quan trọng trong việc nhận dạng đặc trưng văn hóa và đem lại trải nghiệm khó quên cho du khách khi đặt chân tới vùng đất biên cương này. Từ các món như bánh cuốn, cháo ấu tẩu, thịt treo gác bếp, Lạp sườn, bánh ngô, mèn mèn, mật ong bạc hà, mật ong thảo quả, rượu ngô Thanh Vân... đã tạo ra thức ăn, thức uống độc đáo đặc trưng của cao nguyên đá, đồi núi đất đã tạo nên các món ăn ấn tượng cho du khách khi đến với Hà Giang.

Mới đây, Hà Giang có 4 món ăn được Hội đồng xác lập kỷ lục Việt Nam ghi nhận gồm: Cháo Ấu tẩu, mèn mèn, thắng cố và thịt treo gác bếp cùng 4 món lọt top 100 đặc sản quà tặng Việt Nam gồm: Mật ong Bạc hà, chè cỏ thụ Shan tuyết, bánh Tam giác mạch và Hồng không hạt Quán Bạ... Do đó, Văn hóa ẩm thực đã tạo ra sức hút đối với du khách về điểm đến. Đây cũng chính là kho tàng phong phú để khai thác ngành công nghiệp không khói này. Bất kỳ du khách nào đến Hà Giang cũng đều muốn thưởng thức các món ăn này ít nhất một lần. Kết thúc hành trình, du khách cũng không quên tìm mua bánh tam giác mạch, chèn shan tuyết, tinh bột nghệ... là những đặc sản địa phương về làm quà.

Tỉnh đã hoàn thành mô hình chợ 4.0 tại chợ thị trấn Cốc Pài (huyện Xín Mần), chợ trung tâm thành phố Hà Giang; đang triển khai tại chợ thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì và chợ trung tâm thị trấn Mèo Vạc; đã có 03 chợ đêm tại các huyện: Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc. Các chợ được bố trí sắp xếp văn minh, hiện đại theo khu bán hàng lưu niệm và các sản phẩm đặc trưng tiêu biểu; khu ẩm thực; khu sinh hoạt văn hóa - văn nghệ cộng đồng phục vụ nhu cầu thăm quan, mua sắm của du khách và người dân địa phương. Xây dựng không gian văn hóa chợ phiên gắn với khai thác phát triển du lịch đối với các chợ: Chợ trung tâm huyện Đồng Văn, chợ Lũng Phìn, chợ Sà Phìn, chợ Phố Cáo, chợ các xã Khâu Vai, Lũng Pù, Niêm Sơn, Xín Cái, Sơn Vĩ... qua đó góp phần giữ gìn, quảng bá và phát huy nét văn hoá truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc của tỉnh đến với khách du lịch trong và ngoài nước.

Thứ tư, là giá trị của các nghề và làng nghề thủ công truyền thống đối với phát triển du lịch

Mô hình du lịch cộng đồng đã được phản ánh qua việc phục vụ hoạt động du lịch trải nghiệm cũng như sản xuất quà lưu niệm cho khách. Những LVHDL cộng đồng có nghề thủ công truyền thống thường đón được lượng khách cao nhất, bởi du khách rất hứng thú trong việc tìm hiểu và trải nghiệm các sản phẩm du lịch làng nghề, tiêu biểu là LVHDL cộng đồng Nậm Đăm. Theo thống kê của huyện Quản Bạ, từ 2012 đến nay,

làng đã đón trên 10.000 lượt khách trong và ngoài nước đến thăm. Đặc biệt sản phẩm được liệu, nhất là dịch vụ tắm lá thuốc dành cho du khách đã góp phần quan trọng giúp Nậm Đăm trở thành điểm đến hấp dẫn và được chính quyền địa phương xem là mô hình điểm để nhân rộng và xây dựng các làng văn hóa khác.

Thứ năm, là giá trị của các loại hình trang phục đối với phát triển du lịch

Không chỉ là sản phẩm lao động sáng tạo, trang phục còn là một trong những yếu tố cấu thành rõ nét bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc. Từ đó, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hóa dân tộc Việt Nam, trở thành nguồn lực văn hóa quan trọng trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong lĩnh vực du lịch.

Trang phục góp phần quảng bá hình ảnh, tăng sức hấp dẫn cho các điểm đến. Trên những cánh đồng ruộng bậc thang, vườn hoa tam giác mạch, nương ngô, đồi chè hay là trong các buổi chợ phiên, hình ảnh những người phụ nữ xúng xính trong trang phục truyền thống đã tạo ấn tượng đặc biệt trong lòng du khách khi đặt chân đến Hà Giang. Trong những năm gần đây, sự phát triển của nền kinh tế thị trường và hoạt động du lịch đã giúp cho trang phục truyền thống của các dân tộc trở thành sản phẩm du lịch hấp dẫn các khách hàng trong và ngoài nước như sản phẩm của hợp tác xã dệt thổ cẩm của người Pà Thẻn thôn My Bắc, hợp tác xã dệt vải của người Lô Lô ở Lô Lô Chải, hợp tác xã dệt lanh của người Mông ở Lũng Tám... với hoa văn bắt mắt và sự tích hợp của nhiều kỹ thuật tinh xảo, cầu kỳ như ghép vải, in sáp ong, thêu thùa đã khiến cho các bộ trang phục này tạo thành điểm nhấn ấn tượng trong lòng du khách tham quan du lịch.

Với nhiều tiềm năng phát triển các loại hình du lịch, từ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh... Những năm gần đây, du lịch Hà Giang ngày càng khẳng định vị trí của mình trong lòng du khách, thể hiện qua những con số ấn tượng về lượng du khách đến với Hà Giang. Năm 2022, khách du lịch đến Hà Giang 2.268.000 lượt khách (đạt 252% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 151% kế hoạch năm 2022), trong đó khách quốc tế 71.308 lượt, khách nội địa là 2.196.692 lượt người; doanh thu du lịch đạt 4.536 tỷ đồng. Trong Quý I/2023, Hà Giang đón 706.000 lượt du khách (tăng 36,2% so với cùng kỳ năm 2022), trong đó 51.111 lượt khách quốc tế (bao gồm khách mang hộ chiếu và giấy thông hành), khách nội địa là 654.889 lượt người, doanh thu du lịch đạt 1.659,1 tỷ đồng.

Thực hiện đột phá về phát triển du lịch, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 2-8-2021, về phát triển du lịch Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025. Trên cơ sở đó, thực hiện nhiều hoạt động thúc đẩy du lịch phát triển, như: Tổ chức Chương trình kích cầu du lịch năm 2022 với chủ đề “Hà Giang - An toàn, bản sắc và thân thiện”; hội nghị gặp mặt các doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh phục vụ du lịch năm 2022; chương trình đón những vị khách đầu tiên đến Hà Giang trong năm 2022; chương trình “Hành quân theo bước chân anh”; tổ chức thành công chương trình “Qua miền di sản 6 tỉnh Việt Bắc lần thứ XIII - Hà Giang năm 2022”... Đồng thời tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, cùng với việc đẩy mạnh áp

dụng chuyển đổi số để quảng bá hình ảnh du lịch Hà Giang với phong cảnh thiên nhiên kỳ vĩ gắn với con người thân thiện, mến khách, bản sắc văn hoá đa dạng, đặc sắc của các đồng bào các dân tộc anh em. Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đổng Văn đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) tái đánh giá công nhận lần 3 sẽ tạo động lực đột phá phát triển du lịch của tỉnh trong thời gian tới. Hà Giang trở thành điểm đến yêu thích của du khách trong nước và quốc tế.

1.2. Về hạn chế

Một số địa phương và cộng đồng dân tộc thiểu số còn thiếu sự chủ động, sáng tạo trong việc thực thi các chính sách về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử gắn với phát triển du lịch.

Nguồn lực đầu tư cho việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử phi vật thể gắn với phát triển du lịch có hạn, nên những kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương. Công tác quy hoạch và triển khai quy hoạch còn thiếu trọng điểm. Việc khai thác giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử trong hoạt động du lịch chưa đủ mạnh và kịp thời. Công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, trùng tu một số di tích, thắng cảnh chưa kịp thời.

Công tác xây dựng gia đình văn hóa, thôn bản văn hóa còn mang tính hình thức ở một số thôn bản.

Một số mô hình phát triển kinh tế đã tác động góp phần làm mất đi bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số, một số di sản văn hóa được phục dựng, tu bổ nhưng không giữ được nguyên gốc...

Sự quản lý và định hướng của chính quyền địa phương còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến sự phát triển của các dịch vụ du lịch ở một số nơi còn mang tính tự phát.

Du lịch của tỉnh còn mang tính mùa vụ, cơ sở hạ tầng yếu kém và thiếu đồng bộ, do đó vào các dịp tình tổ chức lễ hội lớn như: Lễ hội qua các miền di sản ruộng bậc thang, lễ hội khèn Mông, lễ hội hoa tam giác mạch... hoặc trong các dịp nghỉ lễ dài ngày... tình trạng ùn tắc giao thông cục bộ thường xuyên xảy ra, vấn đề giá cả, chất lượng cơ sở lưu trú còn thấp, năng lực và chất lượng phục vụ chưa đảm bảo nhu cầu của du khách.

Một số địa phương chưa xây dựng được sản phẩm du lịch đặc trưng, công tác vệ sinh môi trường còn hạn chế, vẫn còn tình trạng chăn nuôi gia súc gần nhà; công tác vệ sinh các vật dụng cho khách như chăn màn, ga gối chưa được thường xuyên; ẩm thực, văn nghệ dân gian còn nghèo nàn... nên chưa thực sự tạo ra được sản phẩm du lịch đặc thù.

Vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phục vụ du lịch ở nhiều nơi chưa thực sự được quan tâm. Việc nghiên cứu, bảo tồn, phục dựng các loại hình văn hóa còn chưa đi vào thực chất.

Trình độ nhận thức của nhân dân về vai trò lễ hội và các nghi lễ truyền thống, một số hình thức tín ngưỡng tôn giáo chưa phù hợp với sự biến đổi nhanh chóng của điều kiện tự nhiên và xã hội.

Trình độ của đội ngũ cán bộ, đảng viên trực tiếp tham mưu triển khai các nội dung này còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Việc trưng bày và bán các loại sách này tại các điểm nhà cộng đồng để phục vụ khách du lịch chưa mang lại hiệu quả cao. Các câu đố, hò vè, truyện kể, thơ của các dân tộc đã phần nào bị mai một. Thời gian qua, văn nghệ dân gian đã được khai thác, bảo tồn nhưng chưa phát huy được thế mạnh trong phát triển du lịch mà thay vào đó là các loại hình nghệ thuật biểu diễn dân gian, như hát múa, nhạc...

Hủ tục, tập quán lạc hậu còn tồn tại trong cộng đồng các dân tộc như: Người chết chưa đưa vào áo quan, giết mổ nhiều gia súc, tổ chức đám tang dài ngày; tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống vẫn xảy ra; một số lễ nghi trong cúng bái còn rườm rà và gây lãng phí, tốn kém, ảnh hưởng đến môi trường sống, sức khỏe của người dân; việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; nhiều giá trị văn hóa có kết quả nghiên cứu nhưng chưa được đưa vào sử dụng; tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán, văn hóa đặc trưng của một số dân tộc thiểu số có nguy cơ bị mai một. Mối quan hệ giữa xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh với công tác bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc chưa được giải quyết hài hòa.

2. Một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa, lịch sử gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh

- Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa lịch sử gắn với phát triển du lịch. Có thêm nhiều chính sách hiệu quả để nâng cao công tác tuyên truyền, bảo tồn các giá trị văn hóa, tín ngưỡng truyền thống và di tích lịch sử - văn hóa dân tộc; đặc biệt là chú trọng cả về số lượng và chất lượng các thầy cúng trẻ, để kế tiếp các thầy cúng già; kịp thời nâng cao nhận thức đúng đắn đối với sự biến đổi của các lễ hội, nghi lễ truyền thống trong dân tộc. Có hình thức quản lý chặt chẽ, có hình thức trừng phạt thích đáng đối với những hành vi lợi dụng niềm tin tín ngưỡng tôn giáo vào những mục đích trục lợi.

- Huy động các nguồn lực đầu tư thông qua xã hội hóa cho việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường.

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị, chính quyền và đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa có chuyên môn giỏi, đạo đức, liêm chính.

- Phát triển du lịch gắn với nông nghiệp chất lượng cao và hàng hóa đặc trưng theo hướng tiếp cận và phát triển thành các trung tâm, cụm, ngành, lĩnh vực. Phát triển các tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng như tuyến Sa Pa – Bắc Hà - Xín Mần - Hoàng Su Phì, Phú Thọ - Yên Bái - Tuyên Quang, Cao Nguyên đá Đồng Văn với cao

nguyên địa chất Cao Bằng...chú trọng phát triển các loại hình du lịch phù hợp với những đối tượng khách hàng khác nhau ở trong và ngoài nước.

- Chú trọng tổ chức các hoạt động lễ hội – nghi lễ cộng đồng, tín ngưỡng dân gian phù hợp với nhu cầu sinh hoạt tinh thần của nhân dân, tránh lãng phí, hình thức, tư tưởng cục bộ dân tộc và địa phương.

- Chú ý khôi phục, tu bổ, bảo tồn các loại hình trang phục cổ truyền, kiến trúc nhà ở truyền thống như phố cổ Đồng Văn, Phố Cáo..., các làng cổ, nhà cổ, di tích lịch sử - văn hóa; các nghề và làng thủ công, các phương tiện đi lại, văn nghệ và trò chơi dân gian, các nghề và làng nghề thủ công, chợ văn hóa truyền thống vùng cao, phát huy vai trò của các nghệ nhân dân gian và người có uy tín trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa - hồn cốt của dân tộc.

- Thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới để phong trào ngày càng đi vào chiều sâu, tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác đánh giá danh hiệu “gia đình văn hóa”, “thôn/làng/ bản văn hóa” để nâng cao tình đoàn kết của nhân dân địa phương góp phần xây dựng nông thôn mới và đời sống văn hóa mới ở địa phương.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh. Đặc biệt là nguồn lực bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phục vụ phát triển du lịch, bắt đầu từ khâu cơ bản đó là nguồn lực con người. Đây chính là giải pháp chủ yếu cho việc thực hiện mọi chính sách. Vì con người tạo ra văn hóa, nhưng đồng thời cũng là chủ thể phát huy hay loại bỏ các giá trị văn hóa.

- Xây dựng hình ảnh văn hóa, thương hiệu văn hóa thống nhất và có kế hoạch quảng cáo chuyên nghiệp, đa dạng, bài bản, thường xuyên. Tích cực lựa chọn các giải pháp như việc xuất bản tài liệu văn hóa địa phương thành hoạt động thường xuyên của cơ quan văn hóa thông tin và lồng ghép vào trong các chương trình giảng dạy của nhà trường. Nghiên cứu để đưa ra các nội dung phù hợp, tăng hiệu quả truyền thông, biến bảo thông tin gần đường giao thông đảm bảo tính chính xác, tính thẩm mỹ, dễ hiểu, dễ nhớ, được làm bằng chất liệu tốt, có kết cấu hợp lý. Thông qua đó, giúp cho người dân nâng cao nhận thức về các giá trị văn hóa độc đáo của dân tộc và địa phương mình, để từ đó, người dân có khả năng truyền thông về văn hóa của mình.

- Tích cực bồi dưỡng kiến thức về văn hóa du lịch cho người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số để họ hiểu biết sâu sắc, tự hào về bản sắc văn hóa dân tộc mình. Từ đó, chính họ sẽ có ý thức bảo vệ, vận dụng các giá trị văn hóa của mình vào việc phục vụ du lịch.

THAM LUẬN

Đội ngũ trí thức văn hoá cùng với sự phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh

Trong mọi thời đại, tri thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội, đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức. Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển. Họ là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội. Quốc gia nào thu hút, tập hợp được chất xám, nắm bắt được công nghệ, Quốc gia đó sẽ có ưu thế thúc đẩy chiến lược phát triển của mình.

Trước vị trí, vai trò quan trọng của đội ngũ trí thức, Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã ban hành một Nghị quyết riêng về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 6/8/2008). Sau hơn 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, Ban Chấp hành Trung ương đã 02 lần ban hành Kết luận về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW (KL số 90-KL/TW ngày 04/3/2014; KL số 52-KL/TW ngày 30/5/2019). Tỉnh ủy Hà Giang đã ban hành 01 Chương trình hành động (số 47-CTr/TU, ngày 01/10/2008); 01 Công văn chỉ đạo (số: 3976-CV/TU, ngày 29/5/2014); 01 Kế hoạch triển khai thực hiện (số 565-KH/TW ngày 15/4/2020).

1. Thực trạng đội ngũ trí thức của tỉnh và trí thức lĩnh vực văn hoá

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, hiện nay đội ngũ trí thức tỉnh Hà Giang có 28.172 người; trong đó, học vị tiến sĩ và tương đương: 62 người, thạc sĩ và tương đương: 1.609 người, đại học: 22.359 người. Về lĩnh vực văn hoá: Trí thức đang công tác và làm việc: 475 người, trí thức đã nghỉ hưu có hoạt động đóng góp lĩnh vực văn hoá: 164 người¹³.

Nhìn chung đội ngũ trí thức của tỉnh trong thời gian qua, mặc dù không tăng nhiều về số lượng nhưng chất lượng đã được cải thiện đáng kể; tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học tăng từ 19,9% năm 2008 lên 77,2% năm 2022. Đây là nguồn nhân lực tạo nên sức mạnh thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội chung của tỉnh.

2. Những đóng góp của đội ngũ trí thức văn hoá với sự phát triển du lịch của tỉnh

Những năm trở lại đây, Đảng bộ tỉnh Hà Giang đã xác định phát triển du lịch là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Xác định du

¹³ Báo cáo thống kê của Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh tháng 11/2022

lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, tỉnh Hà Giang tập trung phát triển theo hướng bền vững, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường... Du lịch của tỉnh đã có nhiều khởi sắc, đạt được những thành tựu quan trọng, lượng khách du lịch đến với Hà Giang ngày một tăng. Theo thống kê chưa đầy đủ, năm 2002, chỉ có trên 50.000 lượt khách, đến năm 2012 tăng lên 740.000 lượt khách, năm 2022 đạt 2,2 triệu lượt du khách, tăng hơn 40 lần so với 20 năm trở về trước; doanh thu du lịch năm 2022 đạt 4.306 tỷ đồng. Có được kết quả đó, ngoài sự nỗ lực của các ngành, các cấp, còn có sự đóng góp quan trọng của đội ngũ trí thức lĩnh vực văn hoá. Những năm qua, họ đã tích cực tham mưu, công hiến công sức, trí tuệ thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trên các lĩnh vực văn hoá - xã hội nói chung và phát triển du lịch của tỉnh nói riêng.

Khởi đầu tạo nên dấu ấn bút phá cho ngành du lịch của tỉnh, đó là việc đội ngũ trí thức lĩnh vực văn hoá đã đồng hành có hiệu quả cùng với các ngành, các cấp, đặc biệt là các chuyên gia, nhà khoa học các cơ quan trung ương khảo sát, tham mưu hoàn thiện hồ sơ để trình tổ chức UNESCO công nhận Cao nguyên đá Đồng Văn thuộc mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu vào năm 2010; tiếp đó là công nhận cảnh quan ruộng bậc thang Hoàng Su Phì là Di sản thiên nhiên ruộng bậc thang... Bên cạnh đó, là triển khai các hoạt động khoa học phục vụ phát triển du lịch, hàng loạt các giá trị di sản văn hoá được đề xuất bảo tồn, phát huy giá trị như: lập hồ sơ đề nghị công nhận 82 di sản, trong đó: 03 bảo vật quốc gia, 59 di tích, danh thắng được xếp hạng quốc gia và cấp tỉnh; 21 di sản văn hóa phi vật thể được Bộ VH-TT-DL công nhận và đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia...

Cùng với đó, là việc tham mưu ban hành nhiều chủ trương, chính sách, đề án... thúc đẩy du lịch phát triển như: Chương trình số 29-CTr/TU ngày 24/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Hà Giang đã ban hành về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 02/8/2021 của Ban chấp hành Đảng Bộ tỉnh về phát triển du lịch Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025; Đề án Phát triển nguồn nhân lực du lịch đến năm 2025; Kế hoạch xúc tiến quảng bá Du lịch và Thương mại đến năm 2025; Kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch giai đoạn 2022 - 2025...); xây dựng đề án về bảo tồn, khôi phục, phát huy giá trị văn hoá đặc trưng của dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030; đề án Bảo tồn văn hóa truyền thống và nâng cao chất lượng dịch vụ các làng văn hóa du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; đề án Giáo dục kỹ năng sống và văn hóa truyền thống các DTTS cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020...

Ngoài ra, với chức năng nhiệm vụ của mình, riêng 5 năm trở lại đây, trí thức ngành văn hoá đã trực tiếp tham mưu cho tỉnh ban hành 24 đề án, kế hoạch, quy hoạch, dự án về phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có phát triển du lịch; gần 13.000 văn bản các loại nhằm tăng cường công tác quản lý của Nhà nước về lĩnh vực phát triển văn hóa, văn nghệ, du lịch và thể thao... Triển khai hướng dẫn tổ

chức thực hiện các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, du lịch và gia đình phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn toàn tỉnh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; tham mưu tổ chức thành công nhiều sự kiện văn hóa, lễ hội, thể thao và du lịch quy mô cấp tỉnh, cấp khu vực góp phần giới thiệu bản sắc văn hóa dân tộc, tiềm năng thế mạnh và các sản phẩm văn hóa du lịch, thương mại đặc trưng của tỉnh đến đông đảo du khách trong và ngoài nước, như: Lễ hội hoa Tam giác mạch tỉnh Hà Giang được tổ chức hàng năm, Chương trình du lịch Qua miền di sản ruộng bậc thang Hoàng Su Phì; Lễ hội chợ tình Khâu Vai được tổ chức hàng năm ...

Với những kết quả nổi bật nêu trên cho thấy, đội ngũ trí thức lĩnh vực văn hoá đã luôn đồng hành cùng đội ngũ trí thức chung của tỉnh, họ luôn nhiệt huyết và có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển du lịch nói riêng và kinh tế xã hội tỉnh Hà Giang nói chung.

Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển của đất nước và của tỉnh, quá trình triển khai các hoạt động liên quan đến phát triển du lịch còn gặp không ít khó khăn. Một thực tế cho thấy hiện nay tỉnh ta đang thiếu chuyên gia giỏi, chuyên gia đầu ngành, kể cả lĩnh vực phát triển du lịch; trình độ của trí thức lĩnh vực văn hoá tuy đã được nâng lên, song năng lực sáng tạo, khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ còn hạn chế. Trong khi đó cơ chế, chính sách đãi ngộ, tôn vinh, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao còn chưa được duy trì thực hiện; việc đào tạo, sử dụng đội ngũ trí thức đáp ứng nhu cầu phát triển và xu thế thời đại đang là thách thức đặt ra; các chính sách hỗ trợ liên quan đến phát triển du lịch còn chưa đáp ứng so với yêu cầu thực tiễn, một số địa phương còn lúng túng trong việc triển khai các chính sách đảm bảo hài hoà giữa phát triển du lịch với bảo tồn bền vững cảnh quan môi trường. Công tác tham mưu phát triển du lịch đã đạt nhiều kết quả quan trọng, tạo ra được chỗ đứng của tỉnh trong bản đồ du lịch của đất nước nhưng còn thiếu các dự báo mang tính chiến lược để tỉnh kịp thời có những chính sách điều chỉnh phù hợp trước bối cảnh du lịch của tỉnh đang phát triển nhanh theo từng năm. Bên cạnh đó, mặc dù Hiệp hội du lịch của tỉnh đã được hình thành nhưng chưa phát huy hết chức năng, nhiệm vụ, chưa tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa những người làm công tác du lịch trong và ngoài tỉnh để tạo ra mối liên kết vùng về phát triển du lịch; cơ sở hạ tầng về du lịch chưa đáp ứng, ít các sản phẩm du lịch mang tính nổi bật, đặc trưng vùng miền...

3. Một số định hướng phát huy vai trò của trí thức văn hoá với sự phát triển du lịch của tỉnh.

Trong thời gian tới, trước sự phát triển nhanh của ngành du lịch, sẽ đặt ra những thách thức, tiềm ẩn những nguy cơ xung đột trong phát triển kinh tế du lịch với bảo vệ cảnh quan môi trường, với bảo tồn phát huy giá trị văn hoá truyền thống bản địa... đòi hỏi sự tâm huyết, nỗ lực hơn nữa của các cấp, các ngành nói chung và vai trò của đội ngũ trí thức lĩnh vực văn hoá nói riêng. Với chức năng, nhiệm vụ của

mình, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh xin đề xuất một số định hướng phát huy vai trò của trí thức văn hoá với sự phát triển du lịch của tỉnh như sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng công tác lãnh, chỉ đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức, trước hết là nâng cao nhận thức của Cấp ủy, Chính quyền các cấp về vai trò, vị trí của trí thức cũng như công tác trí thức trong sự nghiệp CNH-HĐH; triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước;

Thứ hai, cần tiếp tục nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách, môi trường thuận lợi để trí thức nói chung và trí thức lĩnh vực văn hoá nói riêng phát huy sức sáng tạo, tinh thần nhiệt huyết, trách nhiệm trong thực hiện chức trách nhiệm vụ. Trong đó, cần tiếp tục nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích phát triển du lịch phù hợp hơn trước thực tiễn hoạt động du lịch của tỉnh đang phát triển mạnh mẽ

Thứ ba, cần quan tâm khuyến khích đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, các mô hình hay, cách làm mới ở các địa phương khác vào thực tiễn hoạt động phát triển du lịch của tỉnh, tạo ra sự hài hoà giữa phát triển kinh tế du lịch, gắn với bảo tồn các giá trị văn hoá bản địa và bảo vệ cảnh quan môi trường. Bên cạnh đó cần có chính sách đãi ngộ, tôn vinh xứng đáng đối với các tổ chức, cá nhân có đóng góp nổi bật trong phát triển du lịch của tỉnh, nhằm khích lệ, tạo động lực để họ tiếp tục có những đóng góp thiết thực hơn nữa đối với sự nghiệp phát triển tỉnh Hà Giang.

Thứ tư, xây dựng Đề án phát triển đội ngũ trí thức (trong đó có trí thức lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn). Trong đó, định kỳ hàng năm có những thống kê, đánh giá thực chất số lượng, chất lượng nguồn lực trí thức, làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; kịp thời phát hiện và bố trí sử dụng hợp lý đối với những trí thức có trình độ, năng lực thực sự và tâm huyết với sự phát triển của tỉnh.

Thứ năm, triển khai thực hiện công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ trình độ cao gắn với việc sử dụng đội ngũ trí thức trẻ, đặc biệt quan tâm tới đội ngũ trí thức trực tiếp tham gia vào các hoạt động phát triển du lịch giúp tăng cường năng lực, phát huy vai trò tham mưu và triển khai các hoạt động phát triển du lịch đạt hiệu quả.

Thứ sáu, kịp thời có các hoạt động thống kê, tổng kết, đánh giá và có dự báo sát tình hình phát triển du lịch làm căn cứ tham mưu đề xuất với tỉnh có những chính, định hướng phù hợp về phát triển du lịch trong giai đoạn tiếp theo.

Thứ bảy, rà soát, củng cố và phát triển tổ chức Hội, chi hội, câu lạc bộ, nhóm sở thích liên quan đến phát triển du lịch của tỉnh để thu hút ngày càng nhiều trí thức tham gia các tổ chức Hội. Phát huy vai trò của trí thức tạo môi trường thuận lợi để đội ngũ trí thức lĩnh vực văn hoá tham gia tư vấn, phản biện, đóng góp ý kiến, tâm tư nguyện vọng với Đảng và Nhà nước về những vấn đề Trí thức quan tâm liên quan đến phát triển du lịch.

THAM LUẬN**Giải pháp bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mông gắn với phát triển du lịch 4 huyện vùng cao nguyên đá Đồng Văn***Trường Chính trị tỉnh*

Là một tỉnh miền núi biên giới cực bắc của Tổ quốc, nằm ở phía Đông Bắc Việt Nam, nơi được mệnh danh “đá cũng nở hoa”, nếu như trước kia, Hà Giang là một cái tên lạ lẫm đối với nhiều người, thì ngày nay, Hà Giang nổi lên là một điểm đến hấp dẫn, thu hút nhiều khách du lịch ở trong và ngoài nước. Khi tới Hà Giang, có rất nhiều địa điểm để du khách tham quan trải nghiệm, trong đó địa điểm hấp dẫn không thể bỏ qua đó là Công viên Địa chất toàn cầu Unesco Cao nguyên đá Đồng Văn, công viên địa chất đầu tiên của Việt Nam, thứ hai của Đông Nam Á được trải dài trên 4 huyện vùng cao Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn và Mèo Vạc. Việc được công nhận là Công viên Địa chất toàn cầu tạo tiền đề, mở ra hướng phát triển bền vững, định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng Cao nguyên đá, đặc biệt là phát triển du lịch qua đó tạo sinh kế cho người dân vươn lên xóa đói, giảm nghèo. Từ khi Cao nguyên đá Đồng Văn gia nhập mạng lưới công viên địa chất toàn cầu, cuộc sống của người dân có sự chuyển biến rõ nét, du lịch có đột phá tăng trưởng cao, thể hiện qua những con số ấn tượng về lượng du khách đến với Cao nguyên đá Đồng Văn. Sau gần 10 năm gia nhập Công viên Địa chất toàn cầu, lượng khách du lịch đến với Hà Giang đạt 1,4 triệu lượt khách. Doanh thu từ du lịch đạt 1.500 tỷ đồng. Sau hơn 02 năm chững lại do đại dịch Covid 19, trong dịp nghỉ lễ 30/4 - 1/5 vừa qua, tỉnh Hà Giang đã đón trên 125.868 lượt khách du lịch, công suất phòng khách sạn đạt trên 95%, tại 4 huyện vùng Cao nguyên đá Đồng Văn đạt trên 100% công suất phòng.

Để có được những kết quả đó, Hà Giang đã dựa vào đặc trưng riêng của địa phương để tạo nên nét riêng biệt thu hút khách du lịch, bởi khi một điểm đến có nét khác biệt sẽ hấp dẫn, kích thích trí tò mò của du khách, trong đó phải kể đến công tác bảo tồn và phát huy các bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số. Hiện nay sinh sống trên 4 huyện vùng Cao nguyên đá Đồng Văn có 17 dân tộc anh em trong đó dân tộc Mông chiếm tới gần 90% dân số. Là dân tộc có một đời sống văn hoá tinh thần rất phong phú và đa dạng, có truyền thống văn hóa với rất nhiều nét đặc sắc. Cùng với nhiều dân tộc khác, dân tộc Mông nơi đây vẫn còn giữ được nhiều sắc thái văn hóa độc đáo. Thấy rõ được tiềm năng từ việc khai thác các giá trị truyền thống văn hoá của đồng bào dân tộc Mông trong việc phát triển du lịch, những năm qua, tỉnh Hà Giang nói chung, 4 huyện vùng Cao nguyên đá nói riêng đã tập trung nguồn lực tổ chức trùng tu, tôn tạo nhiều khu di tích, phục dựng các lễ hội truyền thống. Các giá trị văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc Mông nơi đây đã đang tạo đà cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thúc đẩy phát triển du lịch. Năm 2017 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Đề án số 09-ĐA/TU về bảo tồn, khôi

phục, phát huy văn hóa đặc trưng dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030, trong đó xác định mục tiêu “*Lấy văn hóa làm nền tảng tinh thần để phát triển du lịch và lấy du lịch để bảo tồn văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nguồn động lực, thu hút khách du lịch để tăng nguồn thu nhập và nâng cao đời sống cho nhân dân*”.

Dưới sự lãnh, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự vào cuộc của các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là sự đồng tình, ủng hộ của đồng bào người dân nơi đây, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc Mông trên địa bàn 4 huyện Cao nguyên đá đã đạt được những kết quả tích cực, nhận thức của người dân về công tác bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch đã có sự chuyển biến đáng kể. Các di tích lịch sử mang đậm dấu ấn của người Mông như di tích lịch sử nhà Vương, phố cổ Đồng Văn... được bảo tồn và phát huy hay nhiều lễ hội truyền thống của dân tộc Mông đã từng bước trở thành thương hiệu du lịch khi nhắc tới Hà Giang, điển hình như: Lễ hội hoa Tam giác mạch, Lễ hội Khèn Mông, Lễ hội Chợ tình Khâu Vai, Lễ hội Gầu Tào... Hàng năm các lễ hội này đều được tổ chức thường xuyên thu hút một lượng lớn khách du lịch đến với Hà Giang.

Các huyện đã quy hoạch, xây dựng mỗi huyện 01 Làng văn hoá du lịch cộng đồng dân tộc Mông gắn với phát triển du lịch, xây dựng nông thôn mới. Hiện vùng Cao nguyên đá có 04 làng đó là: Quản Bạ 01 làng (thôn Đâu câu 1, xã Cán Tỷ), Đồng Văn 01 làng (thôn Lũng Cắm Trên, xã Sủng Là), Mèo Vạc 02 làng (thôn Pả Vi hạ, xã Pả Vi; thôn Tả Lũng B, xã Tả Lũng). Để tạo dấu ấn hấp dẫn thu hút khách du lịch, mỗi làng văn hoá tạo nên những nét riêng biệt như Làng văn hoá Lũng Cắm khi tới đây du khách sẽ thấy được rất rõ vẻ đẹp tạo nên thương hiệu của Cao nguyên đá với những ngôi nhà cổ có kiến trúc hàng trăm tuổi, những bộ trang phục thổ cẩm của các chàng trai cô gái vùng cao rực rỡ màu sắc, những ruộng ngô, vườn hoa Tam Giác Mạch, hoa cải đầy màu sắc hay Làng văn hoá Pả Vi vào thứ bảy hàng tuần, đội văn nghệ biểu diễn miễn phí tại nhà cộng đồng thôn, vào các ngày nghỉ lễ của đất nước, lễ hội của địa phương, các buổi chợ phiên tổ chức các chương trình bày bán nhiều loại sản phẩm đặc trưng của dân tộc Mông như: mèn mén, thắng cố, các mặt hàng thổ cẩm từ vải lanh, tổ chức cho du khách trải nghiệm nấu rượu... qua đó vừa đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa của người dân, vừa hấp dẫn khách du lịch. Đại đa số người dân đã nhận thức được phát triển du lịch cộng đồng là đem lại lợi ích cho cá nhân người tham gia và chung cho cả cộng đồng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho nhân dân, chuyển đổi cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phát triển dịch vụ, du lịch, tạo được công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động. Nhìn chung, các Làng văn hoá du lịch cộng đồng dân tộc Mông sau khi được đầu tư và đi vào hoạt động đều khai thác có hiệu quả, thu hút được lượng lớn khách du lịch vào địa phương, nâng cao thu nhập cho người dân.

Ngoài ra các cấp, các ngành tăng cường tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc Mông giữ gìn bản sắc văn hoá, kiến trúc nhà ở truyền thống của dân tộc, đó là những ngôi nhà trình tường bằng đất có ưu điểm giữ ấm về mùa đông, mát mẻ trong mùa hè, bên cạnh đó là những hàng rào đá được xếp vững chắc bao quanh những ngôi nhà nhỏ, trở thành một điểm nhấn không thể thiếu trong không gian văn hóa của người Mông. Khách du lịch khi đến đây thường rất thích tìm hiểu phong tục, tập quán, lối sống của các dân tộc, chính vì thế, những chương trình du lịch làng nghề truyền thống sẽ là cách hay nhất để giới thiệu với du khách những di sản cha ông để lại và phát huy, sáng tạo nó. Khách du lịch khi đến tham quan các làng nghề sẽ được tận mắt chứng kiến những tinh hoa mà cha ông ta để lại và tìm hiểu nhiều hơn về văn hóa, lối sống của con người nơi đây. Thời gian qua các huyện đã tập trung tuyên truyền vận động đồng bào Mông giữ gìn, khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thống: huyện Mèo Vạc có Hợp tác xã Xuân Mai sản xuất các sản phẩm từ cây lanh, Hợp tác xã Giàng Chu Phìn đan lát các vật dụng, đồ dùng sinh hoạt hàng ngày; huyện Quản Bạ bảo tồn nghề dệt lanh tại xã Lũng Tám, nghề mộc tại xã Cán Tỷ; huyện Yên Minh khôi phục Hợp tác xã dệt lanh tại thôn Ngán Chải, xã Lao Và Chải. Trong tổng số 43 làng nghề truyền thống của tỉnh có đồng bào Mông tham gia, trên địa bàn 4 huyện Cao nguyên đá có 10 làng nghề, nổi bật là các làng nghề: Làng nghề may mặc trang phục dân tộc thị trấn Phố Bàng, làng nghề chế tác Khèn Mông xã Hồ Quảng Phìn, làng nghề may mặc trang phục dân tộc Mông thôn Lũng Hoà A, xã Sà Phìn huyện Đồng Văn, làng nghề dệt lanh Lũng Tám, xã Lũng Tám huyện Quản Bạ, làng nghề nấu rượu ngô Thanh Vân, xã Thanh Vân huyện Quản Bạ. Nhiều sản phẩm của các làng nghề đã theo chân du khách đến khắp mọi miền đất nước, thậm chí có sản phẩm được xuất khẩu tới nhiều quốc gia trên thế giới, không chỉ đem lại thu nhập mà còn góp phần lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống của người Mông.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mông gắn với phát triển du lịch 4 huyện vùng cao nguyên đá Đồng Văn vẫn còn gặp phải hạn chế nhất định: Việc khai thác, phát huy và nâng cao các giá trị di sản văn hoá dân tộc Mông thành sản phẩm du lịch chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, có những di sản văn hoá chưa được phát huy, khai thác hiệu quả; các hoạt động văn hóa đã được khai thác để phục vụ du lịch nhưng chưa triệt để; sản phẩm văn hóa gắn với du lịch đã đổi mới nhưng chưa thực sự đa dạng và phong phú... Những nghề nhân am hiểu sâu sắc và nắm giữ các di sản văn hoá đang giảm dần và đang đứng trước nguy cơ bị thất truyền nếu không có các biện pháp bảo tồn. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân ở một số địa phương cơ sở chưa hiệu quả. Một số nơi chưa phát huy tốt vai trò của Hội nghề nhân dân gian, người có uy tín.

Thực tiễn trên cho thấy, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mông trong phát triển du lịch ở 4 huyện vùng Cao nguyên đá là vấn đề quan trọng, đồng thời cũng là yêu cầu cấp bách trong phát triển kinh tế - xã hội. Để bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mông nhằm phục vụ cho phát triển ngành công nghiệp

không khói, thực hiện được “mục tiêu kép”, vừa phát triển du lịch, vừa bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thời gian tới theo tôi cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục bảo tồn, phục hồi các giá trị văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc Mông như tiếng nói, chữ viết, trang phục, các hoạt động văn hoá văn nghệ, phong tục tập quán, các lễ hội truyền thống... thông qua việc mở các lớp học tiếng Mông trên địa bàn các huyện, tổ chức Ngày hội Văn hóa, liên hoan ca, múa nhạc, triển lãm văn hóa dân tộc Mông, giữ gìn trang phục của dân tộc, khuyến khích mặc trang phục dân tộc vào các ngày lễ, tết... Tiếp tục phối hợp với các ngành chức năng đưa văn hoá truyền thống dân tộc Mông vào giảng dạy trong trường học, các đội văn nghệ, các làng nghề. Việc bảo tồn giá trị của các phong tục tập quán, các lễ hội truyền thống đặc biệt cần gắn với xóa bỏ hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu, rườm rà, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân đang được tổ chức triển khai thực hiện trên toàn tỉnh.

Thứ hai, tiếp tục quan tâm xây dựng các làng văn hóa du lịch cộng đồng theo Đề án “Bảo tồn các Làng văn hóa truyền thống và nâng cao chất lượng dịch vụ các Làng văn hoá du lịch cộng đồng” giai đoạn 2020 - 2025 tỉnh đã phê duyệt, tổ chức những chuyến đi tham quan các mô hình Làng văn hoá du lịch cộng đồng ở trong và ngoài tỉnh, tổ chức những lớp tập huấn về kỹ năng phục vụ cũng như những nội dung khác có liên quan trong hoạt động du lịch cộng đồng cho người dân, các làng văn hoá cần có thiết kế mang bản sắc riêng, tránh bị trùng lặp... cần chú ý các công trình khi xây dựng không ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường xung quanh, không làm mất đi nét văn hoá đặc trưng của dân tộc. Có chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư xây dựng, hỗ trợ cho các hộ kinh doanh du lịch cộng đồng về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, thuyết minh để nâng cao chất lượng phục vụ, giao tiếp.

Thứ ba, để duy trì làng nghề, sản phẩm mang bản sắc văn hóa đích thực thì phải tạo môi trường tốt cho thợ thủ công, nghệ nhân sáng tạo và tôn vinh giá trị văn hóa nghề của họ... cần xây dựng thực hiện tốt các khâu như tiếp thị, hướng dẫn, phát triển du lịch làng nghề, sản phẩm du lịch phải mang được linh hồn của văn hóa truyền thống người Mông. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá, xúc tiến du lịch cộng đồng tới các thị trường khách quốc tế, nội địa để thu hút khách du lịch. Xây dựng các ấn phẩm, clip để giới thiệu, quảng bá trên các phương tiện truyền thông nhằm quảng bá các sản phẩm du lịch cộng đồng cho du khách trong nước và quốc tế.

Thứ tư, phát huy vai trò của Hội nghệ nhân dân gian, người có uy tín trong cộng đồng dân tộc Mông, đó là những người có vai trò rất quan trọng trong việc tuyên truyền, vận động người dân thực hiện và nghe theo. Vì vậy cần thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp thông tin về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo chế độ chính sách dành cho Người có uy tín, khen thưởng, động viên tinh thần kịp thời.

Thứ năm, quá trình bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mông gắn với phát triển du lịch không chỉ cần tới sự đồng tình ủng hộ của người dân mà cần có sự tham gia lãnh chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, của chính quyền địa phương các cấp. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với trình độ nhận thức của người dân, làm thay đổi căn bản ý thức trách nhiệm của mỗi người trong công tác bảo tồn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc gắn với phát triển du lịch, đồng thời thông qua du lịch để giữ gìn các giá trị văn hoá.

Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch đang là xu hướng của nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh nói chung và 4 huyện Cao nguyên đá Đồng Văn nói riêng hướng tới. Hy vọng, với những tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương, sự đa dạng phong phú trong đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào dân tộc Mông, cùng những nét đặc trưng riêng, Cao nguyên đá Đồng Văn sẽ ngày càng thu hút đông đảo du khách, luôn là “địa chỉ đỏ” cho du khách trong nước và quốc tế muốn khám phá và trải nghiệm màu sắc văn hóa dân tộc Mông. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng Công viên Địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn trở thành khu du lịch quốc gia./.

THAM LUẬN

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng phát triển các loại dịch vụ du lịch trên địa bàn huyện Mèo Vạc

Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Mèo Vạc

Trong những năm qua, công tác phát triển du lịch của huyện Mèo Vạc có nhiều đổi mới và đạt được những kết quả nổi bật. Đến nay, huyện đã có 2 điểm du lịch được công nhận điểm du lịch cấp tỉnh (*Chợ phiên thị trấn Mèo Vạc, Làng văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Mông thôn Pả Vi Hạ, xã Pả Vi*); có thêm 02 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (*Lễ hội chợ Phong Lưu Khâu Vai, Lễ cầu an của dân tộc Giáy xã Nậm Ban*); Làng văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Mông thôn Pả Vi Hạ được công nhận là Làng văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với nông thôn mới; phối hợp với các ngành của tỉnh xây dựng được nhiều sản phẩm du lịch mới tiêu biểu (*Sản phẩm du lịch: Tham quan lòng hồ Thủy điện Nho Quế 1, khám phá tuyến đi bộ chinh phục Vách đá trắng Mã Pì Lèng (Đường Hạnh Phúc - Con đường Máu và Hoa; Giải Marathon quốc tế chinh phục Cung đường Hạnh Phúc tỉnh Hà Giang; sản phẩm chợ đêm, chợ phiên thị trấn Mèo Vạc*).

Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch được quan tâm đầu tư (*Bãi đỗ xe, đường giao thông, bến thuyền Thủy điện Nho Quế 1, hệ thống xe điện, thuyền du lịch đã được đầu tư tạo thuận lợi cho du khách tham quan lòng hồ Thủy điện Nho Quế 1*), các cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ du lịch từng bước phát triển (*Tính đến tháng 6/2023, toàn huyện có 101 khách sạn, nhà nghỉ, homestay; 60 nhà hàng, quán ăn; 25 cơ sở vui chơi giải trí, nước giải khát; 20 cơ sở mua sắm; 12 cơ sở chăm sóc sức khỏe cho khách du lịch...*). Lượng khách du lịch đến với huyện ngày càng tăng qua các năm (*năm 2020 đạt 123.000 lượt người, năm 2022 đạt 360.425 lượt người, 6 tháng đầu năm 2023 đạt 273.881 lượt người*). Doanh thu từ du lịch lũy kế từ năm 2020 đến hết tháng 6 năm 2023 đạt 704,4 tỷ đồng (*Năm 2020 đạt 144 tỷ; năm 2021 đạt 135,9 tỷ; năm 2022 đạt 189 tỷ đồng; 6 tháng đầu năm 2023 đạt 235,5 tỷ đồng*), góp phần tăng nguồn thu ngân sách của huyện, đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội và giải quyết việc làm cho người dân.

Để đạt được những kết quả trên, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/HU về phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, giai đoạn 2021-2025; khuyến khích đầu tư các loại hình du lịch trên địa bàn; cơ sở hạ tầng du lịch, các điểm tham quan được đầu tư, nâng cấp, tôn tạo; các khách sạn, nhà nghỉ, homestay, dịch vụ ăn uống, giải trí, các sản phẩm du lịch phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu phục vụ du khách. Huyện chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ các làng văn hóa du lịch cộng đồng; khai thác tốt tiềm năng du lịch gắn với phát huy giá trị vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồi Văn và giữ gìn, bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc địa phương.

Đồng thời vận dụng hiệu quả các chính sách hỗ trợ của tỉnh và huyện đã ban hành các cơ chế, giải pháp để khuyến khích phát triển du lịch, như:

- Đối với tỉnh Hà Giang: Năm 2016, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết 35/NQ-HĐND ngày 21/7/2016 quy định một số chính sách khuyến khích phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư các hoạt động phục vụ khách du lịch. Trong đó, trên địa bàn huyện Mèo Vạc có 64 hộ kinh doanh dịch vụ homestay được thụ hưởng chính sách này, mỗi hộ được hỗ trợ 60 triệu đồng (*tổng kinh phí 3,84 tỷ đồng*) để mua sắm trang thiết bị và xây dựng nhà vệ sinh phục vụ khách du lịch. Năm 2020, UBND tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 về việc ban hành Đề án “Bảo tồn văn hóa truyền thống và nâng cao chất lượng dịch vụ các làng văn hóa du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2025. Theo Đề án này, huyện Mèo Vạc có Làng văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Giáy thôn Tát Ngà, xã Tát Ngà được hỗ trợ 170 triệu đồng để xây dựng 01 nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn và hỗ trợ xây dựng 1 đội văn nghệ dân gian biểu diễn phục vụ khách du lịch.

- Đối với cấp huyện: UBND huyện Mèo Vạc đã chỉ đạo các ngành chuyên môn của huyện phối hợp, tạo điều kiện giúp đỡ các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư các dịch vụ du lịch, như: Năm 2019, huyện đã tạo điều kiện cho 26 hộ gia đình tham gia Đề án tại Làng văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Mông thôn Pả Vi Hạ, xã Pả Vi được thuê đất để làm dịch vụ Homestay với thời gian là 50 năm (*trong đó 12 năm miễn tiền thuê đất, thu tiền thuê đất 38 năm với hình thức cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần trong cả thời gian thuê*), số tiền cho thuê là 19.278.000 đồng/hộ. Ngoài ra, huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan (*Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND các xã, thị trấn*); phối hợp tạo điều kiện giúp đỡ các tổ chức, cá nhân về thủ tục pháp lý trong việc đầu tư xây dựng các loại hình dịch vụ phục vụ du lịch trên địa bàn huyện như: Hỗ trợ Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1 triển khai Dự án phát triển du lịch lòng hồ để đưa vào khai thác phục vụ khách du lịch khám phá trải nghiệm hẻm Tu Sản trên lòng hồ thủy điện Nho Quế 1; hỗ trợ Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp và Du lịch Tu Sản hoàn thiện các hồ sơ giấy phép đăng ký, đăng kiểm thuyền và cấp biển hiệu du lịch thuyền chở khách; hỗ trợ Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng số 1 Hà Nội hoàn thiện hồ sơ xây dựng công trình điểm ngắm cảnh hẻm Tu Sản Mã Pì Lèng...Kêu gọi Công ty TNHH tổ chức Hội chợ F17 đầu tư cải tạo lại công chợ thị trấn Mèo Vạc theo kiến trúc truyền thống của dân tộc Mông với kinh phí hơn 300 triệu đồng để thu hút du khách đến tham quan chợ đêm, chợ phiên; tạo điều kiện cho các hộ dân tại thị trấn Mèo Vạc thuê đất xây dựng ki ốt (*theo kiến trúc nhà gỗ, mái lợp ngói âm dương*) tại khu vực tiếp giáp sân vận động huyện để bán nước giải khát phục vụ nhân dân và du khách; hướng dẫn các hợp tác xã nâng cao chất lượng sản phẩm và hoàn thiện hồ sơ công nhận sản phẩm OCOP; hỗ trợ nhân dân định mức 4 triệu đồng/ha để trồng hoa Tam giác mạch phục vụ lễ hội hằng năm; hỗ trợ nhân dân xã

Pả Vi, xã Pải Lũng xếp tường rào đá, vẽ tranh bức họa, vừa góp phần bảo tồn kiến trúc nhà ở truyền thống, vừa tạo điểm nhấn phát triển du lịch...

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, thì công tác khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng phát triển các loại dịch vụ du lịch trên địa bàn huyện Mèo Vạc còn gặp phải những khó khăn nhất định, như:

- Công tác thu hút các dự án đầu tư lĩnh vực du lịch còn gặp nhiều khó khăn (*đặc biệt đối với các dự án đầu tư vào khu vực di sản danh lam thắng cảnh Mã Pì Lèng*) phải xin ý kiến chấp thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ý kiến thẩm định về quy hoạch của các sở, ngành của tỉnh, nên mất nhiều thời gian, gây tâm lý e ngại với các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn.

- Một số di tích, thắng cảnh đã được xếp hạng nhưng chưa thu hút được tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư khai thác phục vụ du lịch, như: Hang Rồng xã Tả Lũng, xã Pả Vi và Di tích hóa thạch Huệ Biền, xã Lũng Pù,

- Một số tổ chức, cá nhân chưa mạnh dạn tham gia đầu tư các loại hình dịch vụ phục vụ du lịch như: Du lịch khám phá hang động, du lịch mạo hiểm leo núi...

- Việc thu hút đầu tư các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào các dự án lớn trong phát triển du lịch còn hạn chế, hiện nay trên địa bàn huyện chưa có khách sạn đạt 3-4 sao, chưa có cơ sở ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- Các sản phẩm du lịch phục vụ khách du lịch còn ít, nghèo nàn, đơn vị. Hiện nay, huyện mới có sản phẩm được công nhận OCOP, chủ yếu gồm mật ong Bạc Hà, rượu ngô men lá, rượu Tam giác mạch, gạo Khẩu Mang, thịt bò khô,...chưa đáp ứng nhu cầu mua sắm của du khách.

Trước thực trạng trên, Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Mèo Vạc mạnh dạn đưa ra một số giải pháp để triển khai thực hiện trong thời gian tiếp theo như sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá giới thiệu các tiềm năng thế mạnh về du lịch của huyện như: Phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ, con người thân thiện, mến khách; văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc được giữ gìn, bảo tồn tốt. Từng bước xây dựng hình ảnh “Thương hiệu du lịch huyện Mèo Vạc” an toàn, thân thiện, mến khách, văn minh, lịch sự, điểm đến hấp dẫn du khách, để thu hút du khách đến với Mèo Vạc ngày càng nhiều hơn.

Hai là, tham mưu cho UBND huyện phối hợp với Sở Xây dựng triển khai hoàn thành Đồ án quy hoạch khu du lịch sông Nho Quế để kêu gọi, triển khai đầu tư các dự án du lịch tại khu vực Mã Pì Lèng.

Ba là, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất đảm bảo tiêu chí phục vụ khách du lịch.

Bốn là, phối hợp hỗ trợ, giúp đỡ, tạo điều kiện tối đa cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ du lịch trên địa bàn huyện.

Năm là, phối hợp, hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tiếp tục khảo sát các điểm du lịch để nghiên cứu đầu tư phát triển thêm sản phẩm du lịch (*khám phá hang động, thể thao mạo hiểm, chèo thuyền kayak và thuyền sub,..*) trên địa bàn huyện.

Sáu là, chủ động phối hợp với các ngành tham mưu cho UBND huyện Mèo Vạc bàn thống nhất với UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng để đề xuất với Lãnh đạo hai tỉnh về phương án quản lý tạm thời và khai thác hiệu quả hoạt động du lịch trên lòng hồ Thủy điện Bảo Lâm 3.

Nhân đây, tôi cũng đề xuất với HĐND tỉnh, UBND tỉnh nghiên cứu ban hành Nghị quyết hỗ trợ nhân dân sinh sống tại các khu vực danh thắng về kinh phí xây dựng nhà ở theo kiến trúc truyền thống, nhằm bảo tồn văn hóa, tạo điểm nhấn phát triển du lịch bền vững. Đồng thời nghiên cứu bố trí nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cấp, mở rộng đường giao thông các xã Khâu Vai, Niêm Tông và xây dựng cầu qua lòng hồ Thủy điện Bảo Lâm 3 để xây dựng Con đường trải nghiệm du lịch số 5 kết nối Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn với Công viên Non nước Cao Bằng.

THAM LUẬN

Về những giải pháp cơ bản để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trên Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn gắn với phát triển du lịch

Phòng Văn hóa Thông tin huyện Đồng Văn

Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn bao gồm 04 huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ với diện tích tự nhiên hơn 2.326km². Cao nguyên đá Đồng Văn được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu đầu tiên của Việt Nam vào năm 2010, được tái công nhận vào các năm 2014, năm 2018 và được tái công nhận lại lần thứ 3 vào tháng 8 năm 2022. Huyện Đồng Văn nằm trong vùng lõi Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn với diện tích tự nhiên 451.71km², dân số là 16.909 hộ với 86.940 khẩu, sinh sống tại 225 thôn, tổ dân phố (*trên địa bàn huyện Đồng Văn có 15 cụm di sản địa chất, với 69 điểm di sản, chiếm 40% số di sản địa chất, trên lãnh thổ Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, bao gồm 08 điểm di sản Quốc tế, trên 30 điểm di sản cấp quốc gia và còn lại di sản địa phương*).

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2015-2020 và nửa nhiệm kỳ 2020 - 2025. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn gắn với phát triển du lịch, được các cấp ủy, chính quyền huyện Đồng Văn quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ bước đầu đạt một số kết quả quan trọng.

I. Thực trạng công tác bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa, xây dựng Công viên địa chất UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn gắn với phát triển du lịch

1. Công tác xây dựng các thiết chế văn hóa và phong trào xây dựng đời sống văn hóa

Trong thời gian qua huyện Đồng Văn đã quan tâm đầu tư và hoàn thành xây dựng, đưa vào sử dụng Trung tâm Hội nghị của huyện và Quảng trường Thanh niên tại thị trấn Đồng Văn, phục vụ có hiệu quả các sự kiện văn hóa - thể thao - du lịch tại huyện; hoàn thành xây dựng đưa vào sử dụng 12/19 Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, thị trấn; trên 153/225 nhà văn hóa - khu thể thao cấp thôn; 01 Đài Truyền thanh - truyền hình cấp huyện, 01 Đài truyền thanh không dây, 18 Đài truyền thanh Internet; tỷ lệ phủ sóng phát thanh - truyền hình đạt 90%; tỷ lệ số hộ có ti vi đạt trên 78,50%. Cơ sở hạ tầng thông tin và viễn thông được đầu tư, xây dựng theo hướng hiện đại, chuẩn hóa, đồng bộ, đến năm 2022 huyện đã được lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống cáp quang đến 19 xã, thị trấn; số trạm thu phát sóng BTS là: 100 trạm (*trong đó, 33 trạm VNPT và 67 trạm Viettel*); tỷ lệ phủ sóng điện thoại di động đạt 98%, riêng khu vực

trung tâm, tập trung đông dân cư đạt 100%; tỷ lệ các cơ quan, đơn vị, UBND các xã có kết nối internet đạt 100%; Các trạm truyền thanh không dây và các Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, thị trấn; nhà văn hóa - khu thể thao cấp thôn, tổ dân phố đều được xây dựng đảm bảo tiêu chí theo quy định của nhà nước, phát huy tốt các công năng, phục vụ có hiệu quả các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thông tin, thể thao và du lịch ở cơ sở; 225/225 thôn, tổ dân phố đều hoàn thành xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy ước nếp sống văn hóa do UBND huyện phê duyệt; tỷ lệ thôn, bản đạt danh hiệu làng văn hóa là trên 57,33% tổng số thôn, tỷ lệ số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa là 62% tổng số hộ trong toàn huyện; số gia đình thể thao là 1.845 gia đình; số người thường xuyên luyện tập thể thao là 19.303 người; 60% số cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa theo quy định.

2. Công tác bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể

UBND huyện Đồng Văn đã tích cực phối hợp với Sở VH TT&D hoàn thành khảo sát lập hồ sơ tổ chức hội thảo, trình và được Bộ VH TT&DL đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia đối với 07 di sản văn hóa phi vật thể (*Lễ hội Gầu Tào dân tộc Mông tỉnh Hà Giang - trong đó có huyện Đồng Văn; Nghệ thuật khèn của người Mông tỉnh Hà Giang - trong đó có huyện Đồng Văn; Nghi lễ cấp sắc của người Dao tỉnh Hà Giang - trong đó có huyện Đồng Văn; Lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô xã Lũng Cú; Lễ cúng tổ tiên và Tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật trang trí trên trang phục của người Lô Lô đen xã Lũng Cú; Lễ hội xuống đồng và lễ cúng thần rừng của dân tộc Pu Páo xã Phó Lả*). Các lễ hội văn hóa dân gian truyền thống của các dân tộc trên địa bàn (*lễ hội Gầu Tào, lễ hội khèn Mông, Lễ hội xuống đồng và lễ cúng thần rừng của dân tộc Pu Páo xã Phó Lả; lễ hội hoa Tam giác mạch*) được cấp ủy, chính quyền quan tâm, thường xuyên tổ chức vào các dịp lễ, tết Nguyên đán hoặc trong những ngày kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, đồng thời tham gia các hội thi, hội diễn do Tỉnh tổ chức đạt nhiều kết quả quan trọng và trở thành sản phẩm du lịch độc đáo phục vụ du khách tham quan du lịch tại địa phương.

Công tác tổ chức kiện toàn Hội nghệ nhân dân gian được UBND huyện Đồng Văn thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức rà soát, củng cố kiện toàn, tổ chức lại: Hội nghệ nhân dân gian theo mô hình (*UBND cấp xã, thị trấn ban hành Quyết định thành lập, kiện toàn và quản lý hoạt động của Hội*). Do vậy các xã, thị trấn khi có sự thay đổi về Hội viên, nghệ nhân văn nghệ (*kết nạp mới, xin ra khỏi hội hoặc chết*) đều được các xã nắm bắt rất cụ thể. Đến nay 19/19 xã của huyện Đồng Văn đều đã kiện toàn xong Hội nghệ nhân dân gian và củng cố được 20 đội văn nghệ - dân gian quần chúng ở cơ sở (*01 đội cấp huyện và 19 đội cấp xã, thị trấn*) với 1.456 hội viên (*tín ngưỡng là 223 hội viên, bảo tồn văn hóa là 722 hội viên và nghề thủ công truyền thống là 511 hội viên*). Phối hợp với Sở VH TT&DL hoàn thành nghiên cứu lập hồ sơ xét duyệt, trình và được Chủ tịch nước Phong tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú đối với 03 nghệ nhân của huyện (*Nghệ nhân Vàng Chá Thào xã Phó Cáo, Sùng Nhìa Sừ xã Sùng Là và Vàng Nhìa Mua xã Văn Chải*).

3. Công tác bảo tồn phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa

Đến nay trên địa bàn huyện có 12 di tích Lịch sử - văn hóa được công nhận xếp hạng. Trong đó có 04 di tích được công nhận xếp hạng di tích Quốc gia; 08 Di tích được công nhận xếp hạng cấp tỉnh. Các di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng đã được quan tâm, trùng tu, nâng cấp bằng nguồn ngân sách nhà nước (di tích kiến trúc - nghệ thuật Phố cổ Đồng Văn được trùng tu năm 2013 với tổng kinh phí hơn 64 tỷ đồng, di tích Cột cờ Quốc gia Lũng Cú được trùng tu giai đoạn 2 năm 2017 với tổng kinh phí hơn 18 tỷ đồng, di tích kiến trúc - nghệ thuật khu nhà Vương được trùng tu giai đoạn 1 năm 2004 trị giá hơn 7 tỷ đồng, và năm 2020 được trùng tu trị giá 270.000.000 đồng; Di tích khảo cổ, danh thắng điểm di sản ranh giới thời địa tầng Frasnian/Famen tại đèo Sĩ Phài thị trấn Đồng Văn được phục hồi, tôn tạo năm 2021 trị giá 350 triệu đồng, di tích lưu niệm Sùng Mí Chàng được trùng tu năm 2021 trị giá gần 100 triệu đồng); các di tích khác trên địa bàn huyện đều được trùng tu, sửa chữa bằng nguồn xã hội hóa do nhân dân đóng góp (*chùa Quan âm xã Lũng Phìn, Đền Quan Hoàng*). Đối với di tích kiến trúc - nghệ thuật khu nhà Vương xã Sà Phìn, đến cuối năm 2021, UBND huyện Đồng Văn đã bàn giao Di tích này về cho các chủ sở hữu quản lý, sử dụng khai thác phục vụ du lịch. Năm 2019 UBND huyện Đồng Văn đã ban hành Quyết định thành lập Ban quản lý di tích và danh lam thắng cảnh huyện Đồng Văn, ban hành Quy chế hoạt động của Ban quản lý. Trực tiếp quản lý, thu phí, thuyết minh giới thiệu di tích Cột cờ Quốc gia Lũng Cú phục vụ khách tham quan du lịch, với mệnh giá 40.000đồng/người lớn/lượt (*theo QĐ số 24/2022/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh*); Đối với các di tích khác, huyện Đồng Văn chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tự lập Ban quản lý di tích cấp xã, để quản lý, bảo tồn phát huy giá trị các di tích theo quy định của Luật Đất đai, luật Di sản văn hóa hiện hành và theo Quyết định phân cấp số 1653/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh.

Năm 2018, UBND huyện Đồng Văn làm chủ đầu tư hoàn thành xây dựng Nhà Bảo tàng Không gian văn hóa các dân tộc vùng Cao nguyên đá Đồng Văn với tổng diện tích sàn là 1.591m², gồm 01 Nhà truyền thống dân tộc Mông (*Công trình cấp IV, 2 tầng, diện tích sàn: 190 m²*), trị giá: 24.631.274.307 đồng, Năm 2021, huyện hoàn thành thiết kế kỹ thuật trưng bày 01 phòng tại Bảo tàng không gian văn hóa các dân tộc vùng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, trị giá 1.000.000.000đồng. Đồng thời hoàn thành các thủ tục bàn giao về cho Sở VH TT & DL khai thác quản lý khai thác đúng tiến độ, theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

4. Công tác bảo tồn xây dựng phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn

Trong những năm qua UBND huyện đã tích cực chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện xây dựng kế hoạch tuyên truyền theo đúng định hướng của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông. Hàng năm chỉ đạo Trung tâm VH TT & Du lịch thường xuyên tiếp âm phát thanh của Đài TNVN, tiếp sóng truyền hình của Đài Truyền hình Việt Nam, tiếp sóng

Đài PT-TH Hà Giang, tổ chức triển khai sản xuất các chương trình phát trên sóng Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, phát trên hệ thống loa truyền thanh không dây tại cơ sở, phục vụ có hiệu quả mục đích nâng cao đời sống văn hóa tinh thần và giải trí của nhân dân.

Hệ thống Trang thông tin điện tử được triển khai và đưa vào hoạt động có hiệu quả từ những năm 2013. Đến nay các Trang thông tin điện tử đều thường xuyên duy trì hoạt động cập nhật các tin, bài, đăng trên trang thông tin điện tử của cấp huyện, cấp xã, thị trấn, phục vụ tốt công tác tuyên truyền các Chỉ thị, nghị quyết của Đảng về các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đối ngoại, gắn với tuyên truyền các giải pháp về xây dựng bảo tồn, phát huy các giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn.

Ngoài công tác tuyên truyền, huyện Đồng Văn đã tích cực phối hợp với Viện khoa học địa chất và khoáng sản Việt Nam tổ chức xác lập, vẽ bản đồ khoanh vùng bảo vệ 15 cụm di sản địa chất (với 69 điểm di sản), xây dựng các biển chỉ dẫn đến các điểm di sản địa chất, di sản văn hóa bàn giao cho các xã, thị trấn tổ chức quản lý, khai thác phục vụ du lịch theo khuyến nghị của chuyên gia UNESCO; hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho thị trấn Đồng Văn từ suối Sáo Hồ, bằng công nghệ PAT (của Đức) không dùng điện năng; triển khai tập trung đầu tư nâng cấp đường từ thị trấn Đồng Văn đi mốc 456 - huyện Mèo Vạc để phát triển kinh tế biên mậu; tổ chức lắp đặt bổ sung 39 gương cầu lồi tại các tuyến đường giao thông phục vụ du lịch; hoàn thành xây dựng 02 bãi đỗ xe, tại điểm 48, làng cổ Lũng Phìn, điểm 50 của M xã Sủng Trái phục vụ tuyến du lịch số 4 theo chỉ đạo của tỉnh. Đồng thời chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ Đoàn chuyên gia UNESCO đến thẩm định tái đánh giá Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn lần thứ II năm 2018 và lần thứ III năm 2022, được các chuyên gia đánh giá cao về công tác bảo tồn và phát huy các giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn.

5. Công tác phát triển du lịch - dịch vụ

Công tác phát triển du lịch được Huyện quan tâm đầu tư và đạt được một số kết quả khả quan. Bước đầu hoàn thành xây dựng đưa vào phục vụ du lịch đối với các công trình: điểm chòi vọng cảnh du lịch đất mũi (*Lũng Cú*), khu du lịch văn hóa tâm linh xã Lũng Cú; 03 làng văn hóa du lịch cộng đồng (*thôn Lũng Cẩm Trên, thôn Ma Lé, thôn Lô Lô Chải*); 07 khu vực du lịch hấp dẫn của huyện Đồng Văn được UBND Tỉnh công nhận là điểm du lịch cấp Tỉnh (*Điểm du lịch khu Di tích kiến trúc nghệ thuật nhà Vương, xã Sà Phìn; Điểm du lịch khu Di tích kiến trúc - nghệ thuật Phố cổ Đồng Văn; Khu du lịch sinh thái thị trấn Đồng Văn; Chợ phiên thị trấn Đồng Văn; Điểm du lịch khu Di tích và danh lam thắng cảnh Cột cờ Lũng Cú; Điểm du lịch Làng Văn hóa DLCD thôn Lô Lô Chải xã Lũng Cú; Điểm du lịch Làng Văn hóa DLCD thôn Lũng Cẩm trên, xã Sủng Là*). Hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng các nhà vệ sinh đạt chuẩn tại các điểm du lịch trọng điểm (*Phố cổ Đồng Văn; Cột cờ Quốc gia Lũng Cú; Điểm du lịch: Làng Văn hóa DLCD thôn Lô Lô Chải;*

Làng Văn hóa DLCD thôn Lũng Cẩm Trên, khu di tích kiến trúc nghệ thuật nhà Vương, bãi mặt trắng (Sà Phìn). Tổ chức triển khai hỗ trợ 170.000.000 đồng cho nhân dân để thực hiện Đề án bảo tồn văn hóa truyền thống và nâng cao chất lượng dịch vụ Làng văn hóa du lịch tiêu biểu thôn Lũng Cẩm Trên xã Sùng Là, triển khai rà soát hỗ trợ 108.000.000đ cho 24 hộ dân tộc Lô Lô tại làng văn hóa du lịch cộng đồng thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú tham gia xây dựng nhà ở theo lối kiến trúc truyền thống phục vụ phát triển du lịch cộng đồng. Tổ chức gieo trồng 250ha hoa tam giác mạch tại 19 xã thị trấn phục vụ tốt Lễ hội hoa Tam giác mạch hàng năm do Tỉnh tổ chức. Thành lập Chi hội khách sạn, Nhà hàng và Du lịch huyện Đồng Văn nhiệm kỳ 2019-2024, để hỗ trợ phục vụ phát triển du lịch - dịch vụ tại huyện.

Công tác phát triển sản phẩm du lịch được triển khai thực hiện một cách quyết liệt và đã đạt được một số kết quả quan trọng, hiện nay trên địa bàn huyện có 08 làng nghề theo lũy kế đã tạo ra được 15 sản phẩm được chứng nhận sản phẩm OCOP bao gồm 12 sản phẩm đạt chuẩn 3 sao, 3 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao và trở thành đối tác của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn. Trong hai năm 2021- 2022, đã hoàn thành xây dựng, lũy kế được 245 cơ sở lưu trú du lịch, với tổng số 1.415 phòng nghỉ; phát triển hơn 75 cơ sở nhà hàng ăn uống. Tổng lượng khách đến tham quan trên địa bàn huyện trong hai năm 2021, 2022 và quý 1 năm 2023 ước đạt 885.338 lượt khách. Doanh thu du lịch trong hai năm 2021, 2022 ước đạt gần 1.000 tỷ đồng (*885.338 người x 1.100.000 đồng - theo Quyết định số 1446 của UBND tỉnh*).

II. Những khó khăn, hạn chế

Do điều kiện Đồng Văn là một huyện vùng cao núi đá, biên giới, cực bắc của Tổ quốc, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn; hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho các hoạt động văn hóa vẫn còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, chưa đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp; việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống hiệu quả chưa cao, nguy cơ mai một các nét văn hóa truyền thống, một số hủ tục lạc hậu như: tảo hôn, ma chay kéo dài ngày vẫn còn tồn tại.

Tình trạng xâm hại các khu vực bảo vệ di tích, di sản, khai thác đá làm vật liệu xây dựng các công trình dân dụng vẫn còn xảy ra. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về xây dựng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn còn hạn chế. Di tích Cột cờ Quốc gia Lũng Cú do điều kiện khí hậu khắc nghiệt và lượng khách đến tham quan ngày càng đông, cho nên đã bị hư hỏng một số hạng mục (*Nay huyện Đồng Văn đang lập Dự án tu sửa nâng cấp*).

Lĩnh vực du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và kỳ vọng của xã hội; kết cấu hạ tầng du lịch chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra; các điểm du lịch, các làng văn hóa du lịch cộng đồng chưa được đầu tư xây dựng theo các tiêu chí đặt ra; các sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, khả năng cạnh tranh chưa cao; chất

lượng dịch vụ du lịch chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; môi trường du lịch, an toàn thực phẩm và an toàn giao thông còn nhiều bất cập, công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch chưa được phát huy; nguồn nhân lực phục vụ du lịch vừa thiếu vừa yếu, chưa được khắc phục và quan tâm đúng mức.

III- Những giải pháp cơ bản

- Để tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế bất cập Đại hội Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đưa ra nghị quyết với 03 nhiệm vụ đột phá đó là:

- (1) Đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn;
- (2) Đột phá về phát triển sản phẩm du lịch, hạ tầng du lịch, dịch vụ, thương mại gắn với sản phẩm nông nghiệp hàng hóa;
- (3) Đột phá về tạo sinh kế, nâng cao đời sống cho nhân dân.

Để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra, BCH Đảng bộ huyện đã ban hành 02 Nghị quyết chuyên đề về: Bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn gắn với phát triển du lịch, giai đoạn 2021-2025; tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển sự nghiệp văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Ban hành 03 Chương trình của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 02/8/2021 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch Hà Giang, giai đoạn 2021-2025; Chương trình của BCH Đảng bộ huyện về tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 06/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hà Giang giai đoạn 2021- 2025; Chương trình của BCH Đảng bộ huyện về tổ chức thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 26/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, giai đoạn 2021- 2025; với những nhiệm vụ, giải pháp như sau:

*** Về nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn các giá trị văn hóa là:** phấn đấu đến năm 2030, 19/19 xã, thị trấn đều có Trung tâm văn hóa - thể thao; 225 thôn, tổ dân phố đều có nhà văn hóa - khu thể thao cấp thôn, tổ dân phố; tổ chức triển khai thực hiện công tác đưa văn hóa truyền thống các dân tộc trên địa bàn vào giảng dạy trong các trường học; tập trung huy động sức mạnh của toàn xã hội, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, gắn với tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 612-KH/TU ngày 08/10/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển

bền vững của đất nước; tập trung tuyên truyền và tổ chức thực hiện thực hiện thắng lợi Đề án số 09-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về bảo tồn phát huy các giá trị truyền thống dân tộc Mông; kế hoạch số 79- KH/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy Hà Giang về tiếp tục triển khai thực hiện mô hình “Hội nghệ nhân dân gian”; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Hà Giang, Ban hành quy chế quản lý Kiến trúc thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn.

*** Nhiệm vụ giải pháp xây dựng, phát huy các giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn là:** tập trung tuyên truyền quảng bá, nâng cao nhận thức, hành động của cộng đồng về vị trí, vai trò, tầm quan trọng và hình ảnh của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tập trung tuyên truyền và thực hiện có hiệu quả Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 07/4/2017 của Chính phủ về quy hoạch, xây dựng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn đến năm 2030; Quyết định số 2057/QĐ-TTg ngày 21/12/2017 của Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khu du lịch Quốc gia Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 với các mục tiêu: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đồng Văn trở thành trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn; phấn đấu đến năm 2025, phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn thành một khu du lịch đặc biệt.....đến năm 2030, đáp ứng các tiêu chí và được công nhận là Khu du lịch quốc gia; thường xuyên theo dõi quản lý, giám sát chặt chẽ việc khai thác đá làm vật liệu xây dựng, bảo đảm các điểm di sản địa chất, di sản văn hóa không bị lấn chiếm, xâm hại.

*** Nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng phát triển du lịch là:** tập trung lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển du lịch huyện Đồng Văn có cơ cấu đồng bộ, theo hướng ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng du lịch; nâng cao chất lượng, thăng hạng các cơ sở lưu trú du lịch, sản phẩm du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng theo hướng hiện đại, gắn với tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị; Chương trình số 29-CTr/TU ngày 24/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang, về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 02/8/2021 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch Hà Giang, giai đoạn 2021-2025, với mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 trên địa bàn huyện có trên 260 cơ sở lưu trú du lịch, tăng 57 cơ sở so với năm 2020, đến năm 2025 tổ chức đón trên 2,6 triệu lượt du khách du lịch đến tham quan nghỉ dưỡng, doanh thu từ du lịch, dịch vụ đến năm 2025 ước đạt trên 2.600 tỷ đồng.

Tập trung đầu tư nâng cấp con đường từ thị trấn Đồng Văn đi mốc 456 - huyện Mèo Vạc để phát triển kinh tế biên mậu. Tiếp tục xây dựng nâng cao chất lượng đối với các làng văn hóa du lịch cộng đồng (*thôn Lũng Cắm Trên, thôn Lô Lô Chải, thôn*

Ma Lé); xây dựng mới 02 làng văn hóa du lịch cộng đồng (*thôn Lao Xa xã Sùng Là, thôn Lán Xi A xã Phố Cáo*).

Mở rộng triển khai xây dựng phát triển các cơ sở lưu trú du lịch, các nhà hàng ăn uống tại các điểm du lịch trọng điểm theo hướng xã hội hóa. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch (*dự án chùa tâm linh - Lũng Cú rộng 75ha; dự án Hang Mây - Tả Lũng, rộng 4,24 ha; dự án du lịch sinh thái Thiên Hương - thị trấn Đồng Văn rộng hơn 80 ha*); đầu tư xây dựng các tua, tuyến du lịch địa chất, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch mạo hiểm trên địa bàn. Thường xuyên tổ chức các sự kiện thường niên (*các lễ hội văn hóa - văn nghệ dân gian của các dân tộc, lễ hội hoa tam giác mạch*), để tạo ra nhiều sản phẩm phong phú đáp ứng nhu cầu phục vụ du lịch.

Di tích cột cờ quốc gia Lũng Cú, hiện nay đang bị hư hỏng một số hạng mục. UBND huyện Đồng Văn đã lập xong Dự án sửa chữa trị giá: 11.579.647.000 đồng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức tu sửa nâng cấp trong thời gian tới.

Tổ chức lắp đặt hệ thống Camera theo dõi, giám sát tại các điểm du lịch (*khu di tích kiến trúc nghệ thuật nhà Vương, Di tích kiến trúc - nghệ thuật Phố cổ Đồng Văn; Chợ phiên thị trấn Đồng Văn*); *Di tích và danh lam thắng cảnh Cột cờ Lũng Cú; Làng Văn hóa DLCD thôn Lô Lô Chải xã Lũng Cú; Làng Văn hóa DLCD thôn Lũng Cẩm trên, xã Sùng Là...*); triển khai thực hiện bán vé điện tử phục vụ du khách tham quan du lịch tại điểm du lịch Cột cờ Quốc gia Lũng Cú, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý đạt hiệu quả hơn.

THAM LUẬN**Phát triển làng văn hóa du lịch cộng đồng gắn với phát triển du lịch
trên địa bàn thành phố Hà Giang**

Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Giang

Chủ trương xây dựng và phát triển các làng văn hóa du lịch cộng đồng gắn với phát triển du lịch đã được Đảng bộ thành phố Hà Giang xác định là một trong 3 đột phá trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 và được Thành ủy, UBND thành phố, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chú trọng, quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện, sâu sát, thường xuyên và kịp thời. Đã huy động được sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị và người dân tham gia triển khai xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng, coi đây là bước đột phá quan trọng để phát triển du lịch của thành phố.

Công tác triển khai: Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Giang về lãnh đạo phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hoá các dân tộc thành phố Hà Giang giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 518-QĐ/TU ngày 13/7/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo phát triển du lịch thành phố Hà Giang; Chương trình số 15-CTr/TU ngày 12/10/2021 về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 02/8/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch Hà Giang, giai đoạn 2021-2025. UBND thành phố đã ban hành 03 Đề án và 12 Kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các Làng văn hoá du lịch cộng đồng gắn với phát triển du lịch, điển hình là: Đề án số 1538/ĐA-UBND ngày 13/6/2016 về nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động các Làng văn hoá du lịch cộng đồng thành phố Hà Giang; Đề án số 1551/ĐA-UBND ngày 30/7/2021 về bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc Dao trên địa bàn thành phố Hà Giang giai đoạn 2021-2025; Đề án số 1101/ĐA-UBND ngày 19/5/2022 về xây dựng làng văn hóa du lịch tiêu biểu thôn Tha, xã Phương Độ, giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 22/3/2023 về triển khai thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn mới trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Giang, giai đoạn 2023-2025... Công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch được quan tâm, hằng năm, Thành ủy, UBND thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn trực tiếp phụ trách hướng dẫn các làng, vận động các hộ kinh doanh dịch vụ tại các làng tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch, chế biến món ăn, tiếng Anh giao tiếp, quản lý buồng, phòng... do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức. Hướng dẫn các hộ gia đình kinh doanh dịch vụ lưu trú tại các Làng VHDLCD thực hiện đăng ký kinh doanh và Thông báo đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu phục vụ khách du lịch theo quy định của pháp luật. Tổ chức liên kết nhóm nhằm hỗ trợ nhau trong hoạt động tổ chức kinh doanh dịch vụ,

hướng tới liên kết các nhóm của các xã, kết nối các điểm du lịch của các Làng VHDL cộng đồng trên địa bàn thành phố.

Hiện nay, thành phố có 5 Làng VHDLCD, gồm: Thôn Tha, thôn Hạ Thành, xã Phương Độ, thôn Lâm Đồng, thôn Tiến Thắng, xã Phương Thiện, thôn Bản Tuỳ, xã Ngọc Đường, với tổng số 739 hộ dân, trong đó có 54 hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch (*Homestay*), tiêu biểu như: Cay's Homestay, Thiện Homestay (*thôn Tha, xã Phương Độ*); HTX Đồng Quê, Haha Homestay (*thôn Hạ Thành, xã Phương Độ*); Homestay ĐamThen, Homestay Đàm Vĩnh (*thôn Lâm Đồng, xã Phương Thiện*); Bùi Tý Homestay, Sky Bay Hà Giang Homestay (*thôn Tiến Thắng, xã Phương Thiện*); Trường Anh Homestay (*thôn Bản Tuỳ, xã Ngọc Đường*). Thu nhập bình quân các hộ làm dịch vụ du lịch (*Homestay*) trung bình đạt từ 200 đến 250 triệu đồng/năm, góp phần nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho nhân dân.

Trong thời gian qua, cấp ủy, chính quyền thành phố Hà Giang đã luôn quan tâm tới việc sưu tầm, phục dựng các lễ hội văn hóa dân tộc; tập trung hỗ trợ bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc tại các LVHDLCD gắn với phát triển du lịch: Hỗ trợ các Làng VHDLCD giữ gìn, bảo tồn các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể để phục vụ phát triển du lịch như: bảo tồn kiến trúc nhà ở truyền thống; hỗ trợ cho đội văn nghệ dân gian của thôn; hỗ trợ, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị âm thanh ánh sáng, trang phục, nhạc cụ, đạo cụ... phục vụ cho các hoạt động văn hóa văn nghệ của nhân dân tại nhà văn hóa thôn sưu tầm các làn điệu dân ca, dân vũ, nhạc cụ, lễ hội truyền thống; thành lập đội văn nghệ dân gian thôn; xây dựng kế hoạch, lên các chương trình tổ chức tập luyện và biểu diễn phục vụ khách du lịch; xây dựng công trình vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch; Hỗ trợ xây dựng chòi vọng cảnh; hỗ trợ xây dựng thí điểm gian hàng trưng bày, giới thiệu và bán các sản phẩm văn hóa, trang phục truyền thống tại các nhà văn hóa; hỗ trợ nâng cấp các dịch vụ phục vụ khách du lịch... Qua đó, đã đạt được một số kết quả khả quan như sau:

- Triển khai thực hiện Đề án số 1101/ĐA-UBND ngày 19/5/2021 của UBND thành phố về xây dựng làng văn hóa du lịch tiêu biểu thôn Tha, xã Phương Độ, thành phố Hà Giang giai đoạn 2022-2025: Đã tiến hành thẩm định, hỗ trợ 02 hộ gia đình bảo tồn mái lá cọ với số tiền là: 20.000.000đ (*trong quý I năm 2023 đã rà soát đăng ký hỗ trợ 12 hộ bảo tồn mái lá cọ*). Cấp 174.000.000đ thực hiện sửa chữa nhà trưng bày sản phẩm thôn Tha và cải tạo giếng làng; hiện nay đang hoàn thiện các tiêu chí để lập hồ sơ đề nghị công nhận sản phẩm OCOP cộng đồng đối với Làng văn hóa du lịch cộng đồng thôn Tha, xã Phương Độ.

- Triển khai thực hiện Đề án số 1551/ĐA-UBND ngày 30/7/2021 về bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc Dao trên địa bàn thành phố Hà Giang giai đoạn 2021-2025: Đã thành lập 8 đội văn nghệ dân gian thuộc 8 thôn đồng bào dân tộc Dao sinh sống với 120 thành viên, trang cấp 8 bộ loa kéo trị giá 48.500.000đ, 120 bộ trang phục dân tộc trị giá 156.000.000đ.

- Khảo sát, thẩm định lập danh sách đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hỗ trợ, đầu tư các hạng mục (*bảo tồn kiến trúc nhà ở, nâng cao chất lượng dịch vụ... với tổng kinh phí đề xuất hỗ trợ: 1.010.000.000đ*) tại thôn Khuổi My đủ điều kiện tiếp cận chính sách theo Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án “Bảo tồn văn hóa truyền thống và nâng cao chất lượng dịch vụ các làng văn hóa du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2025”.

- Triển khai lập quy hoạch chi tiết Làng văn hoá du lịch cộng đồng thôn Tha, xã Phương Độ gắn với phát triển du lịch và xây dựng Nông thôn mới; xây dựng và thực hiện Phương án phát triển du lịch sinh thái kết hợp với nông nghiệp 4 thôn Nà Thác, Khuổi My, Lũng Vài và thôn Tha để đầu tư xây dựng phục vụ phát triển du lịch. Duy trì 21 sản phẩm Ocop của 07 chủ thể là doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh cá thể đã được UBND tỉnh công nhận đạt 3 sao, tăng cường quảng bá xúc tiến thương mại – du lịch đối với các sản phẩm Ocop trên kênh bán hàng trực tuyến (*gồm nhóm sản phẩm đồ uống; sản phẩm thịt treo; bánh chưng gù; rượu*). Tạo điều kiện cho các DN-HTX trưng bày quảng bá tại các gian hàng trong các sự kiện xúc tiến thương mại - du lịch của tỉnh và thành phố...

- Phục dựng các Lễ hội truyền thống như: Lễ cấp sắc, Lễ hội Bàn Vương, Lễ cúng Thần Rừng của đồng bào dân tộc Dao; Lễ hội Lòong Tồng, Hội Lầu Then (*Bjooc Ma*) của đồng bào dân tộc Tày; chỉ đạo mỗi làng văn hóa du lịch cộng đồng thành lập 01 đội văn nghệ dân gian; phục dựng các làn điệu hát múa truyền thống như (*đàn tính, hát cọi, hát múa then cổ, múa quạt, hát giao duyên...*); trong mùa lễ hội thường tổ chức các hoạt động văn hóa, các trò chơi dân gian: Đánh sảng, đánh yến, đi cà kheo, tung còn, bắn nỏ...

- Nghiên cứu xây dựng, phát triển một số sản phẩm du lịch mới nhằm phục vụ nhu cầu của du khách như: Tổ chức thành công Ngày hội “*Văn hóa du lịch dân tộc Dao*” lần thứ nhất năm 2022; Lễ hội “*Ấm thực dân tộc Dao*” lần thứ nhất năm 2023; Liên hoan các Làng văn hóa du lịch cộng đồng hằng năm. Thường xuyên phối hợp với các huyện bạn tổ chức các chương trình giao lưu giữa các Làng văn hóa du lịch cộng đồng. Thành lập và ra mắt đoàn nghệ thuật quần chúng thành phố Hà Giang (*thường xuyên biểu diễn tại quảng trường 26/3 gắn với sinh hoạt văn hóa cộng đồng để phục vụ khách du lịch và nhân dân*).

- Tăng cường quảng bá du lịch thành phố nói chung, du lịch tại các Làng VHDLCD nói riêng trên các phương tiện truyền thông số như: Kênh truyền hình quốc gia VTV1, VTV4, V0V2, kênh truyền hình địa phương HGTV, trên trang thông tin điện tử thành phố, Facebook, Youtube; ra mắt và quảng bá tới người dân, du khách về mã QR code trải nghiệm mô hình du lịch thực tế ảo khám phá thành phố Hà Giang – *hagiang360.vn* (*trong đó tập trung giới thiệu về bản sắc, cảnh quan thiên nhiên của các Làng văn hoá du lịch cộng đồng*). Triển khai xây dựng bản đồ tour tuyến kết nối các điểm du lịch trên địa bàn thành phố theo Phương án số 2685/PA-UBND ngày

09/11/2022 (đã lắp 02 bản đồ tâm lớn tại cột mốc Km0 và cổng chào thành phố để phục vụ du khách).

Lượt khách du lịch đến với các Làng VHDLCD trên địa bàn thành phố không ngừng tăng lên theo từng năm: Năm 2021 đạt 11.521 lượt khách, doanh thu ước đạt 8,06 tỷ đồng, năm 2022 đạt 122.986 lượt khách, doanh thu ước đạt 86 tỷ đồng. Trong quý I năm 2023 đạt 52.279 lượt khách, doanh thu ước đạt 18,26 tỷ đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phát triển làng văn hoá du lịch cộng đồng gắn với phát triển du lịch trên địa bàn thành phố còn tồn tại một số hạn chế như:

- Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa thật sự quan tâm và chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển du lịch nói chung, du lịch cộng đồng nói riêng;

- Nhận thức của nhân dân về vai trò của du lịch trong phát triển kinh tế còn hạn chế, tiếp xúc các thông tin còn chậm;

- Nguồn kinh phí xây dựng làng văn hóa du lịch tiêu biểu chưa đáp ứng thực tế; chưa khai thác được không gian làng nghề truyền thống, chưa xây dựng được sản phẩm du lịch đặc trưng; vẫn còn tình trạng một số chuồng trại chăn nuôi gia súc còn để gần nhà ở, khu vệ sinh chưa đạt yêu cầu, ảnh hưởng đến việc phục vụ khách du lịch;

- Một số hộ làm Homestay còn thiếu các kỹ năng phục vụ, giao tiếp với khách nước ngoài; người dân mới chỉ chú trọng nấu các món ăn địa phương, chưa sáng tạo trong chế biến các món ăn cho khách nước ngoài; một bộ phận nhân dân vẫn còn tình trạng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước; người dân chưa mạnh dạn đầu tư các dịch vụ thu hút khách du lịch, tham gia hoạt động du lịch mới dừng lại ở mức độ nhỏ lẻ, chưa liên kết thành chuỗi dịch vụ khép kín...

Để phát huy được những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế còn tồn tại. Từ thực tiễn triển khai thực hiện phát triển làng văn hóa du lịch cộng đồng gắn với phát triển du lịch trong thời gian qua. Thành phố Hà Giang đã đề ra những giải pháp như sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá tiềm năng, sản phẩm, tài nguyên du lịch nhằm thu hút lượng khách ngày càng đông góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hình ảnh du lịch cộng đồng trong và ngoài nước; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền nhằm chuyển đổi nhận thức cho người dân về xây dựng các làng văn hóa du lịch cộng đồng và các sản phẩm du lịch từ yêu cầu sang nhu cầu, từ phải làm sang muốn làm...

Thứ hai, kêu gọi thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch tại các Làng văn hóa du lịch cộng đồng (trên cơ sở không làm phá vỡ cảnh quan thiên nhiên, những nét văn hoá truyền thống), không cho phép thực hiện các dự án không phù hợp với cảnh quan, kiến trúc, tập quán truyền thống của địa phương, đồng thời phát triển

thêm các sản phẩm du lịch, dịch vụ mới để phục vụ khách như: Trải nghiệm trồng cây, thu hoạch nông sản, học cách chế biến món ăn của đồng bào dân tộc...

Thứ ba, trong phát triển Làng VHDLCD gắn với phát triển du lịch thì cần phải đề cao tính cộng đồng, phải có được sự tham gia rộng rãi của người dân, người dân phải trở thành chủ thể, được đảm bảo lợi ích. Phải có sự liên kết chặt chẽ về quyền lợi và nghĩa vụ giữa Nhà nước, người dân tham gia làm du lịch, doanh nghiệp du lịch và nhà tư vấn.

Thứ tư, phát triển làng VHDLCD du lịch cộng đồng phải gắn với những nét văn hóa đặc sắc của địa phương, tránh trùng lặp, tràn lan như kinh nghiệm của một số nơi phát triển du lịch cộng đồng một cách ồ ạt, sản phẩm du lịch giống nhau dẫn đến tour tẻ nhạt, mất dần bản sắc. Di sản văn hóa là nguồn lực cho du lịch cộng đồng phát triển. Và ngược lại, du lịch càng phát triển thì càng khuyến khích người dân bảo tồn được di sản văn hóa truyền thống (*vật thể và phi vật thể*) của dân tộc mình.

Thứ năm, chú trọng công tác đào tạo kỹ năng giao tiếp, nắm tâm lý du khách, chuyên môn buồng, phòng, nấu ăn, phong cách phục vụ, nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch và các hộ làm dịch vụ lưu trú Homestay tại các Làng VHDLCD đáp ứng yêu cầu phục vụ khách du lịch.

Để kết thúc phần tham luận của mình, tôi trân trọng kính đề nghị đến các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị tiếp tục quan tâm hơn nữa cho lĩnh vực du lịch, xem phát triển du lịch là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời và chặt chẽ của các cấp ủy đảng; chú trọng phát huy vai trò của doanh nghiệp và cộng đồng dân cư; tăng cường sự quản lý điều hành của nhà nước về đầu tư nguồn lực cho phát triển du lịch. Có như thế thì du lịch Hà Giang sẽ không ngừng phát triển và chắc chắn sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong tương lai.

THAM LUẬN

Công tác tuyên truyền bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện

Ban Tuyên giáo Huyện ủy Hoàng Su Phì

Hoàng Su Phì là huyện vùng cao biên giới phía tây của tỉnh Hà Giang. Về địa giới hành chính, huyện Hoàng Su Phì được chia thành 23 xã và 1 thị trấn với 199 thôn bản, trong đó có 4 xã biên giới với tổng chiều dài đường biên là 41,421 km. Đây là nơi sinh sống của 14.642 hộ, 69.423 khẩu thuộc trên 13 dân tộc, trong đó dân tộc Nùng chiếm đa số với 38%; Dao 20,2%; Mông 12,6%; Tày 15,3%; La Chí 6,1%; Kinh 4,4%; Hán 1,25%; Cờ Lao 1,6,%; Phù Lá 0,3%; Cao Lan 0,14%; Mường 0,09%; còn lại là một số dân tộc khác chiếm tỷ lệ 0,07%.

Hoàng Su Phì là một trong 74 huyện nghèo giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó có tới 21/24 xã, thị trấn của huyện thuộc diện đặc biệt khó khăn. Do vị trí địa lý của huyện nằm cách xa trung tâm hành chính của tỉnh và các thành phố lớn, nghèo tài nguyên khoáng sản nên công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện không phát triển. Lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu kinh tế của huyện và mang nặng tính tự cấp, tự túc. Sản xuất nông nghiệp ở huyện Hoàng Su Phì chủ yếu là trồng lúa, hoa màu kết hợp với chăn nuôi gia cầm, gia súc, đặc biệt cây chè là cây công nghiệp chính của huyện và là một trong những khu vực sản xuất, chế biến chè nổi tiếng của tỉnh.

Sự đa dạng về thành phần dân tộc cùng với điều kiện khó khăn về kết cấu hạ tầng, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, trải qua một quá trình hàng ngàn năm sinh sống, cộng đồng các dân tộc trong huyện đã tạo dựng, bồi đắp nên những giá trị văn hóa truyền thống độc đáo và phong phú, phản ánh mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội của mỗi tộc người. Đó là những tri thức dân gian về sản xuất mùa vụ, những quan niệm ứng xử giữa người với người, giữa người với thế giới tự nhiên, các phong tục tập quán, những sinh hoạt văn hóa độc đáo và riêng có. Đóng góp và làm phong phú thêm bức tranh về văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Trong những năm qua, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc trong huyện Hoàng Su Phì luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm, chỉ đạo trong suốt quá trình lãnh đạo, điều hành xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, coi đó là một trong những nhiệm vụ được ưu tiên thực hiện. Việc triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như ban hành và thực hiện các cơ chế trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa của các dân tộc đã góp phần quan trọng trong việc phát triển đời sống kinh tế, xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng của huyện.

Căn cứ Chương trình số 62 - CTr/TU ngày 29/3/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển văn hóa gắn với du lịch, giai đoạn 2013 - 2020 và các chương trình, kế hoạch, các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, Cấp ủy, chính quyền huyện đã ban hành nhiều văn bản và chỉ đạo triển khai thực hiện trong việc duy trì, bảo tồn, phục dựng và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc của địa phương để khai thác, phát triển du lịch. Tiêu biểu là: Năm 2013 Ban chấp hành Đảng bộ huyện (khóa XIX, nhiệm kỳ 2010 - 2015) đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/HU ngày 26-6-2013 về phát triển văn hóa gắn với du lịch giai đoạn 2013 - 2020, năm 2014 Ban thường vụ Huyện ủy ban hành Đề án số 09-ĐA/HU ngày 03/12/2014 về Phát huy vai trò của Hội nghệ nhân dân gian tham gia xây dựng phát triển văn hoá dân tộc, bài trừ hủ tục tập quán lạc hậu trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì 2015 - 2020. Năm 2016 UBND huyện ban hành Đề án số 03 ngày 16/6/2016 về Phát triển văn hóa gắn với du lịch huyện Hoàng Su Phì giai đoạn 2015 - 2020. Năm 2019 ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 18/01/2019 của UBND huyện về phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá các dân tộc và tài nguyên thiên nhiên Hoàng Su Phì giai đoạn 2019 - 2021, định hướng đến năm 2030. Năm 2020 Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Đề án số 06 ngày 26/02/2021 của BTV Huyện ủy về phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc, bảo vệ cảnh quan môi trường giai đoạn 2021 - 2025.

Cùng với đó, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan, các xã, thị trấn tiến hành rà soát lập đề án xây dựng 05 Làng văn hóa du lịch tại các thôn trong các vùng di sản, danh thắng và các vùng đồng bào dân tộc thiểu số có những nét văn hóa đặc trưng, tạo thành những điểm và tuyến du lịch đồng bộ với những sản phẩm riêng có và độc đáo về văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc, mỗi vùng miền, qua đó tạo bước đột biến về lượng du khách đến tham quan ăn nghỉ tại huyện trong những năm qua.

Cùng với việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện. Cấp ủy huyện cũng quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch đã ban hành trong việc duy trì, bảo tồn, phục dựng và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc của cộng đồng các dân tộc trong huyện. Việc tổ chức Ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc và Đại hội thể dục thể thao cấp huyện theo định kỳ 4 năm/lần, đặc biệt là từ năm 2014 đến nay, việc tổ chức Tuần văn hóa du lịch theo định kỳ hàng năm gắn với dịp lúa chín với nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ dân gian, các lễ hội, lễ thức tiêu biểu đã tạo môi trường tích cực và thuận lợi cho nhân dân các dân tộc trong huyện trong việc giới thiệu, phát huy các giá trị bản sắc các dân tộc, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống văn hóa, đồng thời giới thiệu với đông đảo bạn bè trong và ngoài tỉnh và để thu hút khách du lịch đến với huyện.

Công tác bảo tồn, phục dựng và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc của huyện được Cấp ủy huyện đặt biệt quan tâm chỉ đạo. Ngay từ năm 2011,

nhiều lễ hội, lễ thức văn hóa dân gian độc đáo của các dân tộc đã được phục dựng và duy trì, trở thành những sinh hoạt văn hóa truyền thống không thể thiếu trong đời sống của cộng đồng các dân tộc trong huyện. Các Lễ hội truyền thống ở các xã, thị trấn được tổ chức thường xuyên như Lễ hội Gầu Tào của dân tộc Mông, Lễ hội cúng rừng vùng đồng bào dân tộc Nùng, Lễ hội quyās hiêng, lễ hội Bàn Vương của dân tộc Dao, Tết Khu Cù Tê của dân tộc La Chí, Hội hiếu đèn Vinh Quang, lễ hội cầu may đèn Suối Thầu, lễ hội cúng Hoàng Văn Thùng của dân tộc Cờ Lao xã Túng Sán được tổ chức hàng năm đảm bảo an toàn, tiết kiệm và có ý nghĩa, góp phần giáo dục văn hóa truyền thống, tinh thần đoàn kết trong nhân dân. Trong đó có nhiều lễ thức, lễ hội nghề truyền thống đã được kiểm kê, lập hồ sơ trình Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Văn hóa phi vật thể Quốc gia như: Lễ hội Quyās Hiêng của dân tộc Dao xã Hồ Thầu, Tết Cu cù tê của dân tộc La Chí, lễ cúng Rừng (*Mo Đổng Trư*) của dân tộc Nùng, nghề chạm khắc bạc của dân tộc Nùng xã Nàng Đôn, Pờ Ly Ngài.

Tại các thôn bản, hàng năm đều duy trì các lớp truyền dạy chữ nho và chữ nôm, tiêu biểu là các xã Bản Luốc, Nậm Ty, Hồ Thầu, Thông Nguyên... trong các năm từ năm 2016 - 2022 đã mở được 21 lớp với 370 học viên theo học. Ngoài việc học chữ, các lớp còn truyền dạy các giá trị văn hóa truyền thống như mối quan hệ ứng xử trong giao tiếp, nguồn gốc gia phả dòng tộc, các tri thức dân gian, các làn điệu dân ca dân vũ, qua đó góp phần tích cực trong việc bảo tồn phát huy những giá trị văn hóa trong cộng đồng nhân dân các dân tộc trong huyện.

Nhằm phát huy vai trò to lớn của các tầng lớp nhân dân trong việc bảo tồn các vốn văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trong huyện, xây dựng đời sống văn hoá lành mạnh và ổn định tình hình ngay tại cơ sở, ngày 21/3/2003 Ban thường vụ Huyện ủy đã ban hành Kết luận số 43/KL/HU về việc thành lập Hội nghệ nhân dân gian tại các xã trong huyện, tháng 7 năm 2013 huyện đã chỉ đạo thành lập điểm hội nghệ nhân dân gian tại xã Hồ Thầu gồm những hạt nhân văn hoá, thầy lang có uy tín trong cộng đồng và nắm giữ nhiều tri thức văn hoá của nhân dân các dân tộc trên địa bàn. Tháng 6 năm 2006 huyện đã tiến hành sơ kết và nhân rộng ra 25/25 xã trên toàn huyện. Hiện nay toàn huyện đã có 831 hội viên tham gia sinh hoạt tại 24 Hội nghệ nhân dân gian tại các xã, thị trấn.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hội nghệ nhân dân gian, từ năm 2011, huyện đã triển khai cơ chế hỗ trợ với mức 5 triệu đồng/xã, trong đó hỗ trợ hoạt động phí đối với chủ tịch hội là 100.000đ/tháng, phó chủ tịch hội 70.000đ/tháng, thư ký hội 40.000/tháng. Về công tác quản lý: huyện giao cho Ủy ban mặt trận Tổ quốc huyện quản lý giám sát chung, Ủy ban MTTQ các xã trực tiếp quản lý, hướng dẫn hoạt động của các hội trên địa bàn mình.

Qua thực tế hoạt động, các hội nghệ nhân dân gian đã đi đầu trong công tác bảo tồn phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, bài trừ các hủ tục lạc hậu theo tinh thần Chỉ thị số 09 và Nghị quyết số 27 của Tỉnh ủy, được Ban Thường vụ Huyện ủy cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 27/7/2022 của Ban

Chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện xoá bỏ hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân các dân tộc huyện Hoàng Su Phì giai đoạn 2022 - 2025 định hướng đến năm 2030. Từ đó các hủ tục lạc hậu như làm ma to, thách cưới lớn, để người chết trong nhà lâu ngày đến nay đã giảm hẳn. Các hội nghề nhân dân gian còn tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, hoạt động của Hội gắn với các bản quy ước của Làng văn hoá nên đã đem lại kết quả rõ rệt, uy tín và tiếng nói của các hội viên luôn được đông đảo nhân dân coi trọng và nghe theo, vì vậy đã góp phần tích cực trong việc bảo đảm an ninh trật tự ngay tại cơ sở, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, góp phần bảo tồn và phát huy vốn văn hoá truyền thống độc đáo của nhân dân các dân tộc.

Cấp ủy và chính quyền huyện đã chỉ đạo và triển khai có hiệu quả việc đưa văn hóa truyền thống vào truyền dạy trong các nhà trường. Ngoài sự tham gia giảng dạy của các giáo viên, các nhà trường và UBND các xã đã có sự phối hợp tích cực trong việc bố trí các nghệ nhân dân gian tham gia truyền dạy văn hóa truyền thống cho các em học sinh. Tiêu biểu là các xã Hồ Thầu, Bản Páo, Bản Phùng, Thông Nguyên. Tổ chức cho học sinh tìm hiểu và bảo tồn các bài hát, điệu múa của dân tộc Dao, Tày, Nùng, Cờ Lao, Mông, La Chí... các nghề truyền thống như trồng bông dệt vải may trang phục của xã Bản Phùng, thêu thổ cẩm của xã Bản Máy, Nậm Ty, Thông Nguyên, Thèn Chu Phìn, Chiến Phố... Các Nhà trường cũng đã xây dựng các góc, phòng văn hóa truyền thống để giáo dục và lưu trữ các giá trị văn hóa của địa phương về trang phục, các lễ hội, các nông sản địa phương, các đồ dùng để nhân dân lao động sản xuất...

Cấp ủy, chính quyền huyện đặc biệt quan tâm công tác thống kê, rà soát và lập hồ sơ đề nghị các cấp ra quyết định xếp hạng các di tích, di sản, danh thắng và đưa vào danh mục Văn hóa phi vật thể quốc gia. Đến nay, toàn huyện đã có 11 di tích, di sản được xếp hạng, trong đó có 4 di tích cấp tỉnh và 1 di tích vật thể, 7 di tích văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia. Ngoài ra còn nhiều sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng độc đáo của nhân dân các dân tộc trong huyện có nguy cơ bị mai một đã được giới thiệu với Trung ương và các ngành chức năng của tỉnh để phục dựng, bảo tồn như Lễ cúng Ao tiên thôn Thượng xã Đản Ván, lễ cúng Hoàng Vân Thùng của cộng đồng dân tộc Cờ Lao thôn Tà Chải xã Túng Sán, lễ nhảy bói của dân tộc Dao áo dài xã Nam Sơn, lễ báo hiếu của dân tộc Nùng xã Phố Lô.

Đối với các di sản văn hóa phi vật thể, sau khi được Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch đưa vào danh mục văn hóa phi vật thể Quốc gia, Cấp ủy, Chính quyền từ huyện đến các xã đã chỉ đạo duy trì tổ chức đúng với phong tục, nghi thức truyền thống, không cải biên hoặc thêm bớt các quy trình tổ chức các lễ thức, lễ hội, qua đó giáo dục ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, khơi dậy lòng tự hào dân tộc và tinh thần đoàn kết cộng đồng trong nhân dân.

Công tác xã hội hóa trong hoạt động bảo vệ và phát huy các giá trị bản sắc văn hoá các dân tộc được cấp ủy và chính quyền địa phương từ huyện đến cơ sở nhận thức đúng đắn, chỉ đạo sâu sát, vận động tuyên truyền nên đa số nhân dân đã hiểu được về công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, đã đóng góp nhiều công sức, vật chất cho công tác bảo tồn, gìn giữ, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn huyện. Đông đảo nhân dân tham gia các hoạt động lễ hội truyền thống, các nghệ nhân tích cực truyền dạy các giá trị văn hoá của dân tộc mình cho thế hệ sau.

Xuất phát từ những tiềm năng lợi thế về văn hóa, trong những năm qua huyện Hoàng Su Phì đã tập trung khai thác những giá trị văn hóa truyền thống để phát triển du lịch theo hướng bền vững, đó là việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa như bảo tồn cảnh quan kiến trúc, làng bản, nghề và làng nghề truyền thống, tổ chức các lễ thức, lễ hội văn hóa liên quan đến tập quán canh tác nông nghiệp theo nghi thức truyền thống và các làn điệu dân ca dân vũ, trò chơi dân gian, ẩm thực địa phương để khách du lịch vừa tham quan đồng thời có thể trải nghiệm. Bên cạnh đó huyện cũng đặc biệt quan tâm đến vai trò của người dân, tạo điều kiện cho họ được tham gia kinh doanh du lịch để từ đó phát huy được thế mạnh riêng có của địa phương trong lĩnh vực này. Hiện nay, một số làng văn hóa du lịch của huyện đã được khách du lịch trong và ngoài nước biết đến, trong đó có làng văn hóa du lịch thôn Nậm Hồng xã Thông Nguyên và thôn Na Lúng xã Bản Phùng đã được bình chọn là 2 trong 18 làng du lịch của 21 nền kinh tế APEC được Ban Thư ký APEC chọn quảng bá giới thiệu du lịch trên website APEC.

Từ thực tế công tác duy trì, bảo tồn, phục dựng và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc của huyện Hoàng Su Phì gắn với phát triển du lịch những năm qua cho thấy mặc dù đã đạt được nhiều kết quả, nhưng trên thực tế, công tác này vẫn còn không ít những khó khăn, bất cập. Do điều kiện kinh tế - xã hội của huyện là địa phương vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều nên việc huy động nguồn lực vật chất của Cấp ủy chính quyền và của chính bản thân đồng bào trong việc duy trì, bảo vệ những giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể vẫn còn hạn chế. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc chưa được khai thác để phát triển du lịch.

Trong xu thế phát triển du lịch hiện nay trên thế giới cũng như trong nước đang hướng đến các loại hình dịch vụ du lịch thân thiện với môi trường, du lịch địa phương. Để phát triển du lịch theo hướng bền vững, huyện Hoàng Su Phì xác định hai mũi nhọn chính trong lĩnh vực của huyện này là du lịch sinh thái và du lịch văn hóa cộng đồng. Từ đó tập trung khai thác tiềm năng thế mạnh về cảnh quan như danh thắng ruộng bậc thang, vườn chè cổ thụ, thiên nhiên hoang sơ, các làng bản truyền thống... gắn với đó là việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa như bảo tồn cảnh quan kiến trúc, làng bản, nghề và làng nghề truyền thống, tổ chức các lễ thức, lễ hội văn hóa liên quan đến tập quán canh tác nông nghiệp theo nghi thức truyền thống và các làn điệu dân ca dân vũ, trò chơi dân gian, ẩm thực địa phương để khách du lịch

vừa tham quan đồng thời có thể trải nghiệm. Bên cạnh đó huyện cũng đặc biệt quan tâm đến vai trò của người dân, tạo điều kiện cho họ được tham gia kinh doanh du lịch. Để từ đó phát huy được thế mạnh riêng có của địa phương trong lĩnh vực này.

Để công tác này đạt được hiệu quả trong thời gian tới, huyện Hoàng Su Phì đề xuất một số vấn đề sau:

1. Việc ban hành và triển khai thực hiện các chính sách, cơ chế trong việc duy trì, bảo tồn, phục dựng và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc để phục vụ phát triển du lịch phải theo hướng cơ bản, đồng bộ, lâu dài. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay, cần có các cơ chế, chính sách cụ thể tập trung vào lĩnh vực bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc như đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số của địa phương, duy trì và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao truyền thống. Có chính sách đặc thù để thu hút các nguồn đầu tư từ xã hội hóa để phát triển du lịch của địa phương vùng cao miền núi, trong đó có huyện Hoàng Su Phì.

2. Trong thời gian tới cần triển khai thực hiện tốt 3 chương trình mục tiêu Quốc gia, trong đó cần đặc biệt chú trọng việc triển khai Dự án số 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 88 của Quốc hội. Ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn để triển khai thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra.

3. Các cấp ủy, chính quyền cần quan tâm hỗ trợ trong việc duy trì tổ chức các lễ thức, lễ hội văn hóa truyền thống, các làn điệu dân ca, dân vũ của các dân tộc gắn với phát triển du lịch. Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho đồng bào thông qua việc xây dựng, tổ chức hoạt động của các đội văn nghệ quần chúng. Đồng thời, tỉnh cần quan tâm hỗ trợ tổ chức tốt các kỳ cuộc văn hóa thể thao và du lịch quy mô cấp tỉnh và cấp huyện theo định kỳ như Đại hội thể dục thể thao, ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc, Tuần văn hóa du lịch... để tạo điều kiện cho cộng đồng các dân tộc trong huyện có điều kiện trao đổi giao lưu văn hóa, qua đó góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nhân dân.

4. Tăng cường tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ đồng bào nhân dân các dân tộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng dân tộc thiểu số thông qua việc củng cố về tổ chức các đội văn nghệ quần chúng tại các thôn bản, đặc biệt là các làng văn hóa du lịch và xây dựng các chương trình văn nghệ dân gian, bảo tồn khai thác và trình diễn các lễ thức lễ hội văn hóa, trò chơi dân gian truyền thống, các làn điệu dân ca dân vũ theo hình thức sân khấu hóa để biểu diễn phục vụ (*có thu tiền*) cho khách du lịch.

5. Phát huy tốt vai trò của các hạt nhân văn hóa, văn nghệ, các hội viên Hội nghệ nhân dân gian các xã, thị trấn trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa

truyền thống các dân tộc. Tiếp tục đẩy mạnh việc đưa văn hóa truyền thống vào truyền dạy trong các nhà trường. Có hình thức khen thưởng, động viên, hỗ trợ cho các nghệ nhân, Người có uy tín trong cộng đồng tham gia các hoạt động truyền dạy văn hóa truyền thống trong các nhà trường và trong cộng đồng để phục vụ Nhân dân các dân tộc trên địa bàn.

6. Quan tâm đầu tư hỗ trợ trong việc tu bổ, tôn tạo các điểm tâm linh tín ngưỡng, các di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng, phối hợp với các ngành của tỉnh và Trung ương trong việc mở các lớp truyền dạy, bảo tồn văn hóa truyền thống cho các nghệ nhân và con em người địa phương. Tiếp tục khảo sát lập hồ sơ trình Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch đưa vào danh mục văn hóa phi vật thể Quốc gia các lễ thức, lễ hội văn hóa các dân tộc trên địa bàn huyện.

THAM LUẬN

Bảo tồn văn hóa người Dao trong hội nhập và phát triển du lịch

*Triệu Đức Thanh, nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy,
nguyên Chủ tịch HĐND tỉnh, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh,
thành viên Tổ Tư vấn của tỉnh*

Chúng ta đều biết thời đại của thế kỷ hai mươi mốt là thời kỳ xã hội phát triển theo xu thế chung là hội nhập và phát triển không ngừng.

Mọi dân tộc, mọi quốc gia nói chung và mọi dân tộc dù đa số hay thiểu số đều là con người của thời kỳ phát triển theo sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật hiện đại, tiên tiến, tinh vi của một nền văn minh vũ trụ, kỷ nguyên mới. Trong xu thế chung đó mọi dân tộc quốc gia hay dân tộc thiểu số nào đó đều trong guồng máy chuyển động đi lên tiến tới nền văn minh tiến bộ của một kỷ nguyên mới, trong đó có người Dao cũng như các dân tộc khác. Trong phạm vi hôm nay tôi xin phép đề cập “trước tình hình hội nhập nhanh chóng, người Dao cần làm gì để lưu giữ, bảo tồn, phát huy phục vụ cho xu thế phát triển du lịch theo thời đại văn minh tiến bộ”.

Người Dao ở Việt Nam có tới 80 vạn người và có mặt cư trú cả 63 tỉnh thành, từ trên 1.000 người có 26 tỉnh thành, trong đó tỉnh Hà Giang là tỉnh có đông người Dao nhất, đứng đầu toàn quốc với 127.181 người, sau Hà Giang đến Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái... Người Dao ở Hà Giang có 4 ngành gồm Dao Áo Dài, Dao Đại Bản, Dao Tiểu Bản và Dao Quần Trắng, cư trú đủ cả 9 huyện và thành phố Hà Giang.

Đặc điểm riêng của người Dao từ ngàn xưa đã có Bàn Vương là tổ tiên từ hơn 8.000 năm và lễ cấp sắc cho người con trai để nối dõi tông đường, ngoài ra có các lễ cầu do thiên tai, hỏa hoạn gây ra ví dụ: Cầu hồn, cầu mưa, cầu phúc, cầu lộc, cầu khẩn rừng thần, người Dao cũng như nhiều dân tộc khác có lễ cưới cho con cái, làm ma cho ông bà cha mẹ quá cố với nhiều nghi thức cầu kỳ và tốn kém.

Trước sự phát triển của đất nước nói chung, cuộc sống của người Dao ngày càng phát triển, đổi mới và ngày hôm nay người Dao cũng có một cuộc sống khác xa ngày xưa, ví dụ: Đường giao thông, điện lưới quốc gia, sự nghiệp giáo dục, y tế, thông tin liên lạc bằng điện thoại là thông tin cực nhanh. Về văn hóa, văn học, nghệ thuật cũng được mở mang phát triển, lễ cúng Bàn Vương thành lễ hội Bàn Vương, lễ cấp sắc thành lễ hội v.v... lễ cưới cũng được đổi mới theo nếp sống mới là không do bố mẹ áp đặt mà do đôi trai gái tự tìm hiểu nên thủ tục ăn hỏi, cưới xin được giảm bớt.

Trước xu thế du lịch phát triển, người Dao đã kịp thời nắm bắt và tổ chức các mô hình du lịch gia đình làm Homestay đến làng văn hóa hay khu nhà nghỉ Homestay với nhiều mô hình phong phú thu hút được nhiều du khách đến tham quan, vui chơi, nghỉ mát và thưởng thức văn hóa nghệ thuật dân gian, văn minh, tiến bộ và

phong phú về thể loại - ví dụ làng văn hóa Thanh Sơn với sản phẩm giấy bản kết hợp ăn, ngủ và trang phục người Dao hay làng văn hóa Nậm Hồng, Nậm Giàng, Phìn Hồ (Thông Nguyên), khu nhà Homestay và nhà bayglâu (Hồ Sán - Tân Phong) Hồ Thầu khu nhà tắm nước nóng (nước khoáng) của người Dao ở Nậm Chong (xã Quảng Nguyên), làng văn hóa dân tộc Dao Nậm Đăm (xã Quán Bạ) vv... có thể nói đồng bào Dao cùng các dân tộc khác trong tỉnh đã sớm nắm bắt xu thế của thời kỳ đầu của kỷ nguyên mới kinh tế phát triển cùng với phát triển du lịch, đã có những việc làm phù hợp với xu thế mới.

Cùng với guồng quay của bánh xe lịch sử quay đều đặn sáng rồi lại tối, cứ thế ngày này qua đi ngày mới lại đến làm cho con người sống trên trái đất này quay cùng hành tinh, quỹ đạo, không ai cưỡng lại được mà phải đi cùng hành tinh với chu kỳ của mặt trăng, mặt trời. Do đó mọi dân tộc đều phải suy nghĩ, làm gì để con người tiến theo nhịp sống của thời đại mới (kỷ nguyên mới của loài người). Người Dao là một dân tộc có cả nền văn hóa, văn minh đã có từ ngàn năm nay, trước xu thế của thời đại mới, mọi dân tộc đều sống với một trình độ văn minh, tiến bộ, biết xem xét những gì còn phù hợp thì lưu giữ, bảo tồn và phát huy đồng thời biết nhận ra những gì tuy đã có từ lâu mang tính truyền thống nhưng không còn phù hợp, thậm chí đã trở thành hủ tục lạc hậu.

Tôi xin nêu một số phong tục, tập quán mang tính nét văn hóa, văn minh cần được lưu giữ, bảo tồn và phát huy đó là:

- Các sắc phục của người Dao rất phong phú, đa dạng vì người Dao có 9 ngành, mà mỗi ngành có trang phục riêng biệt, cả tiếng nói cũng vậy, mỗi ngành Dao có âm thanh riêng của mình, cần phải lưu giữ để nhận biết sự khác nhau giữa các ngành.

- Bàn vương là sư tổ của người Dao, lễ cúng Bàn Vương mỗi nơi một khác đều do tôn kính Bàn Vương người cứu dân tộc Dao thoát khỏi ách áp bức, bóc lột của vương quốc khác, ngày nay nhiều nơi đã tổ chức thành lễ hội Bàn Vương (Quảng Ninh), Hoàng Su Phì, Ngọc Đường của thành phố Hà Giang v.v...

- Lễ cưới của người Dao được tổ chức khá đơn giản, không cầu kỳ, nhất là từ khi các con tự tìm hiểu yêu nhau dẫn đến báo cáo bố mẹ và yêu cầu bố mẹ đứng ra tổ chức đám cưới đã giảm được các bước dạm ngõ, quyết định cưới hay không ?

- Lễ tang của người Dao được tiến hành theo từng ngành, nhiều ngành chủ yếu đào sâu chôn chặt một lần, không cải mả, riêng Dao Chàm (Áo Dài) có thiêu và làm ma khô, toàn bộ đều được cho người vào áo quan rồi mới làm ma (trừ người được thiêu). Nhìn chung đảm bảo vệ sinh và không tốn kém nhiều của cải, vật chất.

- Việc xem sách để so tuổi đôi trai gái hay chọn ngày lành tháng tốt an táng người qua đời. Đã từng xảy ra để kéo dài, từ khi có quy ước mới, nhiều thầy đã biết chọn giờ tốt trong ngày xấu để an táng đã không bị kéo dài ngày. Cá biệt có thầy cứng nhắc chỉ thấy ngày xấu, không chọn giờ tốt trong ngày xấu nên phải kéo dài, bị

người ta chê thầy không khéo, chưa khôn nên bị vi phạm quy ước. Riêng việc xem ngày tháng năm sinh là một việc nên làm và để giải quyết tư tưởng cho đôi trai gái, vì nếu có gì không hợp thì hóa giải để hợp nhau.

- Người Dao có một việc lớn là việc cấp sắc cho người con trai, riêng người Đại Bản tổ chức cho cả đôi vợ chồng để nay mai về cõi âm vẫn là vợ chồng, đây là điều bình đẳng. Lễ cấp sắc là một việc lớn đối với người được cấp sắc, về cấp sắc được coi là lễ trưởng thành của một đời người, đối với người đã cấp sắc mà biết cúng sẽ là người có quyền và được phép thổi sừng trâu (gọi trời). Lễ cấp sắc còn là nét văn hóa với những điệu múa, trang phục rực rỡ.

- Lễ cầu hồn (gọi hồn) có thể là lễ cúng cầu, có thể cầu hồn, gọi hồn đều xuất phát từ định nghĩa con người có hai phần: Hồn và xác, nên khi người mà yếu đi sinh ra đau ốm thì thường gọi hồn để phần xác (thân thể) khỏe ra.

- Lễ cúng cơm mới hay còn gọi gọi lễ mừng được mùa, suy cho cùng đây cũng là nét văn hóa, mỗi khi được mùa thì tổ chức lễ mừng, muốn vui thì phải kính báo mời tổ tiên xơi trước, con cháu ăn mừng cho vui vẻ, nhảy múa, ca hát cho thỏa lòng.

Ngày nay kinh tế phát triển, cuộc sống khá lên con người và xã hội hòa nhập con người cần mở rộng tầm nhìn ra cả thế giới nên du lịch tăng lên ở khắp nơi, do đó người Dao cần phải xem lại những gì tuy có từ xa xưa mà nay lạc hậu và có ảnh hưởng xấu và ảnh hưởng đến sự phát triển con người toàn diện và lại văn minh tiến bộ. Đó là những vấn đề mà người Dao cần sớm bãi bỏ.

Trước hết tư tưởng trọng nam khinh nữ là tư tưởng có từ ngàn năm phong kiến mà ngày nay vẫn còn lưu giữ là quá lạc hậu, dẫn đến cho con cái lấy nhau cận huyết thống, làm cho các thế hệ con cháu kém phát triển cả về thể lực và trí tuệ (kém thông minh). Đứa con dù trai hay gái chỉ tính con của chồng, không tính mẹ nó là ai đã dẫn đến con hai anh em ruột hoặc chị em ruột lấy nhau quá cận huyết thống. Nếu một người con dù trai hay gái đều tính đến người mẹ thì đã không xảy ra cận huyết thống.

Thứ hai: tục cho con cái lấy nhau trước tuổi quy định đã dẫn đến con cái kém phát triển. Trước đây đều do bố mẹ tạo nên, ngày nay xã hội tạo nên, thậm chí yêu nhau có chửa trước tuổi buộc bố mẹ lách luật cho ở với nhau trước rồi chờ đến tuổi mới cưới đều vi phạm, người vi phạm là chính các cháu, trách nhiệm thuộc về xã hội, trước hết nhà trường phải chịu trách nhiệm, thứ hai là gia đình.

Vậy biện pháp phòng trừ thế nào? xưa nay ta thường đổ lỗi và quy về trách nhiệm của cấp ủy Đảng và chính quyền chung chung, suy nghĩ của tôi cần cụ thể, thiết thực:

- Để xảy ra lấy nhau cận huyết thống là trách nhiệm của cha mẹ.

- Để xảy ra yêu nhau trước tuổi là trách nhiệm của thầy cô và nhà trường, cho ở với nhau chờ đến tuổi mới tổ chức cưới (lách luật) là trách nhiệm của cha mẹ hai bên.

- Ông thầy nào xem ngày lành tháng tốt mà vi phạm thì hội nghệ nhân ở đó phải thông báo người thường vi phạm và không được công nhận là người thầy biết lẽ phải, không được làm thầy (kể cả thầy xem và đồng ý cho tổ chức cưới, làm ma vi phạm quy ước để xảy ra mất vệ sinh vv...)

- Các hội nghệ nhân cấp xã cần tổ chức sinh hoạt để kiểm điểm, đánh giá các hội viên để biểu dương người làm đúng quy định, xem xét phê bình người vi phạm. Đặc biệt cần tổ chức cho các hội viên nghiên cứu cải tiến, cắt bỏ các thủ tục dài dòng để giảm bớt thời gian các lễ hội (cấp sắc, cúng cầu, đám cưới, đám tang đảm bảo đúng nghĩa, đúng thủ tục cần thiết và văn minh, tiến bộ)

Đó là một số thủ tục mà người Dao thường có, tôi mạnh dạn nêu ý kiến cá nhân mong muốn làm sao vừa giữ được những nét văn hóa, văn minh, phù hợp với thời đại mới, phù hợp với thời kỳ du lịch phát triển để du khách đến quê hương Hà Giang có ấn tượng tốt đẹp để ra về nhớ mãi phong cảnh, con người Hà Giang.

THAM LUẬN**Bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống dân tộc Mông
gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh**

*Hạng Mí De, nguyên Ủy viên BTV Tỉnh ủy
nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
thành viên Tổ Tư vấn của tỉnh*

Được sự phân công của Ban tổ chức tại Kế hoạch số 156-KH/BTGTU, ngày 18 tháng 05 năm 2023 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về phối hợp tổ chức hội thảo “Bảo tồn văn hoá Hà Giang gắn với phát triển du lịch”.

Tôi rất vui, phấn khởi, song cũng rất trăn trở, băn khoăn, lo lắng, về việc chuẩn bị nội dung tham luận theo chủ đề được giao. Vì khả năng, năng lực, hiểu biết về truyền thống văn hoá dân tộc Mông nói chung và Hà Giang nói riêng cũng như lý luận, thực tiễn... của mình về vấn đề này còn rất mỏng, ít.

Đó là những bất cập nói chung và cá nhân tôi nói riêng. Ở đây, tôi xin đi sâu việc “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống dân tộc Mông Hà Giang gắn với phát triển du lịch của tỉnh Hà Giang”.

Tôi xin phép không trình bày, triết tụng về câu chữ theo khái niệm từ điển học mà xin đi vào cụ thể luôn. Tôi rất tự hào và luôn nhắc mình phải cố gắng, cố gắng nhiều hơn nữa để đóng góp được gì, được bao nhiêu, mức độ nào để tham gia nghiên cứu, tuyên truyền, vận động đồng bào Mông Hà Giang mình tự giác, phát huy ý thức tự hào dân tộc mình để bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống dân tộc Mông trong tiến trình đổi mới, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh hiện nay.

Về việc này, tôi đã nghiên cứu rất kỹ, sâu sắc, trăn trở từ lý luận (văn bản) đến thực tiễn cuộc sống người dân Mông Hà Giang từ Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 20/04/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về “Bảo tồn, khôi phục, phát huy giá trị văn hoá đặc trưng của dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2030” do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Triệu Tài Vinh ký, phát hành đến chi bộ.

Hơn 6 năm đã trôi qua, Đề án số 09 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang vẫn còn nguyên giá trị, cần phải được tổ chức thực hiện một cách bài bản, khoa học, quyết liệt, hiệu quả...

Có thể khẳng định Đề án số 09 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang ra đời rất đúng, đúng, cụ thể, khá toàn diện, kịp thời và có rất nhiều kỳ vọng.

Chúng ta cũng có thể khẳng định hơn 6 năm qua, Đề án số 09 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể,

Sở, Ban, Ngành, Huyện, Thành phố, Xã, Thị trấn, đặc biệt là sở VH TTDL tham mưu, đề xuất, triển khai khá liên tục, có một số việc làm đạt kết quả cụ thể tốt.

Theo các báo cáo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở VH TT&DL, một số huyện, Đề án số 09 đã được triển khai bằng các công văn, kế hoạch, báo cáo, kiểm điểm... thực thi tại cơ sở, xã, thôn, trường học... tỉnh, huyện đã bố trí một lượng kinh phí đáng kể để thực hiện Đề án.

Theo Báo cáo số 5344/BC-UBND tỉnh ngày 12/11/2020 của UBND tỉnh về sơ kết 3 năm thực hiện Đề án số 09 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tổng kinh phí chi cho Đề án là 100.381.500.000đ. Trong đó, ngân sách địa phương: 58.279.200.000đ; xã hội hoá qua cấp tỉnh: Không có; Xã hội hoá qua cấp huyện: 42.102.300.000đ. Trong số 58.279.000.000đ thuộc ngân sách địa phương, tỉnh đã giao 56.172.000.000đ cho sở KH&ĐT: 50.217.000.000đ (2 đợt: Đợt 1: 25.135.000.000đ; Đợt 2: 25.082.000.000đ); Sở Tài chính: 5.955.000.000đ.

Cấp kinh phí thực hiện đề án của các huyện: Ngân sách địa phương: 2.107.200.000đ; Xã hội hoá: 42.102.300.000đ; Cụ thể:

| | | |
|-------------------|-------|----------------|
| Huyện Quang Bình: | NSDP: | 110.000.000đ |
| | XHH: | 30.000.000đ |
| Huyện Xín Mần: | NSDP: | 540.000.000đ |
| | XHH: | 810.000.000đ |
| Vị Xuyên: | NSDP: | 270.000.000đ |
| Quản Bạ: | NSDP: | 1.209.100.000đ |
| | XHH: | 40.082.000đ |
| Bắc Quang: | NSDP: | 248.000.000đ |
| | XHH: | 310.000.000đ |

Tuy nhiên, qua báo cáo trên, tôi chưa nắm rõ được kinh phí chi vào các đầu điểm công việc cụ thể.

Về kết quả công việc cụ thể tổ chức thực hiện Đề án 09: Làm khá tốt việc tổ chức học tập nội dung Đề án, tổ chức lễ hội Khèn Mông, triển khai giảng dạy Khèn Mông, múa gậy Xinh tiền trong các trường học, chỉ đạo xây dựng nhà truyền thống dân tộc Mông của Sở xây dựng, UBND huyện Mèo Vạc; Sở Công thương hỗ trợ HTX dệt lanh Làng Tám 12 máy khâu công nghiệp, giá trị 140.000.000đ. Có 2 làng dân tộc Mông được công nhận làng văn hoá du lịch dân tộc Mông: Thôn Lũng Cẩm trên, xã Sủng Là, huyện Đồng Văn; Thôn Pả Vi Hạ, xã Pả Vi, huyện Mèo Vạc; Tổ chức Lễ hội Gầu Tào

hàng năm, quy mô nhỏ ở xã Đường Thượng, huyện Yên Minh; Khu nghỉ dưỡng H'Mông Village xã Đông Hà, huyện Quản Bạ.

Như vậy, đối chiếu với Đề án số 09 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì việc tổ chức thực thi cụ thể còn rất nhiều việc phải bàn, phải quyết, phải làm...

Tại sao việc tổ chức thực hiện Đề án 09 của BTV Tỉnh ủy chưa thật nét, chưa đạt được như kỳ vọng, tất nhiên sẽ có ảnh hưởng đến việc “Bảo tồn, khôi phục, phát huy giá trị văn hoá đặc trưng của dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2030”, phục vụ phát triển du lịch tỉnh Hà Giang?

Theo tìm hiểu của cá nhân tôi, tôi rút ra một số nguyên nhân chủ quan, khách quan như sau:

Về chủ quan (Mặt lãnh đạo, chỉ đạo thực thi): Chưa có quy hoạch, kế hoạch, dự án, mô hình cụ thể về việc thực hiện Đề án (nhìn thấy, sờ thấy...) của các cấp, các ngành, huyện, xã, thôn...; khâu truyền tải, tuyên truyền một cách cụ thể có sức thuyết phục, tạo sự lan tỏa mạnh trong các cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, người dân nhất là ở cơ sở, dòng họ, cộng đồng thôn, bản, người dân... về Đề án chưa mạnh, nét, thuyết phục.

Về khách quan: Kinh phí tổ chức thực thi Đề án ít, không đáp ứng; Xã hội hoá để thực hiện Đề án đạt được ít (cả suy nghĩ, đầu tư trí tuệ, kinh phí...).

- Hà Giang vẫn là tỉnh nghèo, khí hậu khắc nghiệt.

- Dân tộc Mông chiếm tỷ lệ dân số đông nhưng tỷ lệ dân trí thấp, hộ nghèo, cận nghèo cao (có thể cao nhất trong các dân tộc thiểu số Hà Giang). Sự tự tin, tự giác, nhiệt tình... tham gia có hiệu quả của đồng bào Mông vào thực hiện Đề án chưa có, đáng kể, thuyết phục (còn đứng ngoài cuộc).

- Hội nhập, giao thoa cũ – mới, truyền thống – hiện đại, phát triển kinh tế thị trường, giải quyết việc làm, tăng thu nhập... tác động mạnh đến mọi người, trong đó, có dân tộc Mông, nhất là thế hệ trẻ người Mông Hà Giang.

Từ thực trạng, tình hình trên, tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

1. Tỉnh cần có quy hoạch chung về bảo tồn, phát huy hoặc chỉ bảo tồn giá trị văn hoá đặc trưng truyền thống dân tộc Mông của tỉnh Hà Giang giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, một cách cụ thể, chi tiết đến từng đặc trưng văn hoá (ở, ăn, mặc, canh tác...).

2. Xây dựng được và tổ chức thực thi tại thực địa (có địa chỉ cụ thể) các mô hình đại diện cho các đặc trưng văn hoá truyền thống dân tộc Mông (nhìn thấy, sờ thấy): Học, nói tiếng Mông; dạy chữ Mông; làm, học khèn Mông; làm nhà truyền thống, trồng lanh, dệt vải, trang phục các loại Mông (Trắng, Xanh, Hoa, Đen); Trồng cây Tam giác mạch và các sản phẩm từ cây Tam giác mạch; mèn mèn; thắng cố...

Các mô hình cụ thể này phải được giao chịu trách nhiệm cụ thể cho các ngành, sở, ban, huyện, xã... một cách chi tiết từ khâu xây dựng dự án cho đến kết quả tại thực địa.

3. Tiếp tục tuyên truyền mạnh mẽ, sâu sắc Đề án 09 đến cán bộ, đảng viên, nhân dân nhất là đồng bào dân tộc Mông trong tỉnh, tạo được sự tự giác, bút phá, tự tin, quyết tâm của người dân Mông tại cơ sở.

4. Có nguồn kinh phí, cơ chế chính sách hỗ trợ cụ thể, (nhất là ngân sách nhà nước) để tạo được bước đột phá trong việc thực hiện Đề án số 09.

5. Lập danh sách, có chế độ, chính sách hỗ trợ, khuyến khích... các nghệ nhân dân gian ở từng lĩnh vực để các nghệ nhân có ý thức bảo tồn, truyền dạy, phát huy các giá trị văn hoá đặc trưng, truyền thống dân tộc Mông Hà Giang cho các thế hệ trẻ, các trường học. Nghệ nhân nào còn trẻ, có trình độ văn hoá cơ bản, biết chính sách, pháp luật, lại biết phong tục, tập quán, đặc biệt là Khèn Mông, có thể cho đi đào tạo nhạc lý cơ bản để các nghệ nhân này không chỉ truyền dạy Khèn Mông bằng lời, bằng xướng âm, mà bằng cả ký tự âm nhạc để họ không chỉ bảo tồn, lưu giữ mà còn sáng tác, phát huy giá trị văn hoá đặc trưng của Khèn Mông.

PHỤ LỤC I**Gợi ý một số danh mục cần bảo tồn trong văn hoá đặc trưng, truyền thống dân tộc Mông Hà Giang phục vụ phát triển du lịch**

1. Nhà trình trường, hàng rào đá.
2. Cối xay ngô bằng đá (cả bộ).
3. Cây Khèn Mông gắn với các bài tang ma.
4. Dạy dân ca Mông: Tiếng hát làm dâu, tiếng hát mô cối, tiếng hát than thân, trác phận, tình yêu...
5. Dạy các bài hát đối đáp trong lễ ăn hỏi, dạm ngõ, cưới, đón dâu...
6. Dạy tục ngữ Mông.
7. Suu tầm, lưu giữ các truyện thần kỳ, cổ tích Mông.
8. Nghề rèn đúc lưỡi cày.
9. Nghề đan quây tấu.

PHỤ LỤC II**Gợi ý một số danh mục cần bảo tồn, phát huy trong văn hoá đặc trưng, truyền thống dân tộc Mông Hà Giang phục vụ phát triển du lịch**

1. Học, dạy tiếng Mông, chữ Mông.
2. Làm Khèn Mông, dạy các bài Khèn Mông, tổ chức lễ hội Khèn Mông... về khai thiên lập địa, vui xuân, mời bạn, đón bạn, võ, ... Có sáng tác lời mới, chú ý phổ nhạc. Phải có nhạc sỹ am hiểu để cải biên.
3. Học, dạy các bài dân ca Mông về tình yêu đôi lứa, quê hương, lao động, sản xuất... chú ý lời mới.
4. Tổ chức lễ hội Gầu Tào – Hội Xuân một cách bài bản, hấp dẫn, thu hút...
5. Trồng lanh, dệt vải từ cây lanh với chế tác các trang phục nam, nữ 4 nhánh Mông (Xanh, Trắng, Đen, Hoa).
6. Trồng ngô và các món ăn, uống chế biến từ ngô (mền mền, bánh, rượu...).
7. Trồng và các món ăn, uống chế biến từ cây Tam giác mạch.
8. Nuôi bò, dê, ngựa và các món ăn (thắng có) chế biến từ bò, ngựa, dê.
9. Nuôi lợn đen và các món ăn chế biến từ lợn đen.

THAM LUẬN

Bảo tồn văn hóa dân tộc Tày gắn với phát triển du lịch tỉnh Hà Giang

*Hoàng Trung Luyến, nguyên Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
thành viên Tổ Tư vấn của tỉnh*

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành TW Đảng các khóa XXI, XXII, XXIII. Thập niên vừa qua, Tỉnh ủy Hà Giang đã ban hành chương trình “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hà Giang đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước giai đoạn 2015 - 2025, hướng tới năm 2030”. Nghị quyết về “ Phát triển du lịch tỉnh Hà Giang giai đoạn 2020 -2025 hướng tới năm 2030”. Các chương trình và Nghị quyết của tỉnh ủy đều được cấp ủy đảng ở cơ sở quán triệt đến đảng viên một cách đầy đủ, nghiêm túc. Các chi bộ đảng và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, đều quán triệt học tập đến quần chúng nhân dân một cách rộng rãi. Ở tại cơ sở xã và thôn bản đều xây dựng được quy hoạch và kế hoạch thực hiện các tiêu chí, tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới; trong đó hàm chứa các nội dung, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc bản địa, bảo vệ môi trường sinh thái v.v... gắn với các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, sản phẩm văn hóa ẩm thực đặc trưng. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, coi trọng yếu tố đảm bảo phát triển bền vững, phát huy du lịch cộng đồng v.v...

Trong thực tiễn công cuộc xây dựng nông thôn mới, thực trạng văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc Tày đã khơi dậy được làn điệu dân ca hát then đàn tính và được bảo tồn, phát huy. Đến nay hát then đàn tính của người Tày, Nùng, Thái đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Ngoài làn điệu hát then, dân tộc tày còn lưu giữ, khôi phục và bảo tồn được làn điệu hát cọi, hát iếu và hiện nay các làn điệu hát then đàn tính; hát iếu, hát cọi có nhạc nhị, thổi sáo đệm theo đang được người Tày đưa vào trường học truyền dạy cho lớp trẻ, nhiều nơi thường biểu diễn trong ngày hội văn hóa, ngày hội đại đoàn kết ở cơ sở hoặc biểu diễn phục vụ khi có khách du lịch đến thăm tại các làng văn hóa du lịch cộng đồng.

Về văn hóa lễ hội, người Tày Hà Giang chỉ có một lễ hội nổi bật nhất đó là lễ hội “lồng tồng” (tức lễ hội xuống đồng) vào năm mới trước tết rằm, khai xuân sản xuất mới. Có nơi kết hợp lễ hội lồng tồng với lễ hội đền chùa làm một bài cúng kết hợp cúng phật, cúng thánh, cúng trời, cúng thần làng, thần ruộng, thần núi, thần sông suối, cầu mong thần, phật, thánh thiên (trời) cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu, cơm no, áo ấm, cuộc sống an khang thịnh vượng. Lễ vật cúng của thầy cúng bao giờ cũng đủ tam thanh gồm các loại; một gà, một vịt, lợn (một đầu, bốn chân, và

đuôi), xôi ngũ sắc, bánh chưng, gạo, hạt giống lúa, ngô, lạc, đậu; hương vàng, tiền âm phủ. Sau phần lễ cúng là lễ tịch điền gồm: mở đường cày, thi cày, thi kiến thức về chọn giống tốt. Sau phần lễ là đến phần hội, phần hội gồm các trò chơi, múa hát. Những trò chơi truyền thống nổi bật đó là hát iếu, hát cọi; múa sạp, múa thương; thi đồ xôi ngũ sắc, nướng cá, nướng thịt...thi ném còn, đánh yến, đánh mác lẹ, đánh cù; trò chơi bịt mắt bắt dê, bắt gà, bắt vịt; thi đi cà khoeo, leo cột mỡ, đánh đu; thi đan sọt, đan xòong, đan lồng; thi đua ngựa, đua cá chép bơi; đua bơi thuyền, đua bơi mảng trên sông nước...một số trò chơi này hiện nay cũng được đưa vào truyền dạy trong trường học, một số được truyền dạy trong thực tế thực hành ở thôn bản.

Bữa cơm ngày hội: đến lễ hội mỗi gia đình trong thôn bản làm một mâm cơm với các món ăn đặc sắc nhất của đồng quê, đội mâm cơm ra bãi ruộng khô hoặc sân nhà văn hóa thôn, cả làng cùng ăn với nhau, uống rượu, uống chè, chúc năm mới làm ăn phát đạt, cuộc sống thịnh vượng.

Sản phẩm của văn hóa lễ hội này đã và đang được bảo tồn và ngày càng được phát huy, phát triển bền vững.

Về sản phẩm văn hóa văn nghệ: như đã nói ở phần trên các làn điệu dân ca, hát then, hát iếu, hát cọi đang được bảo tồn và phát huy. Về dân vũ, đồng bào Tày có những điệu múa nổi bật đó là múa sạp, múa lầu then, múa thương, múa nón và cấy gặt, múa quạt và khăn.v.v Những điệu múa này mới bắt đầu được khôi phục lại, sắp tới tiếp tục thúc đẩy phục hồi và phát huy.

Về văn hóa ẩm thực: người Tày cũng có nhiều món ăn được chế biến theo cách thức đặc trưng; sử dụng những gia vị rất đặc trưng từ thiên nhiên núi rừng; sử dụng thực phẩm sạch và nấu nướng cũng rất đặc trưng, có thể điểm tên một vài món sau đây:

- Món xôi ngũ sắc có 5 màu đỏ, tím, vàng nghệ, xanh, trắng (gây màu bằng nước lá, củ cây rừng); hoặc món cơm lam ống cây hóp; bánh chưng lưng gù nhân đậu, vừng.

- Món cá nướng, thịt nướng ướp hạt dổi, ướp mác khén rừng.

- Món ăn rêu đá (của nước suối trong) đem kho nướng.

- Món hoa chuối rừng thái nhỏ trộn với thịt băm, Gia vị hạt dổi, mùi tàu, gói lại đồ chín.

- Món thịt làm nộm với lá rau thơm

- Món rau rón đồ nộm lạc vừng.

- Các món rau đồ chín, chắm nước tỏi, nước gừng

- Món mắm cá chép ruộng

Những món ăn này là những món ăn truyền thống từ thực phẩm sạch rất thơm ngon và bổ dưỡng

Về văn hóa trang phục: người Tày dù ở vùng cao hay vùng thấp ở Hà Giang đều sử dụng trang phục truyền thống mặc áo dài, nữ mặc quần hoặc váy, khăn quấn đầu, các trang phục đều nhuộm chàm đen (tức trang phục màu đen). Về trang sức, sử dụng trang sức bằng kim loại bạc như cổ đeo vòng bạc, xà tích bạc; đeo xà tích bằng bạc ở thắt lưng bên hông; dây thắt lưng bằng sợi tơ tằm tự dệt có hoa văn sắc màu thổ cẩm, hoặc dùng thắt lưng nhiều màu xanh, hồng. Ngoài ra người Tày còn dệt thổ cẩm làm chăn đắp mùa hè làm đệm bàn ghế salong bằng sợi kén tằm, với nhiều loại hoa văn sặc sỡ, bền đẹp.

Về văn hóa kiến trúc làng bản: người Tày thường làm nhà sàn truyền thống 5 gian bốn hàng chân cột, vách bung ván, sàn lát ván hoặc dải dất cây diến, mái lợp lá cọ. Họ làm nhà ở riêng, nhà bếp riêng, có bức vách di động để ngăn phòng khi cần; mở cửa sổ phía trước, phía sau, thoáng mát sạch sẽ; nhà có 3 công trình vệ sinh sạch sẽ (xây bể chứa nước sạch, nhà tắm, hố vệ sinh tự hoại). Người Tày ở theo chòm xóm bám theo chân đồi, hoặc bám theo hai bên bờ suối, hiện nay đường vào xóm vào làng đều là đường bê tông rộng 3,5m; nhà nào cũng có đường ô tô xe máy vào đến tận nhà; chuồng trại trâu bò, gà vịt đều ở phía sau và cách xa nhà ở; nhà nào cũng bố trí một khu đất làm vườn trồng rau quả.

Đây vừa là văn hóa kiến trúc cổ truyền của làng bản, vừa có sự cách tân đổi mới cho phù hợp nhu cầu giai đoạn mới, tạo ra kiến trúc làng bản, nhà cửa, đẹp đẽ, sạch sẽ, tiện lợi, phát triển bền vững, phù hợp tiện ích phục vụ đời sống mới.

Những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của người Tày hiện nay đang được bảo tồn, phát huy. Có một số giá trị được cải tiến, đổi mới theo yêu cầu, nhu cầu thời kỳ mới hiện nay. Một số tuy vẫn bảo tồn nhưng việc khôi phục, phát huy đưa vào đời sống còn chậm và chưa mở được diện rộng, như việc làm thơ Tày theo thể thơ 7 chữ, chữ thứ 5 câu dưới vần với chữ thứ 7 câu trên, để sử dụng thơ làm lời hát then, hát cọi, hát iếu phản ánh cuộc sống thời kỳ hiện đại, ít có người sáng tác lời mới làm thơ Tày (vì lời cổ đến nay một số đã lỗi thời không còn sức hấp dẫn), ít có người học đánh đàn tính, kéo nhị, thổi sáo làm nhạc đệm cho các làn điệu hát, đó là một trở ngại cho việc phát huy, và phát triển.

Đối với những giá trị còn phù hợp hoặc có điều kiện cải tiến phù hợp với đời sống mới thì vẫn được truyền bá, được lưu giữ, tiếp tục sáng tạo bổ sung mới để bảo tồn, để phục vụ đời sống của nhân dân và những sản phẩm ấy đã được chuyển hóa thành sản phẩm du lịch, và được phát huy ở loại hình du lịch cộng đồng. Thời điểm hiện nay vùng đồng bào dân tộc Tày đã có một số cơ sở du lịch cộng đồng, phát huy được những giá trị văn hóa của người Tày như: làng văn hóa du lịch cộng đồng thôn Chì (xã Xuân Giang); Thôn Khiêm (xã Quang Minh); Bản Sáp thị trấn Yên Phú (huyện Bắc Mê); Thôn Tha, Hạ Thành (xã Phương Độ); Thôn Tiến Thắng (xã Phương Thiện); Bản Tày xã Ngọc Đường (TP Hà Giang); Pác Piu Resort xã Yên Định (huyện Bắc Mê); Xã Du Tiến (huyện Yên Minh); xã Khuôn Lùng (huyện Xín Mần).v.v...

Những làng văn hóa du lịch này ngày càng được phát huy mở rộng, và phát triển đa dạng sản phẩm du lịch, thu hút được nhiều khách du lịch, đến mua sản phẩm du lịch của địa phương, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân địa phương, bước đầu thấy đã có sự phát triển du lịch bền vững.

Sắp tới cấp ủy, chính quyền cấp huyện, cấp xã cần lãnh đạo quản lý làm tốt việc khắc phục một số mặt còn hạn chế, yếu kém trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa có giá trị tốt đẹp của người Tày thành sản phẩm du lịch để có điều kiện cho phát huy, phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của đồng bào dân tộc Tày và của tỉnh Hà Giang.

Tôi tin chắc rằng, khi cấp ủy cơ sở lãnh đạo tốt, chính quyền quản lý tốt và đồng bào Tày làm chủ tốt, cùng vào cuộc thì việc bảo tồn và chuyên hóa giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của người Tày thành sản phẩm du lịch nhất định sẽ thành công, tạo ra sản phẩm du lịch đa dạng phong phú và sẽ thực hiện được mục tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy đề ra, du lịch sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Hà Giang chúng ta.

THAM LUẬN

Phát huy những giá trị văn hoá đặc sắc của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang trong phát triển du lịch

Hoàng Thị Cấp
nguyên Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh
Thành viên Tổ tư vấn của tỉnh

Hà Giang là một tỉnh miền núi, có 19 dân tộc anh em cùng chung sống, tạo nên đa sắc màu văn hoá dân tộc. Vấn đề bảo tồn văn hoá, xây dựng môi trường văn hoá, khơi dậy giá trị văn hoá để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng mối đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ quan trọng được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Hà Giang hướng tới. Trong văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVIII khẳng định “Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc, phấn đấu xây dựng Hà Giang là tỉnh phát triển về du lịch. Bảo tồn văn hoá các dân tộc là nhân tố trực tiếp tham gia vào quá trình phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế du lịch... phát triển du lịch theo hướng bền vững, tập trung vào du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn tài nguyên, thiên nhiên và văn hoá bản sắc dân tộc”.... “ Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá để góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững nhất là phát triển du lịch, tạo kinh tế cho nhân dân, giáo dục kế thừa, giữ vững truyền thống quý báu về giá trị văn hoá lịch sử cho các thế hệ nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang, đồng thời từng bước ngăn chặn, xoá bỏ hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh, khôi đại đoàn kết trong tỉnh”.

Mỗi dân tộc có văn hoá truyền thống riêng, mang nét đặc trưng riêng biệt, 19 dân tộc thiểu số cùng chung sống đã hình thành những giá trị văn hoá đặc sắc của các dân tộc, đó là giá trị nhân văn đậm đà bản sắc dân tộc.

Văn hoá truyền thống của các dân tộc mang bản sắc riêng của từng dân tộc, không có sự pha trộn kể cả văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể. Văn hoá truyền thống là những viên gạch đầu tiên làm cơ sở cho văn hoá hiện đại kế tục và phát triển. Nó mang đậm màu sắc tín ngưỡng và yếu tố tâm linh riêng có của từng dân tộc. Nó hết sức phong phú và đa dạng về loại hình và nội dung muôn màu muôn vẻ đã tạo nên một nền văn hoá đặc sắc mang giá trị đặc trưng văn hoá dân tộc Hà Giang.

Chúng ta có 81 lễ hội trong đó có 54 lễ hội lịch sử, 14 lễ hội văn hoá thể thao và du lịch, 02 lễ hội nghề truyền thống, 16 làng văn hoá du lịch cộng đồng, 27 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia, di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại, 34 di sản văn hoá được phục dựng. Giá trị văn hoá đã trở thành sản phẩm du lịch hấp dẫn du khách đối với Hà Giang. Các lễ hội như lễ hội Nhảy lửa dân tộc Pà Thẻn, lễ hội Khèn và lễ hội Thêu Dệt thổ cẩm của dân tộc Mông, lễ cầu mùa của dân tộc Lô Lô, lễ Cấp Sắc và lễ Bàn Vương của dân tộc Dao, lễ hội Lòng Tòng của dân tộc Tày....Các làn điệu dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc, trang phục truyền thống, ẩm thực dân tộc đã góp

phần quan trọng trong việc quảng bá đất và con người Hà Giang trong sắc màu dân tộc độc đáo và hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Các di sản văn hoá phi vật thể được sưu tầm nghiên cứu, phục dựng trao truyền đã mang giá trị rất to lớn trong phát triển kinh tế ở địa phương.

Với chủ trương lấy văn hoá để phát triển du lịch, lấy du lịch để bảo tồn và phát triển văn hoá. Du lịch là công nghiệp không khói, xem di sản văn hoá là tài nguyên có giá trị đặc biệt để khai thác tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn, từng bước phát huy giá trị và góp phần tích cực trong thu hút khách du lịch. Chỉ riêng năm 2022 Hà Giang đã đón tiếp 2.268 triệu lượt khách được 147% kế hoạch năm, doanh thu du lịch đạt 4.536 tỷ đồng.

Cao nguyên đá Đồi Văn được gia nhập mạng lưới Công Viên địa chất toàn cầu là điểm đến thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, các làng văn hoá du lịch cộng đồng gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, đưa du lịch sinh thái nghỉ dưỡng gắn với các hoạt động trải nghiệm một ngày làm người dân trên nương đá và ruộng bậc thang. Trên cơ sở địa hình hùng vĩ Hà Giang cũng mạnh dạn đưa sản phẩm du lịch thể thao mạo hiểm vào khai thác như dù bay, kính khí cầu, trình diễn xe đạp địa hình, những sản phẩm du lịch độc đáo và hấp dẫn góp phần thúc đẩy các ngành dịch vụ tăng đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GDP của tỉnh, với tiềm năng giá trị trong việc thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh của văn hoá truyền thống cùng với việc những kết quả đã thu được từ văn hoá du lịch chúng tôi đề xuất một số giải pháp để tăng cường phát triển hơn nữa nền kinh tế của tỉnh.

Tăng cường tuyên truyền đến các ngành, cán bộ và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống gắn du lịch cộng đồng ở địa phương. Thu hút cộng đồng tham gia, quản lý, khai thác các lợi ích kinh tế du lịch mang lại đồng thời phát huy những giá trị truyền thống văn hoá của địa phương.

Đầu tư tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh tiêu biểu, đầu tư nghiên cứu phục dựng các lễ hội, đình làng các hình thức sinh hoạt văn hoá, văn nghệ. Định hướng chọn lọc một số lễ hội tiêu biểu của địa phương, xây dựng lễ hội tiêu biểu của vùng để thu hút khách du lịch.

Phát huy hiệu quả mô hình hội nghệ nhân dân gian, phát huy những giá trị truyền thống, phát triển du lịch cộng đồng góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn miền núi làm cho đời sống văn hoá của nhân dân ngày càng phong phú, lành mạnh và xoá đói giảm nghèo cho nhân dân.

Phát huy hiệu quả của hoạt động đưa văn học truyền thống vào giảng dạy trong các cấp học của nhà trường nhằm giáo dục cho thế hệ trẻ hiểu và tôn trọng giá trị di sản văn hoá, nâng cao ý thức vai trò trách nhiệm trong việc phát huy di sản văn hoá, trở thành người quản lý và bảo vệ di sản văn hoá tồn tại bền vững.

Tìm kiếm mở rộng mối quan hệ hợp tác cùng phát triển ở trong và ngoài nước.

Thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các nghị quyết, quyết định đề án của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn 2021- 2025.

THAM LUẬN

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Cờ Lao gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang

*Lưu Sản Vạn, nguyên Phó Bí thư Huyện ủy,
nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Đồng Văn
Thành viên Tổ tư vấn của tỉnh*

Dân tộc Cờ Lao là một trong 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người ở Việt Nam. Hà Giang – mảnh đất nơi địa đầu của Tổ quốc, nhiều huyện là địa bàn cư trú và sinh sống của tộc người này. Dù là một dân tộc có dân số ít, nhưng người Cờ Lao lại có vốn về văn hóa truyền thống vô cùng đặc sắc, đặc trưng của dân tộc mình.

Từ tên gọi của dân tộc: theo truyền thuyết xưa kể lại, người xưa gọi dân tộc Cờ Lao hiện nay là Quốc Lao, nghĩa là trước đây người dân tộc Cờ Lao có một vùng đất riêng, khu tự trị riêng và rất cường thịnh, nhưng do nhiều lý do khác nhau (loạn lạc, thiếu đất đai, bị nhà nước phong kiến Trung Quốc áp bức bóc lột...) họ bị lừa rằng ở phía Nam thì cây lương thực trên là lúa, giữa là ngô, dưới là củ, còn quả bí to đến mức con lợn nái vào trong đẽ cũng không đầy, nên người dân tộc Cờ Lao đã di cư đi khắp nơi, dẫn tới anh em họ hàng phải tách nhau, xa xôi cách biệt nên được gọi là Kề Lao (từ Hán) có nghĩa là Cách Lão, không biết từ bao giờ dân tộc này bắt đầu được gọi là dân tộc Cờ Lao.

Theo người xưa kể lại, nguồn gốc người Cờ Lao vốn sinh sống ở tỉnh Quý Châu, Trung Quốc là một trong những dân tộc di cư tới sinh sống tại vùng đất phía Bắc Việt Nam sớm nhất vào khoảng cuối thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18 (khoảng 250 – 300 năm trước). Dân tộc Cờ Lao trước đây có tiếng nói riêng và chữ viết. Do trong quá trình di cư nhiều lần với quãng đường xa, nặng, khó mang theo, các cụ xưa đem sách và chữ viết đốt, hòa nước uống để nhớ, từ đó về sau người Cờ Lao đã bị mất chữ viết. Còn tiếng nói vẫn giữ được, nhưng do sự chung sống giao thoa với các dân tộc khác, tình trạng hiện nay tiếng nói của dân tộc đang bị mai một và mất dần mà người Cờ Lao nói tiếng Hán và tiếng Mông là chủ yếu.

Dân tộc Cờ Lao theo tài liệu tổng điều tra dân số năm 2019 cả nước có 4.003 người, ở Hà Giang có 2.900 người được phân bố ở các huyện: Cờ Lao Đỏ ở Hoàng Su Phì, Bắc Quang, Vị Xuyên, Yên Minh, Đồng Văn. Đối với người Cờ Lao Trắng phân bố ở Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh; người Cờ Lao Xanh sinh sống ở Đồng Văn, Yên Minh.

Người dân tộc Cờ Lao có tỉ lệ đói nghèo cao, đời sống còn nhiều khó khăn. Tại xã Túng Sán – Hoàng Su Phì có 132 hộ nghèo/217 hộ, chiếm 61%, xã Sính Lũng – Đồng Văn trong 142 hộ dân có 100 hộ nghèo chiếm 70,4%, 29 hộ cận nghèo.

Qua nhiều thế kỷ duy trì và phát triển những giá trị cốt lõi của người Cờ Lao đã có sự thay đổi, nhiều nét đẹp truyền thống được giữ gìn, bảo tồn từ đời này sang đời khác. Nhưng cũng có không ít đặc trưng, truyền thống văn hóa của dân tộc đã bị mai một theo thời gian, nhất là ngôn ngữ, tiếng nói, chữ viết, những nghề thủ công như dệt may, những làn điệu dân ca dân vũ và một số phong tục tập quán khác.

Những nét văn hóa truyền thống của người dân tộc Cờ Lao cần được bảo tồn và phát huy gắn với phát triển du lịch.

Về nhà ở

Nhà ở của người Cờ Lao trước đây được dựng bằng gỗ, tre, ba gian, bung ván và bung tre, được lợp bằng cây ngô và cỏ gianh. Sau này được dựng bằng trình tường, lợp ngói âm dương sau đó chuyển thành blu hiện nay đã có nhiều nhà xây bằng gạch, nhà ở của người Cờ Lao là nơi sinh sống của đại gia đình từ 2-3 thế hệ. Nhà ở của người Cờ Lao là nơi sinh hoạt hàng ngày, những ngôi nhà có kiến trúc cổ, độc đáo là nơi thu hút du khách đến thăm quan và trải nghiệm cuộc sống, văn hóa vùng cao.

Cũng như các dân tộc khác, người Cờ Lao cư trú thành những nhóm hộ, từng thôn bản. Mỗi thôn có khoảng 15 đến 20 hộ gia đình, ít nhất là 5 hộ gia đình.

Truyền thống trồng trọt và chăn nuôi

Dù cư trú ở đâu, dân tộc Cờ Lao cũng có nguồn sống chủ yếu trông vào sản xuất nông nghiệp, người Cờ Lao Đỏ ở Hoàng Su Phì có đặc điểm địa hình chủ yếu là ruộng bậc thang, họ trồng lúa nước, trồng chè, thảo quả, người Cờ Lao Xanh, Cờ Lao Trắng ở Đồng Văn, Yên Minh do diện tích đất ít, nhiều núi đá việc sản xuất khó khăn nên chủ yếu là trồng ngô trên hốc đá. Ngoài trồng ngô, lúa, người Cờ Lao Đỏ còn trồng ngô, lúa, cây ăn quả và dược liệu. Nhìn chung, người Cờ Lao cũng giống như các cộng đồng dân tộc khác tại Hà Giang, họ gặp nhiều khó khăn trong canh tác nông nghiệp do thiếu đất, thiếu khoa học công nghệ, đất đai cằn cỗi, tập quán canh tác của họ độc canh một vụ, đại hình chia cắt mạnh, sản xuất nông nghiệp khó khăn. Các sản phẩm trồng trọt của người Cờ Lao vừa cung cấp thực phẩm cho du lịch, vừa cung cấp các hoạt động trải nghiệm canh tác, trải nghiệm kỹ năng chế biến các món ăn truyền thống, hoạt động thu hoạch nông nghiệp vùng cao cho du khách.

Người Cờ Lao chủ yếu nuôi bò, trâu, lợn, dê. Hiện nay đã có một số gia đình chăn nuôi theo mô hình gia trại và nuôi ong lấy mật. Tuy nhiên, hoạt động chăn nuôi do thiếu diện tích chăn thả, nên hầu như người Cờ Lao chăn nuôi nhốt chứ ít được chăn thả, các mô hình chăn nuôi khá nhỏ lẻ, sản phẩm chưa trở thành hàng hóa, chưa có những sản phẩm đặc trưng. Hoạt động chăn nuôi của người Cờ Lao vừa cung cấp sức kéo, phân bón cho canh tác nông nghiệp, vừa cung cấp thực phẩm cho các hoạt động sinh hoạt cộng đồng và cả các hoạt động du lịch, ẩm thực vùng cao: thắng cố, mèn mèn, tẩu chúa, thịt treo, thịt lợn đen, thịt gà đen...

Nghề thủ công

Từ xa xưa, người Cờ Lao đã biết làm các nghề thủ công như đan lát, rèn, dệt vải, mộc...chủ yếu để phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt hàng ngày. Tuy nhiên, theo thời gian các nghề này cũng có nhiều thay đổi. Nghề đan lát là một trong những nghề thủ công phổ biến và khá phát triển bởi người Cờ Lao, họ tự trồng và khai thác nguyên liệu để đan những vật dụng trong gia đình: mẹt, quây tấu, rổ,...tuy nhiên, do hạn chế về vùng nguyên liệu (thiếu tre, thiếu diện tích trồng tre) và đầu ra ổn định cho sản phẩm nên các sản phẩm đan lát của người Cờ Lao chưa được thương mại nhiều, hầu như chỉ ở mức sản xuất phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt gia đình và một phần được bán phục vụ du lịch. Nghề đan lát của người Cờ Lao có tính độc đáo và nét riêng rất có tiềm năng gắn với du lịch, đó là các sản phẩm được dùng trang trí, dùng làm vật dụng tại các homestay, làng văn hóa du lịch hay hoạt động du lịch trải nghiệm tới làng nghề đan lát của người Cờ Lao.

Một nghề thủ công điển hình khác của người Cờ Lao đó là nghề dệt. Trước đây, nguyên liệu chính để may trang phục dân tộc của người Cờ Lao là vải lanh. Theo thời gian, nghề dệt ngày nay đã phần nào bị mai một, diện tích trồng lanh bị thu hẹp rất ít người trồng lanh, thay vào đó người Cờ Lao thường dùng các loại vải khác có sẵn để may trang phục dân tộc. Trên trang phục của người Cờ Lao hiện nay vẫn mang những nét họa tiết đặc trưng của dân tộc với trang phục nữ gồm có khăn, áo, dây lưng, quần, váy, xà cạp; nam đội mũ, áo, quần, giày. Người Cờ Lao thường tự may trang phục của mình, kết hợp với các loại trang sức để làm đẹp. Chính những nét họa văn đặc sắc trên trang phục và trang sức của người Cờ Lao đã tạo nên sự khác biệt với các dân tộc khác, kết hợp với những truyền thuyết về trang phục và trang sức của người Cờ Lao sẽ là nguồn cảm hứng cho những chuyến đi trải nghiệm vùng đất và con người Cờ Lao của du khách. Để lưu giữ những nét họa văn đặc sắc trên trang phục truyền thống của người Cờ Lao, năm 2018 nhà nước đã hỗ trợ may cho mỗi gia đình một bộ trang phục truyền thống.

Ngoài nghề đan lát và nghề dệt, hiện nay các nghề thủ công khác của người Cờ Lao còn rất ít, không được phổ biến.

Dân ca – nhạc cụ dân tộc

Cờ Lao là một dân tộc yêu văn nghệ và có vốn văn nghệ dân gian đa dạng từ những bài hát dân ca giao duyên, chúc mừng, giao lưu bạn bè cho tới những câu chuyện, ca dao truyền miệng. Những bài dân ca, câu chuyện của người Cờ Lao đều thể hiện quan điểm về nhân sinh và thế giới, với niềm tin cái thiện sẽ chiến thắng cái ác, người tốt luôn luôn gặp nhiều may mắn trong cuộc sống.

Nhạc cụ của người Cờ Lao cũng hết sức độc đáo, đó là những chiếc kèn lá, sáo, nhị, đàn, trống, chiêng... Đây sẽ là những nguồn tài nguyên du lịch văn hóa độc đáo cho du khách đến trải nghiệm.

Trò chơi dân gian

Một số trò chơi dân gian vẫn thường xuyên được người Cờ Lao chơi trong các dịp lễ như: đánh yến, đánh sảng, đánh đu, đập bóng vòng tròn, kéo co, đẩy gậy,...các trò chơi đều mang tính cộng đồng, du khách có thể cùng tham gia và trải nghiệm.

Về hôn nhân gia đình

Kết hôn là việc lớn của đời người, người Cờ Lao rất coi trọng việc kết hôn, tuân thủ hôn nhân “một vợ một chồng” rất ít khi bỏ nhau. Trước đây, người Cờ Lao có quy định cấm hôn phối ngoại tộc, dân tộc mình lấy dân tộc mình chỉ phân biệt khác họ, cũng có tục “kéo vợ” nhưng đến nay những hủ tục này đã dần được xóa bỏ, các phong tục trong đám cưới cũng bị đồng hóa và mai một phần nào. Đám cưới người Cờ Lao được tổ chức vào ngày lành tháng tốt với mong muốn cho đôi trẻ trăm năm hạnh phúc, con cái đầy đủ, cuộc sống ấm no.

Quy trình thông thường trong lễ cưới của người Cờ Lao sẽ gồm có đàm hôn (quen biết và tìm hiểu nhau), lễ dạ ngõ, lễ ăn hỏi, lễ thành hôn (đại lễ), lễ hồi môn (lại mặt) với những phong tục riêng trong từng lễ. Trong hôn lễ, cô dâu chú rể sẽ khoác lên mình những bộ trang phục dân tộc đẹp nhất, thực hiện những nghi thức truyền thống, du khách có thể cùng tham gia các hoạt động trong lễ cưới, nhìn ngắm những bộ trang phục với nhiều màu sắc và hòa mình vào niềm vui của đôi trai trẻ với không gian mới lạ, truyền thống khác biệt.

Bên cạnh những nét đẹp trong hôn lễ của người Cờ Lao thì tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết vẫn còn tồn tại do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, đòi hỏi sự chung tay của các cấp chính quyền và người dân để bài trừ tình trạng này.

Văn hóa tâm linh

Người Cờ Lao có tín ngưỡng đa thần, vạn vật hữu hình.

Người Cờ Lao có truyền thống lâu đời là thờ cúng tổ tiên (tam đại, tứ đại), cúng thần linh (táo quân, thần tài, long mạch, thổ công, thổ địa, người Cờ Lao ở Hoàng Su Phì còn cúng Ngưu Vương Mã Chủ), cúng rằm tháng bảy, tết thanh minh, tết đoan ngo, tết nguyên đán...thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” tốt đẹp của gia đình.

Người Cờ Lao có phong tục cúng Hoàng Văn Thùng vào tháng 7 âm lịch hàng năm (ngày Thìn). Theo truyền thuyết người Cờ Lao truyền miệng rằng, Hoàng Văn Thùng là một vị tộc trưởng tài giỏi, hiểu biết rộng, có lòng thương dân chúng và chỉ bảo cho dân biết cách làm ăn: khai phá ruộng trồng lúa nước, chăn nuôi trâu bò, lợn gà giúp dân bảo vệ mùa màng, con người bớt đi ốm đau bệnh tật. Ông trở thành một nhân vật thần thánh hóa với nhiều truyền thuyết huyền bí, li kỳ về cuộc đời.

Người Cờ Lao cũng có phong tục cúng thần rừng với mong muốn cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, vạn vật sinh sôi nảy nở. Phong tục này gắn với nơi sinh sống qua nhiều thế hệ, đối với người Cờ Lao ở Túng Sán – Hoàng Su Phì thường

là các đỉnh núi cao nơi rừng thiêng nước nguồn như dãy Tây Côn Lĩnh, núi Cô Tiên, những rừng chè cổ thụ hàng trăm năm tuổi, còn người Cờ Lao ở xã Sính Lũng – Đồng Văn, phong tục cúng thần rừng gắn với những dãy núi đá cao hùng vĩ. Khi tổ tiên đến khai hoang tại vùng đất sinh sống bây giờ, họ gặp nhiều khó khăn như dịch bệnh, mất mùa, thú dữ... người Cờ Lao cho rằng mọi thứ đều có thần linh cai quản, mỗi cây cổ thụ là một thần, và nhiều cây hợp lại thành thần rừng, vì vậy để thuận lợi làm ăn, khai hoang và sinh sống, người Cờ Lao đã bàn nhau tổ chức lễ cúng cho các vị thần để mong được bảo hộ

Lễ hội cúng thần rừng đã trở thành một bản sắc đặc trưng, truyền thống tâm linh độc đáo trong đời sống văn hóa dân tộc của người Cờ Lao. Năm 2018, Ban dân tộc tỉnh Hà Giang đã lên tổ chức lễ cúng thần rừng tại xã Túng Sán, huyện Hoàng Su Phì.

Tại xã Túng Sán, huyện Hoàng Su Phì với hoạt động cúng thần rừng hàng năm, người Cờ Lao có thể gắn với các hoạt động trải nghiệm tại vùng chè Tây Côn Lĩnh. Còn ở xã Sính Lũng, huyện Đồng Văn, du khách có thể trải nghiệm hoạt động trồng cây trên hốc đá, trải nghiệm thiên nhiên núi đá cao hùng vĩ.

Tang ma

Đối với người Cờ Lao, việc tang ma thể hiện tình cảm chân thành của người ở lại với người mất, cũng là một hình thức tâm linh của dân tộc với ý nghĩa linh hồn người mất vẫn sẽ tồn tại, sống mãi với người thân.

Quy trình trong lễ tang của người Cờ Lao gồm: báo tang, tắm rửa cho người mất, niệm vào quan tài, làm lễ chính, lễ làm ma khô.

Bên cạnh những hoạt động trong tang lễ có ý nghĩa tích cực, thì vẫn còn tồn tại những hủ tục như đám tang được tổ chức dài ngày, mổ nhiều gia súc gia cầm gây tốn kém nợ nần, thậm chí gây ra nhiều tác động xấu tới môi trường là mầm mống gây nên bệnh tật ảnh hưởng tới sức khỏe con người và an ninh trật tự xã hội. Những hủ tục này cần được xóa bỏ tránh những hệ lụy về sau.

Trên cơ sở những tiềm năng văn hóa truyền thống, tôi xin đưa ra một số giải pháp như sau:

1. Đẩy mạnh phát triển sản xuất các sản phẩm nông nghiệp trở thành hàng hóa, chuẩn hóa các sản phẩm để phục vụ cho hoạt động du lịch, phát triển nội lực kinh tế người Cờ Lao.

2. Lưu giữ và truyền dạy các nét văn hóa truyền thống dân tộc Cờ Lao như tiếng nói, dân ca nhạc cụ, nghề truyền thống trong các buổi sinh hoạt cộng đồng, lớp ngoại khóa tại trường học để phục vụ lễ hội và du khách.

3. Tổ chức thường xuyên các buổi giao lưu, hội thi hát dân ca, thi đan lát trong cộng đồng mang tính đề cao văn hóa dân tộc Cờ Lao

4. Tổ chức các lớp dạy nghề truyền thống cho chính cộng đồng, và lớp kỹ năng nâng cao để lồng ghép các yếu tố sáng tạo, hoa văn phong phú trong các sản phẩm thủ công phù hợp với thị trường, đẩy mạnh sản phẩm lên thành hàng hóa.

5. Tôn tạo những ngôi nhà truyền thống để phù hợp với tiêu chuẩn homestay đón khách du lịch

6. Tích cực ứng dụng chuyển đổi số trong các hoạt động tuyên truyền và các hoạt động giới thiệu, quảng bá sản phẩm, văn hóa, đời sống của người dân tộc Cờ Lao.

7. Tuyên truyền và nâng cao ý thức, niềm yêu mến dân tộc, để mỗi người Cờ Lao có ý thức tự gìn giữ và phát huy các nét văn hóa truyền thống dân tộc mình.

8. Xây dựng văn hóa khu dân cư, thực hiện đoàn kết dân tộc.

Từ những thực trạng, khó khăn, yêu cầu về gìn giữ phát triển văn hóa dân tộc Cờ Lao, tôi xin đề xuất như sau:

Đề nghị các cấp ủy chính quyền có chính sách ưu tiên đào tạo, tuyển dụng, sử dụng các em người dân tộc Cờ Lao đã tốt nghiệp đại học vào các cơ quan nhà nước để có những nhân tố mang tri thức đến tuyên truyền, lan tỏa những nếp sống văn minh tiến bộ tới cộng đồng.

Đồng thời, xây dựng đề án Bảo tồn tiếng nói, trang phục, nhà ở, phong tục tập quán và khôi phục truyền thống dân tộc người Cờ Lao.

Công nhận lễ cúng thần rừng, nghề đan lát của người Cờ Lao là di sản văn hóa phi vật thể.

Tiếp tục thực hiện Quyết định 1672/QĐ-TTg ngày 26/09/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển kinh tế xã hội cùng các dân tộc: Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao”.

Có chính sách ưu tiên trình diễn nghề truyền thống của người Cờ Lao tại các hội nghị, triển lãm trong và ngoài tỉnh.

THAM LUẬN

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Giáy gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh

Vi Dấu Mìn – Thành viên tổ tư vấn của tỉnh

Huyện Mèo Vạc nằm trong công viên địa chất toàn cầu “Cao nguyên đá Đồng Văn”, được thiên nhiên ban tặng nhiều phong cảnh đẹp, hùng vĩ như Mã pì Lèng, dải sông Nho Quế, thác trắng thôn Tát Ngà... Trong những năm gần đây việc phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh được các cấp, các ngành luôn chú trọng, quan tâm đến việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch như làng văn hóa du lịch cộng đồng Pả Vi Hạ, làng văn hóa du lịch cộng đồng thôn Tát Ngà góp phần tô đẹp thêm bức tranh du lịch của tỉnh Hà Giang.

Người dân tộc Giáy huyện Mèo Vạc có 1.331 hộ, bằng 5.147 khẩu chiếm 5,7% dân số toàn huyện, người Giáy có nhiều nét văn hóa tương đồng với người dân tộc Tày trên địa bàn và có nét văn hóa riêng, đậm đà bản sắc dân tộc như: Lễ hội Long Tòng, lễ hội mùa trồng, lễ hội mùa kiếm, hát phươn, múa khăn, đám cưới, đám tang... Người Giáy còn có trang phục truyền thống riêng, có cấu trúc nhà sàn bằng gỗ lợp ngói âm dương. Trong năm 2022 ngành du lịch huyện Mèo Vạc thu hút được trên 10.000 lượt du khách đến thăm quan, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân. Tuy nhiên việc duy trì các giá trị văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc của người Giáy dần mai một do sự phát triển chung của xã hội nếu không được quan tâm, phục dựng, duy trì sẽ bị mất hoặc bị thiếu không đáp ứng được sự gắn kết giữa du lịch và nét văn hóa của địa phương.

Để duy trì, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Giáy huyện Mèo Vạc gắn với phát triển du lịch cần thực hiện một số nội dung như sau:

1. Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc Giáy, ưu tiên hỗ trợ bảo tồn các lễ hội truyền thống có nguy cơ mai một và các lễ hội tiêu biểu nhằm khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch tại vùng Các làn điệu hát phươn dân tộc Giáy trong đám cưới, điệu múa khăn dân tộc trong đám cưới, trang phục dân tộc mặc trong các lễ hội truyền thống..... Trước mắt cần Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Giáy.

2. Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống (Lễ hội mùa trồng, lễ hội mùa kiếm, lễ cúng miếu ông, miếu bà) tại các làng, bản có đồng bào dân tộc Giáy sinh sống, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch như: thành lập đội văn nghệ lưu

động để biểu diễn, tổ chức trình diễn, tái hiện lễ hội truyền thống cho du khách xem, thưởng thức.

3. Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc Giáy trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận. Vấn đề này là hết sức cần thiết và cần phải thực hiện càng sớm càng tốt, bởi vì thế hệ trẻ họ quan tâm hơn đến đời sống vật chất, học những vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế hộ, hầu như lĩnh vực văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa không quan tâm dẫn đến mai một, lãng quên...

4. Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (*các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống*) cho các đối tượng nghệ nhân, già làng, trưởng bản, các thôn có cộng đồng dân tộc Giáy sinh sống trên địa bàn huyện bao gồm: âm nhạc, múa, hát, sân khấu và các hình thức trình diễn dân gian khác; tập quán xã hội (bao gồm: luật tục, hương ước, chuẩn mực đạo đức, nghi lễ và các phong tục khác); lễ hội truyền thống; nghề thủ công truyền thống; tri thức dân gian (bao gồm: tri thức về thiên nhiên, đời sống con người, lao động sản xuất, y, dược học cổ truyền, ẩm thực, trang phục và các tri thức dân gian khác), văn hóa, giao tiếp ứng xử, kỹ năng đón tiếp phục vụ khách du lịch; kỹ năng, phương pháp chế biến món ăn; kỹ năng phục vụ lưu trú du lịch; kỹ năng hướng dẫn du lịch.

5. Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống dân tộc Giáy gắn với các du lịch (mô hình trải nghiệm): như đội văn hóa lưu động có thể trình diễn được nhiều tiết mục múa, hát phục vụ du khách.

6. Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn có đồng bào dân tộc Giáy trên địa bàn các thôn trong huyện.

- Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu (*các làng văn hóa du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn với du lịch phong cảnh*).

7. Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc Giáy trên địa bàn huyện;

Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc Giáy; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc Giáy và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng trên địa bàn huyện Mèo Vạc.

8. Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của dân tộc Giáy; Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp những nơi có miếu tâm linh của người dân tộc Giáy.

9. Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa (*nhà văn hóa cộng đồng phục vụ cho sinh hoạt văn hóa dân tộc, trưng bày các sản phẩm văn hóa*), đầu tư cơ sở hạ tầng khác như: nâng cấp hoặc mở đường đến các điểm du lịch, xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, nhà vệ sinh công cộng, hệ thống thoát nước thải, chất thải tại các làng văn hóa du lịch cộng đồng. Quy hoạch các vị trí chăn nuôi tập trung để gìn giữ môi trường sạch tại làng, bản du lịch.